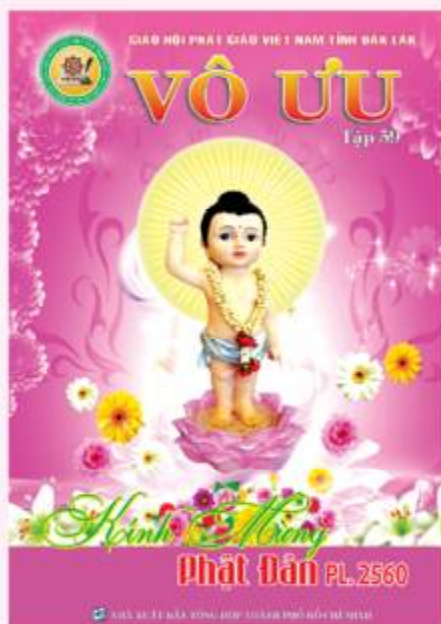


*Ta xuất hiện ở đời, như đám mây lớn, có thể làm thấm nhuần tất cả; nghĩa là vì muốn khiến những chúng sanh khô khát đều xa lìa đau khổ, được vui, an ổn. Trong thế gian, kẻ làm cho chúng sanh được vui, yên ổn không ai bằng Ta. Ta vì đại chúng nói pháp cam lồ thanh tịnh; pháp ấy dạy có một mùi là: **Giải thoát và Niết bàn...***

Kinh Pháp Hoa





VÔ ƯU TẬP 59

Chứng minh
TT. THÍCH CHÂU QUANG

Chủ biên
TS. GIÁC KIẾN

Tổ chức thực hiện
Cư sĩ TẠ NAM TRẦN

Biên soạn
TẠ NAM TRẦN
TRẦN XUÂN THÁI
PHAN BÁ SĨ
NGÔ VĂN HẢI

Phát hành
TRỊNH DUNG

Văn phòng Ban Trị sự
Chùa Sắc Tứ Khải Đoan
số 117 Phan Bội Châu - TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500. 3858649 - 0979 722 739

Với sự cộng tác thường xuyên:
THÍCH THIÊN ĐẠO - THÍCH THÔNG HUỆ -
THÍCH HUYỀN LAN - CHƠN HƯƠNG - PHƯỚC
THẮNG - MANG VIÊN LONG - PHAN MINH ĐỨC
- TRÍ BÙU - PHAN BÁ SĨ - DƯƠNG KINH THÀNH
- TUỆ KHƯƠNG - PHAN NGỌC THẢO - HUỲNH
PHONG LƯU - HUỲNH NGỌC THÀNH - HỒ ĐẮC
THIỆU ANH - BS. HỒ VIỆT SANG - VÔ VĂN LÂN
- TIẾN THẢO - DẠ LỮ KIỂU - MINH MẪN - TỊNH
VIÊN CƯ SĨ - NS. HẰNG VANG - NGÂN
THƯƠNG - KIỂU TRUNG PHƯƠNG - PHAN
THÀNH MINH - HẠNH PHƯƠNG - TÂM NHIÊN -
KHANG THI - NHÓM ẢNH NHẤT CHI MAI -
CAMERA PHÚC QUÝ.

Mục lục

3.	Thông điệp Phật Đản PL. 2560	ĐỨC PHÁP CHỦ GHPGVN
4.	Diễn văn Phật Đản PL.2560	HT. CHỦ TỊCH HĐTS GHPGVN
6.	Đản sanh vi diệu	THÍCH THÔNG HUỆ
10.	Kính mừng Phật Đản PL.2560	CHƠN HƯƠNG
15.	Cuộc đời Đức Phật Thích Ca...	PHẠM ĐẠT NHÂN
19.	Cảm niệm mùa Phật Đản PL.2560	TRÍ BÙU
22.	Góp phần tỏa sáng thâm nghĩa...	DƯƠNG ĐÌNH CHÍ
26.	Đạo Phật con đường hạnh phúc	MINH HẠNH ĐỨC
28.	Tin nhân quả là người có trí tuệ	VÔ VĂN TƯỜNG dịch
30.	Tinh bình đẳng trong xã hội Phật giáo	THÍCH TÂM NHƯ
33.	Một lòng tin, hạnh, nguyện...	HUỲNH PHONG LƯU
36.	Từ thiện và bố thí	PHAN MINH ĐỨC
39.	Cần chăng phải có Tôn giáo?	MINH MẪN
44.	Tác giả tác phẩm: Dạ Lữ Kiều	LÊ SA ĐÀ
46.	Ngày Đức Phật Đản sinh...	MANG VIÊN LONG
49.	Đạo Phật với biến đổi khí hậu	VÔ VĂN LÂN
52.	Từ bi và hòa bình	XUÂN TRÀ
56.	Vườn thơ Vô Ưu	NHIỀU TÁC GIẢ
58.	Nhạc: Mùa Phật Đản	Thơ HUYỀN LAN - Nhạc NGUYỄN PHƯƠNG
59.	Cho hương từ lan xa	NGUYỄN DUNG
61.	Châu Mạ ơi! Dây K' Liêm!	PHƯỚC THẮNG
65.	Triết lý sống của một nhà sư	NGUYỄN DUY
67.	Đốn ngộ - Tiệm ngộ...	PHAN NGỌC THẢO
71.	Những điều tâm huyết...	TÂM THƯỜNG
73.	Lễ cưới của đồng bào M'Nông Gar	TRƯƠNG BI
76.	Xả Stress không phải uống thuốc	BS ĐỖ HỒNG NGỌC
80.	Đại lễ cầu siêu Anh hùng liệt sĩ...	BAN TTTT Phật giáo Đăk Lăk
82.	Trang Phật sự	CỘNG TÁC VIÊN
86.	Lời Ban Biên soạn	BAN BIÊN SOẠN

Liên hệ: Cư sĩ Tạ Nam Trần, Trưởng ban Thông tin Truyền thông GHPGVN tỉnh Đăk Lăk. Hộp thư 29 Bưu điện TP. Buôn Ma Thuột
Điện thoại: 0903 519 530 * Email: noisanvouu@gmail.com * website: www.phatgiaodaklak.org

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2016
(tức ngày 15 tháng 4 năm Bính Thân)

THÔNG DIỆP CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Gửi Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử nhân Đại lễ Phật đản Phật lịch 2560, Dương lịch 2016

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính gửi: Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư,
Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Mùa Phật đản PL.2560 - DL.2016, Tăng Ni và Phật tử Việt Nam hòa với niềm vui nhân lên gấp bội trong ngày hội của toàn dân tham gia bầu cử Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, Tôi gửi tới chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức, Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài lời chúc mừng đại hoan hỷ, an lạc, thành tựu trên bước đường phụng sự Đạo Pháp và Dân tộc!

Kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh là cơ hội để nhân loại xác quyết niềm tin vào giáo lý Từ bi, Trí tuệ, và Hòa bình mà vị Đạo sư Giác ngộ - Phật Thích Ca Mâu Ni đã truyền trao từ cách đây 2600 năm vẫn còn nguyên giá trị và mang lại ý nghĩa cho cuộc đời của hàng triệu triệu người trên thế giới. Với niềm tin vào Phật - Pháp - Tăng, con người sẽ vượt qua mọi hoàn cảnh để đạt được hạnh phúc, an lạc.

Kính mừng Phật đản, một lần nữa chúng ta khẳng định niềm tin bất động đối với ngôi Tam Bảo như trong Kinh Tương Ưng V, Đức Phật đã dạy: “Ở đây này các Tỷ kheo, vị thánh đệ tử thành tựu niềm tin bất động đối với Phật, vị ấy thành tựu niềm tin bất động đối với Pháp, vị ấy thành tựu niềm tin bất động đối với Tăng, vị ấy thành tựu các giới được các bậc thánh ái kính”. Niềm tin ấy, giống như viên ngọc làm trong nước vẫn đục, tẩy sạch phiền não cấu uế nơi tâm thức của mỗi con người: “Giống như bảo ngọc tinh luyện nước của vương hoàng hoàn vũ ném xuống nước khiến cho các vật rắn, đất phù sa, tảo rong và bùn nhơ lắng đọng xuống đáy sông và biển nước trở nên trong trẻo, trong suốt nhìn thấy tận đáy. Chính vì thế khi đức tin xuất hiện, mọi trở ngại bị loại bỏ, tha hóa lắng đọng xuống, tinh luyện trả lại yên tĩnh cho tâm hồn; tâm được tinh luyện tạo ước muốn một gia đình bậc thánh luôn nương tựa như bố thí, giữ gìn giới luật, thực hiện những nhiệm vụ “Bồ tát” và khởi sự tiến tu tịnh nghiệp, tham thiền. Chính vì vậy trạng thái của đức tin được biết đến như một chất tẩy uế đưa đến sự trong sáng của tâm...” (trích trong chú giải Bộ Pháp Tụ). Và cũng với tinh thần niềm tin trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “Tin là gốc của đạo, là mẹ đẻ sinh ra các công đức”. Thật vậy, với một niềm tin trong sáng, tích cực, chánh tín là động lực thiết yếu khích lệ, phát huy điều tốt nơi con người, đưa đến sáng tạo, phát huy trí tuệ và dẫn đến hạnh phúc cho mình, cho người và cho cả nhân loại.

Thành tựu mà 35 năm qua Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đạt được, tiếp nối truyền thống hàng nghìn năm Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc, cũng chính là sự đặt trọn niềm tin của các cấp Giáo hội, các sơn môn, hệ phái, Tăng Ni, Phật tử vào ngôi Tam Bảo, vào ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tôi cũng tin tưởng rằng, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam không

ngừng tinh tấn tu tập, trau dồi Giới - Định - Tuệ, gìn giữ truyền thống pháp môn tu tập tinh hoa của Phật giáo Việt Nam, đồng thời đáp ứng nhu cầu thực tập chứng nghiệm tâm linh của xã hội đặt niềm tin nơi Đạo Phật trong thời đại mới.

Với tinh thần nhập thế, nhân Mùa Phật đản PL.2560 - DL.2016, Tôi đặc biệt mong muốn toàn thể Tăng Ni, Phật tử Việt Nam với tâm nguyện và trách nhiệm tri ân của những người con Phật, mỗi người bằng những hành động thiết thực nhất hãy bảo vệ môi trường bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu đang đe dọa đời sống của chính chúng ta. Thực hành lời dạy của Đức Phật trong kinh A Hàm, phẩm Kinh Lâm: “Tỷ kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: Ta nương vào khu rừng này để ở, chưa có chính niệm sẽ được chính niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu hoặc chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết bàn... Nay các Tỷ kheo phải bảo vệ môi trường tự nhiên trong sạch”. Hãy cùng nhau làm cho môi trường xung quanh chúng ta xanh hơn, sạch hơn, và đẹp hơn!

Nguyện cầu ánh sáng từ bi, trí tuệ của Đức Phật Bản Sư Thích Ca Mâu Ni soi sáng khắp muôn nơi trên trái đất xua tan đi nỗi sợ hãi của khủng bố rình rập, của chiến tranh đe dọa, của thiên tai do biến đổi khí hậu tàn phá, làm cho thế giới hòa bình, chúng sinh được an lạc.

Kính chúc quý vị một mùa Phật đản trọn vẹn niềm hoan hỷ vô biên!

ĐỨC PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
(đã ký)
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH PHỔ TUỆ

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM **HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ**

DIỄN VĂN PHẬT ĐẢN PL.2560 - DL.2016 **CỦA HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ** **GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

- Kính bạch Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni!
- Kính thưa Quý vị cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài!

Thưa quý liệt vị!

Chúng ta đang sống trong những ngày tháng 5 lịch sử, tháng mà hàng triệu Tăng Ni, Tín đồ Phật giáo trên thế giới tung bừng kính mừng Đại lễ Vesak (Đại lễ Tam hợp), kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh tại vườn Lâm Tỳ Ni thuộc xứ Ấn Độ cổ đại, nay là Nepal cách đây 2640 năm về trước. Thời khắc trăng tròn tỏ rạng, Đức Phật đản sinh là một sự kiện trọng đại, thiêng liêng, một sự kiện hy hữu của toàn nhân loại. Ngài là bậc Đạo sư Giác ngộ tỏa ánh sáng năng lượng xóa tan màn vô minh của xã hội phân hóa giai cấp, giàu nghèo và bất công mà căn nguyên bởi tại lòng tham, sân, si của con người. Vì giáo lý trong sáng và toàn bích của Ngài là suối nguồn từ bi, trí tuệ đưa con người đến một đời sống hướng thượng đầy tình yêu thương vô ngã, thấm nhuần hương vị giải thoát giác ngộ. Kinh Nikaya có ghi: “Một chúng sinh duy nhất, một con người phi thường xuất hiện trong thế gian này, vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng bi mẫn, vì sự tốt đẹp, vì lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Đó là Đấng Như

↳ Lai Chánh đẳng Chánh giác”. Sự kiện Đức Phật đản sinh là bức thông điệp hòa bình, hạnh phúc thương yêu, mở ra con đường mà tự thân mỗi người phải vượt qua sự căm dỗ và chi phối của tham ái để tiến đến cảnh giới giác ngộ, đó chính là con đường tu tập Giới - Định - Tuệ hướng đến sự an lạc, giải thoát là lẽ đích thực và cứu cánh của cuộc sống và cuộc đời hưởng thụ.

Hôm nay Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam long trọng tổ chức Đại lễ kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh PL.2560 - DL.2016 trong niềm hoan hỷ vô biên hướng tới kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981 - 2016), đặc biệt là cùng với nhân dân đồng bào cả nước tích cực tham gia vào kỳ bầu cử Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 thành công rực rỡ.

Nhìn lại chặng đường lịch sử 2000 năm, Phật giáo Việt Nam tự hào thời kỳ vàng son Lý - Trần với những vĩ nhân lịch sử: Vua Lý Công Uẩn và Phật hoàng Trần Nhân Tông và biết bao những vị thiền sư đại trí đã đứng ra giúp nước cứu đời, hộ quốc an dân, quả thật như Đức Phật đã dạy các đệ tử trong Kinh Đại thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán: "Thiện nam tử! Ổn của thế gian và xuất thế gian có bốn bậc: Một là, ơn Cha mẹ; hai là, ơn Tam Bảo; ba là, ơn Quốc vương; bốn là, ơn Chúng sinh. Ổn Quốc vương, vị làm chủ một quốc gia, đất nước, là người có đủ phúc đức tối thắng. Vị ấy là người có phúc đức tối thắng hơn hết thảy phúc đức của chúng sinh. Vị ấy là Đại thánh vương dùng Chính pháp giáo hóa, khiến chúng sinh trong đất nước đều được yên vui. Thánh vương lấy pháp luật trị nước làm lợi ích cho chúng sinh cũng như vậy. Như mặt trời soi sáng thế gian, Thánh vương thường quan sát thiên hạ, đem lại sự yên vui cho nhân dân. Nếu Quốc vương đem Chính pháp giáo hóa, tám sự khủng bố sẽ không xâm nhập vào trong nước được. Đó là sự xâm lược của nước ngoài, phản nghịch trong nước, ác quỷ tật bệnh, đất đai khô hạn, nhân dân thiếu đói, gió mưa trái thời, gió mưa quá thời, nhật thực, nguyệt thực và tinh tú kỳ lạ xuất hiện. Vị Đại thánh vương trong nước, coi quần sinh như con một, tâm ủng hộ họ ngày đêm không rời". Trong mùa Phật đản năm nay, chúng ta tin tưởng và chào mừng thế hệ Lãnh đạo mới của đất nước sẽ tiếp tục có nhiều động lực tạo cho đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam luôn phát triển ổn định bền vững, thịnh vượng, trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Thưa quý liệt vị!

Kính mừng ngày Đản sinh của Đức Từ Phụ năm nay, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam, các Ban, Viện trung ương, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp tích cực trong công tác Phật sự ích đạo lợi đời, là năm bản lề nỗ lực hoàn thành chương trình Phật sự của Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VII tiến tới Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII vào năm 2017; Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh, thành phố trong cả nước chỉ đạo việc tổ chức Đại hội Phật giáo cấp quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 để chuẩn bị tốt cho công tác tổ chức Đại hội Phật giáo cấp tỉnh, thành phố là một bước đổi mới trong cải cách hành chính Giáo hội.

Trong không khí hân hoan kính mừng ngày Phật đản sinh, tôi cũng mong muốn các cấp Giáo hội, các địa phương sẽ có nhiều hoạt động Phật sự sáng tạo, thiết thực chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam và hưởng ứng lời hiệu triệu trong Thông điệp của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam bằng những kế hoạch và hành động cụ thể tích cực tham gia chương trình đã ký kết với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xây dựng thế giới hòa bình, tịnh lạc cho hành tinh chúng ta nhân ngày Đản sinh của Đấng Từ phụ Thích Ca Mâu Ni.

Kính chúc quý vị một mùa Phật đản vô lượng cát tường, thành tựu viên mãn các Phật sự cũng như thế sự trong hào quang gia hộ của chư Phật.

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh! ■

Đản sanh vi diệu

THÍCH THÔNG HUỆ

Bất kỳ một tôn giáo nào, ngày Đản sanh của vị Giáo chủ là ngày trọng đại nhất. Trong tất cả những ngày lễ của Đạo Phật, ngày Phật Đản là ngày lễ lớn nhất, là Đại lễ Vesak của toàn thế giới. Nghĩa là, ngày Đản sanh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã trở thành ngày lễ hội văn hóa thế giới, mang tính toàn cầu, được sự bảo trợ, quan tâm đặc biệt của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc. Qua đó, đã khẳng định được vị trí quan trọng của Đạo Phật chúng ta trên lĩnh vực một tôn giáo văn hóa, hòa bình của nhân loại và thấy được sự xuất hiện vi diệu của Đức Phật trong cuộc đời rất có ý nghĩa.

Điều hy hữu nhất trong tất cả những điều hy hữu là: khó thay Phật ra đời! Đây là sự kiện trọng đại, vị tăng hữu (chưa từng có), nghìn năm một thuở trong lịch sử nhân loại. Trong một thế giới, không bao giờ có hai vị Phật đồng thời xuất hiện. Kinh Nikàya có ghi: “*Một người,*

này các Tỷ kheo, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một cách vi diệu. Người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A la hán Chánh Đẳng Giác”. Sự xuất hiện của Ngài được gọi là vi diệu vì sự xuất hiện đó như ánh sáng mặt trời xua tan bóng đêm tăm tối, mang lại hạnh phúc đích thực, bình an vĩnh cửu cho vạn loại, ban cho chúng sanh một phương thuốc mầu nhiệm điều trị tâm bệnh, nỗi khổ trầm luân sinh tử.

Từ khi còn ở trong hoàng cung, Ngài đã thường trầm tư suy nghĩ về những cảnh sanh, già, bệnh, chết của kiếp sống con người. Ngài ăn không ngon, ngủ không yên khi nhìn thấy nỗi khổ đau của chúng sinh đang chìm đắm trong dục lạc, si ái. Ngài không màng đến những thú vui xa hoa, sung sướng cho riêng mình nơi cung son, khi nhân loại đang quờ quạng trong đêm trường vô minh tăm tối. Ngài quyết định ra đi vì đại cuộc, vì mục đích tìm ra ánh sáng giác ngộ, cứu độ

chúng sanh. Rõ ràng địa vị cao sang đối với Ngài không quan trọng bằng sự giác ngộ, tấm lòng từ bi và hạnh nguyện phổ độ chúng sinh. Kinh Nikàya có ghi: “*Một chúng sinh duy nhất, một con người phi thường xuất hiện trong thế gian này, vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng bi mẫn, vì sự tốt đẹp, vì lợi ích và hạnh phúc cho chư Thiên và loài người*”.

Đức Phật với sự giác ngộ của Ngài, không những mang tính minh triết mà còn với lòng từ bi bất bạo động, mang an lạc, hạnh phúc, hòa bình, hữu nghị nên được thế giới chấp nhận. Đó là một giá trị văn hóa tâm linh tôn giáo mang tính vĩnh cửu.

Kinh A Hàm có tán thán sự kiện Đản sanh hi hữu, vi diệu của Đức Phật như sau: “*Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, của đại quang, của đại minh, là sự xuất hiện thù thắng của sự chứng ngộ vô ngại giải, là*

☞ *sự chứng đạt các giới và các giới sai biệt, là sự chứng ngộ minh và giải thoát, là sự chứng ngộ quả Dự Lưu, Nhất Lai, Bất Lai, A La Hán, người ấy là ai? Đây các Tỷ kheo, chính là Như Lai, bậc A La Hán”.*

Đức Phật xuất hiện gọi là mắt lớn, nhìn thấu suốt bản chất sự vật trên thế gian, là đại quang đại minh, là sự xuất hiện thù thắng của sự chứng ngộ vô ngại giải (biện tài vô ngại). Ngài chứng đạt các giới và các giới sai biệt, thấy rõ sáu căn, sáu trần và sáu thức là vô thường, duyên sinh, vô ngã, huyễn mộng. Ngài đã thấp sáng trí tuệ Bát Nhã, không còn vương nhiễm các pháp, nên được giải thoát, đạt được các quả vị Dự Lưu, Nhất Lai, Bất Lai, A La Hán một cách tự tại.

Đạo Phật đã hòa nhập vào nền văn hóa của dân tộc Việt Nam suốt hai mươi thế kỷ, trở thành dòng máu của người dân Việt, đóng góp rất tích cực trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển quê hương đất nước. Ngày Phật Đản là ngày đem lại niềm tin và sự kỳ vọng. Đạo Phật mang một sứ mệnh gắn kết các dân tộc, tôn giáo, gắn kết tất cả mọi đặc thù về văn hóa, chủng tộc... Bởi giáo lý của Đạo Phật mang thông điệp hòa bình, hữu nghị, tình thân ban vui cứu khổ, hóa giải mọi xung đột về các ý thức hệ. Chính vì vậy, Đạo Phật đã hòa nhập, nối nhịp cầu thông cảm, yêu thương, mang tính đoàn kết, hòa bình trên mọi lĩnh vực quốc tế. Cho nên, ngày Phật Đản là ngày truyền thông điệp của

niềm tin và hy vọng về một thế giới tương lai đầy ấp tình thương yêu, không có bóng dáng chiến tranh, hận thù. Giáo pháp của Đức Phật có thể giúp thế giới sống trong hòa bình. Đức Phật chưa từng khuyến khích con người đấu tranh, sát phạt nhau. Đức Phật cũng không tự thiết lập cho Ngài một quyền lực gì, và Đạo Phật cũng không có giáo quyền, binh quyền nên chưa từng có một cuộc Thánh chiến nào mang danh Đức Phật để tiến hành những cuộc chiến đẫm máu trong lịch sử nhân loại.

Tại lễ Vesak 2009 tổ chức tại Thái Lan, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc - ông Ban Ki Moon đã nói: *“Giáo pháp của Đức Phật có thể giúp thế giới trở nên hòa bình. Tất cả chúng ta có thể học hỏi tình*



↳ **thần từ bi của Đức Phật.**
Những lời dạy bất hủ của Ngài có thể giúp chúng ta giải quyết nhiều vấn nạn toàn cầu mà ngày nay nhân loại đang đối đầu”.

Trong bối cảnh thế giới đang có nhiều biến động sâu sắc như hiện nay, hơn lúc nào hết, nỗi mong mỏi về một thế giới vắng bóng hận thù, dịch bệnh, thương đau là một nhu cầu bức thiết của số đông, một khát vọng cháy bỏng của biết bao con người trên thế giới đang chung vai góp phần xây dựng một xã hội an bình, tự do, hạnh phúc.

Nhất là hiện nay, trên thế giới đang đứng trước nguy cơ rất nan giải về các vấn đề môi trường. Khi mặt đất, nguồn nước, không khí bị ô nhiễm, hiện tượng El Nino, hiệu ứng nhà kính, tầng Ozone bị thủng..., rất nhiều vấn nạn cho con người, gây ra do vô minh tâm tối, tàn phá

thiên nhiên. Với giáo lý minh triết của Đạo Phật có thể đáp ứng, giải quyết mọi vấn nạn đó, nhất là vấn đề môi sinh.

Khi còn tại thế, Đức Phật từng dạy các vị tỳ kheo: **“Này các Tỳ kheo, khi các người đến dưới một gốc cây ngồi nghỉ một buổi trưa nắng oi bức, hay là đến dưới bóng cây các người thiền tọa, sau khi rời các cây đó ra đi, các người phải tưởng nhớ bóng cây đã che mát cho mình”**, và **“Này các Tỳ kheo, các người không được đi giẫm đạp trên cỏ non”**. Những lời dạy của Đức Phật không những từ bi đối với các loài động vật như: con người, trâu bò, heo, chó, gà, vịt..., mà cho đến các loại thảo mộc, Đức Phật cũng khuyên nên hạn chế tối đa vấn đề chặt phá, giẫm đạp lên mầm sống của các loài thực vật. Đạo Phật là đạo hiếu sinh, yêu chuộng hòa bình, bảo vệ sự sống.

Chúng ta sống không thể thiếu môi trường thiên nhiên, vì cây xanh là lá phổi hô hấp, tạo khí oxy và hút khí cacbonic, ngăn ngừa lũ lụt. Nhà nước đang khuyến khích toàn dân bảo vệ rừng, nghiêm cấm chặt phá cây rừng, thực hiện các phong trào trồng cây gây rừng, tạo môi trường thiên nhiên, mang lại màu xanh cho trái đất. Ngoài ra, nên tích cực giảm thiểu các khí thải độc hại nơi các nhà máy, xí nghiệp đã làm ô nhiễm không khí và nguồn nước. Thế giới đang lên tiếng kêu gọi ủng hộ **“Giờ trái đất”** nhằm kêu gọi hạn chế sự ảnh hưởng độc hại đến cuộc sống con người.

Nói trên phương diện đạo lý, môi trường bên ngoài ô nhiễm là do con người nhiễm bụi trần tham - sân - si quá nặng, lòng ham muốn đạt lợi cho mình mà không nghĩ đến hậu quả khôn lường cho mọi người xung quanh. Từ cái chấp ngã, chấp pháp, vô minh tâm tối, si mê ám chướng bên trong mà thể hiện ra bên ngoài thế giới cũng bị ô nhiễm.

Bởi vậy, Đức Phật dạy: **“Tâm tịnh quốc độ tịnh”**. Nếu con người ai cũng biết tu tập, thì họ phát triển khoa học, công nghệ nhưng không mang tính chất phá hoại. Nếu áp dụng tinh thần từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha của Đạo Phật thì các nhà khoa học sẽ không chế ra vũ khí hạt nhân



Ảnh: Phú Quý

giết người hàng loạt. Cho nên, muốn có một thế giới thật sự phát triển và hạnh phúc thì khoa học phải song hành với đạo học. Nói cách khác, khoa học phải có đạo học thì khoa học đó mới có thể đem lại lợi ích cho con người. Nếu khoa học không có đạo học, có nghĩa là con người không có đạo đức, thế giới trở nên nguy hiểm, nhất là khi con người đang có khuynh hướng hưởng thụ, hưởng ngoại, đam mê vật chất. Ngày xưa, cha ông ta xem trọng đạo lý, tình nghĩa trong cuộc sống hơn là tiện nghi vật chất. Nhưng thời hiện đại, xã hội loài người đào tạo con người phần nhiều là trọng tri thức và hưởng ngoại, nghĩa là xem trọng trí dục mà xem nhẹ đức dục. Đây là nguyên nhân của mọi thác loạn của cuộc sống đương đại.

Mỗi mùa Khánh Đản về là dịp cho chúng ta ôn lại nét đẹp siêu nhiên về sự xuất hiện vi diệu của Đức Phật và nhân cách vĩ đại của Ngài, đồng thời cũng để nhắc nhở nhau tu hành theo ánh sáng chân lý mà Đức Phật đã tìm ra và truyền lại. Chúng ta là người học Phật, phải biết quay về với đời sống tâm linh đạo đức, lấy giáo lý của Đức Phật soi sáng mọi hành động, lời nói và ý nghĩ của mình, nhằm chuyển hóa bản thân, xây dựng gia đình và xã hội được bình an, phúc lạc. Chúng ta được phước duyên cận kề ngôi Tam Bảo, học hiểu đạo lý tu hành, có trí tuệ và đạo đức thì sẽ cảm thấy một sự an lạc, một năng lực sống vững chãi, thanh thoi trên bước đường tu tập, dù cho dòng đời có biến động nhiều nhường theo định luật vô thường tan hợp. Mỗi giây, mỗi phút chúng ta nghĩ điều thiện, miệng nói điều lành, thân làm việc tốt, lợi đạo ích đời, sống hiền lương đạo đức, đó chính là chúng ta đang tích lũy công đức lành để đời sau sanh ra với y báo chánh báo trang nghiêm hơn. Công năng tu hành đó mới chính là phẩm vật dâng lên cúng dường Đức Từ Phụ nhân ngày Đản sanh của Ngài ■

Chốn bình yên

*Chốn cũ quê nhà thân thương,
Đàn con phiêu bạt bốn phương,
Khi được trở về quê mẹ,
Chắc ấm thâm tình cố hương!!*

*Chốn cũ thơm chùm khế ngọt,
Ai trèo hái trái năm xưa?!
Vườn cũ Chèo Mào có hót?!
Âu ơ mẹ hát giữa trưa?!*

*Chốn cũ bướm có chao nghiêng?!
Hương cau tỏa ngát ngoài hiên,
Tiếng võng có đưa kéo kẹt?!
Quê hương hai tiếng dịu hiền.*

*Con mơ chốn cũ trở về,
Cùng em dạo gót đường quê,
Đất mẹ mỗi người có một,
Khi xa mơ ấm hương thề!!*

*Nguyện cầu quê mẹ yên bình,
Sông quê con nước xinh xinh,
Nương đôi bốn mùa tươi mát,
Hồn quê thấm đượm nghĩa tình.*

● TK. VY TIỂU





PHẬT ĐẢN PL.2560 - DL.2016

✍ CHƠN HƯƠNG

*“Tháng Tư Khánh Đản ngát trăm hương
Thành kính dâng hoa lễ cúng đường
Kỷ niệm hằng năm ngày Khánh Đản
Thích Ca thị hiện đẹp muôn phương”.*

(Mai Thanh Sơn)

Đã thành thông lệ, Phật giáo đồ khắp nơi trên thế giới, và những ai mến mộ Đạo Phật, muốn sống theo lý tưởng từ bi, hòa bình, khoan dung và bất bạo động... của Phật giáo, đều hân hoan và long trọng tổ chức Đại lễ Phật Đản với tâm niệm chí thành và lòng ngưỡng mộ vô biên đối với Bạc Thầy cao cả.

Phật Đản Sanh là một sự kiện kỳ vĩ, hy hữu đối với chư Thiên, loài người và vạn loại chúng sanh. Khởi đi từ Ngày Phật Đản mà chúng ta có được một Kho tàng Chánh pháp đồ sộ mà mỗi pháp môn, mỗi lời dạy của Đức Phật là một phương thuốc chữa bệnh trăm kha cho chúng sanh.

Nhận định của bác sĩ và là hành giả Phật giáo SRIDHAMMANANDA đã nói lên điều đó: “Giáo lý của Phật giáo là một trong

những gia tài tinh thần giàu có nhất của nhân loại. Vì nó đã nâng cao chân trời nỗ lực của con người vượt lên một tầm mức cao hơn, vượt qua những nhu cầu ham muốn không bao giờ thỏa mãn của con người”.

Thế mà oái ăm thay, vì “Tam giới bất an do như hỏa trạch”, cũng như những năm qua, kỷ niệm Phật Đản PL.2560 năm nay, trong bối cảnh mà thế giới đầy bất trắc, loài người đang chịu nhiều tang tóc đau thương thống khổ. Ngoài những tai họa do thiên nhiên gây ra như biến đổi khí hậu, động đất, hạn hán khắc nghiệt, nước biển xâm nhập và nhiễm mặn, nhiều căn bệnh quái ác mới phát sanh..., thì có những đau khổ, sự bất ổn do chính con người gây ra như bạo động, nạn khủng bố khắp nơi, chiến tranh cục bộ tràn lan, khủng hoảng về tỵ nạn, di dân. Biết bao người tại các quốc gia bị tan cửa nát nhà, đành phải lìa bỏ quê hương, vượt biển, thất thủ lang thang, dạt dứu nhau trong đói lạnh chết chóc, đi tìm chốn dung thân trong vô vọng khôn cùng. Suy cho cùng, thiên tai hay nhân họa

☞ cũng từ con người gây ra tất cả. Khi mà con người còn hận thù cố chấp, cục bộ, còn cuồng tín trong giáo điều. Tính nhân bản bị tha hóa, lương tri và lương tâm bị quay cuồng trong tham vọng huyễn hư thì loài người vẫn còn triển miên trong đau thương trầm thống.

Nhưng cuộc đời vốn có hai mặt sáng và tối, nên hết mưa trời lại sáng. Và cuối cùng thì gã Cùng tử cũng tìm ra viên ngọc quý sau những năm tháng mỏi gối chồn chân trong lang thang đói rét.

Bậc Đạo Sư đã ân cần huấn thị: *"Hận thù không tiêu diệt được hận thù. Chỉ có Từ bi mới tiêu diệt được hận thù. Đó là định luật ngàn thu"*.

Và đây nữa: *"Ngày nay xã hội chúng ta luôn luôn bị chiến tranh và bạo hành khủng bố rình rập, đe dọa khắp nơi. Vì vậy, mọi người nên thực tập và áp dụng giáo pháp của Đức Phật để thiết lập một thế giới hòa bình, giảm thiểu chiến tranh và đổ máu"* - Bác sĩ Yeddyurappa, Tổng Bộ trưởng Ấn Độ.

Ngoài ra, tổ chức Liên Hiệp quốc, với trách nhiệm của mình, trước sự nhiễu nhương bất ổn của thế giới, cũng phải tìm kiếm giải

pháp và tìm cầu viện dẫn vào Đạo Phật, là thái độ đúng đắn và sự cầu thị khôn khéo.

Bằng chứng là từ năm 2000 đến nay, cứ vào dịp kỷ niệm Đại lễ Vesak, vị Tổng Thư ký LHQ đều gửi Thông điệp chúc mừng và khẩn thiết kêu gọi ứng dụng lời Phật dạy như một lối thoát cuối cùng cho vấn nạn toàn cầu.

"...Việc tổ chức hàng năm Đại lễ Vesak này là cơ hội để giới Phật giáo đồ xác quyết niềm tin vào giáo lý của Ngài, đồng thời phát huy tinh thần Từ bi, Trí tuệ và Hòa bình mà Phật Tổ đã truyền trao" (Thông điệp Phật Đản LHQ năm 2007).

Và đây: *"Trong thời đại bất trắc của toàn cầu hôm nay, quan niệm về Hòa bình và tiềm năng cao cả nhất của con người mà Đức Phật đã chỉ ra, bỗng trở nên thích đáng hơn bao giờ hết"* (Thông điệp Phật Đản LHQ năm 2012).

Vì thật ra: *"Đức Phật không phải là của riêng người Phật tử. Ngài là của toàn thể nhân loại. Lời dạy của Ngài phù hợp cho tất cả mọi người. Tất cả các tôn giáo khai sáng sau Ngài đều đã vay mượn rất nhiều các tư tưởng hay đẹp từ giáo lý của Ngài"* - Một học giả Hồi giáo.

☞



Ảnh: Phú Quý

☞ Phật giáo là Phật giáo của mọi người, cho mọi người; vì vậy, muốn hết khổ được vui, muốn giúp người và cứu đời ra khỏi ngôi nhà lửa thì không thể không trở về khai thác trong Vương quốc Chánh pháp Phật giáo.

Thật vậy, Gia tài Chánh pháp tuy thậm thâm vi diệu nhưng không phải để tôn thờ, xưng tán một cách vô hồn, sáo rỗng. Trái lại, cần phải học tập, tu dưỡng và xiển dương qua tâm niệm, tư tưởng, lời nói và hành động cụ thể. Phải đem Chánh pháp mà cứu đời như gương sáng của Tôn giả Anan: *"Ngũ trước ác thế thế tiên nhập..."* (Đời khổ đau con nguyện vào trước).

Hồi những vị sứ giả Như Lai, xin tạm rời xa tu viện và Tăng xá nguy nga tráng lệ, và hồi những cư sĩ Phật tử, hãy lánh xa những địa vị, tiền tài và danh lợi huyênh hư khó kiếm mà dễ mất, để lên đường mà phụng sự cuộc đời.

Hơn lúc nào hết, và cũng chưa bao giờ mà Đạo Từ bi và Thông điệp Hòa bình của Đức Phật lại cần áp dụng và cổ xúy khẩn cấp như bây giờ. Vì nhân loại đang cần suối nguồn thanh lương của Từ bi, chất liệu của một nền hòa bình đích thực.

Thật vậy, Đạo Phật là Đạo Từ bi, Đức Phật là hiện thân của Từ bi, thì người Phật tử phải ngày đêm thực hành hạnh Từ bi vào cuộc sống hàng ngày.

Bản chất của Từ bi là Cho vui và Cứu khổ (Từ năng dữ lạc, Bi năng bạt khổ). Sáng cho người niềm vui, chiều cho người bớt khổ. Nghĩa là luôn đem niềm vui, sự an lạc đến cho mọi người và luôn làm cho chúng sanh thoát được nỗi khổ niềm đau. Muốn vậy, trước hết hành giả luôn luôn khởi Đại Bi Tâm, thường xuyên quán niệm đến bốn lãnh vực sau đây:

1 - HỒ: Luôn tự biết xấu hổ, thấy mình sao không bảo vệ được mạng sống cho muôn loài vạn vật mà lại còn xâm phạm đến mạng sống của chúng.

2 - THEN: Phải biết mắc cỡ khi thấy kẻ khác ra sức hành hạnh Từ Bi Tâm, lại ra sức

bảo vệ mạng sống cho muôn loài, thì tại sao mình cũng như họ mà không làm được như họ?

3 - TỬ: Là sự hiến dâng, ban bố sự sống, mang niềm vui cho người và vật được sống hạnh phúc, không bị khủng bố, bạo hành, đe dọa và giết hại.

4 - BỊ: Làm cho cạn, cho vơi đi nỗi đau khổ của người và vật, và thoát được sự lo sợ phập phồng rằng không biết mình sẽ bị bức hại, bị giết bất cứ lúc nào.

Sanh mạng là quý và đời người chỉ sống có một lần. Nên: *"Ai ai cũng sợ gươm đao, ai ai cũng sợ chết, vậy nên, lấy lòng mình mà suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết"* (Pháp Cú câu 129).

Chúng ta nên biết rằng, Luật tạng là một kho báu, tùy theo cấp độ tu tập mà có những giới điều nhiều hay ít sai khác nhau. Khởi đầu tạng Luật là Năm Giới. Vì Năm Giới là nền tảng căn bản đạo đức cho con người và xã hội loài người, dù Đông hay Tây. Từ mê đến ngộ, từ khổ đến vui, từ chúng sanh đến thành Phật, đều phải tu dưỡng và hành trì Năm Giới trước đã. Trong Năm Giới ấy thì giới đầu tiên là không được giết hại sinh mạng của chúng sinh. Giới thứ nhất dạy rằng: *"Ý thức được những khổ đau do sự giết hại gây ra, con xin học theo hạnh Đại bi để bảo vệ sự sống của mọi người và mọi loài. Con nguyện sẽ không giết hại sinh mạng, không vui, không tán thành sự giết chóc, và không để kẻ khác giết hại dù là trong tâm tưởng hay trong cách sống hàng ngày của con"*.

Bởi động lực Từ bi thúc đẩy mà Đức Phật ra đời để độ sanh, Từ bi là nét chủ đạo, là điểm sáng nhất trong lịch sử truyền bá của Phật giáo.

Hành giả Rhys David đã thẩm định rằng: *"Với tôi, không có một tài liệu nào trong tất cả lịch sử dài đằng đẵng của Phật giáo qua hàng ngàn năm mà các tín đồ Phật giáo, tuy trong thời gian dài bất tận như vậy mà có một cuộc ngược đãi nào của người Phật tử đối với những người có niềm tin khác"*.

☞

☞ Từ bi là chất liệu, mà Hòa bình là bức tường thành bảo vệ và che chắn những chất độc và những ngọn gió chướng xâm nhập. Từ bi luôn song hành với Hòa bình, là bạn tâm giao, không rời nhau nửa bước.

Do vậy mà Đạo Phật còn gọi là Đạo Hòa bình, Phật giáo là tôn giáo của Hòa bình. Đức Phật là một nhà đại cách mạng, luôn nêu cao chủ nghĩa Hòa bình đầu tiên trong lịch sử nhân loại.

Đứng trước hiện tình đầy nhiễu nhương và bất an của thế giới hôm nay, thì Thông điệp về Hòa bình của Đức Phật cần được học tập và tuyên dương hơn lúc nào hết. *"Thế giới muốn đạt được Hòa bình, cần đi theo con đường Đức Phật đã dạy"* - Tổng thống Ấn Độ.

Đồng quan điểm, ông Toretaltrem, Đại sứ Na Uy lại cho rằng: *"Phật giáo luôn luôn giải thích cuộc đời bằng lý trí. Ngày nay, đạo Phật phù hợp với xã hội hơn bao giờ hết. Theo Phật giáo, chúng ta là những chủ nhân ông tự quyết định lấy vận mệnh của chính mình và cũng là người bảo vệ môi trường chung quanh"*. Thật rõ ràng, phá hoại tất cả cũng do con người, xây dựng nên tất cả cũng do con người mà có.

"Tất cả những kết quả tốt đẹp, sự giác ngộ đạt được cũng từ chính con người mà có" - Trích trong Di Bộ Tôn Luân luận.

Từ bi hay Hòa bình không phải tự nhiên mà có, tất cả do tư tưởng và tâm niệm.

"Tâm đem thế gian đến,

Tâm kéo thế gian đi.

Như bánh xe theo trục

Vũ trụ chuyển theo Tâm" - Pháp Cú.

Tâm tịnh thì Phật độ tịnh. Không thể có Từ bi và một nền Hòa bình khi mà tâm niệm còn hận thù cố chấp, cuồng tín và bảo thủ ... ngự trị.

Thế giới sẽ thay đổi khi Tâm con người đổi thay. Trên núi vốn không có đường mòn, do những bước chân đầu tiên của con người mà thành đường đi. Cũng vậy, muốn có Hòa bình thì phải tu dưỡng và áp dụng Sáu pháp Lục hòa vào tự thân và cuộc sống. Vậy Lục hòa là gì?

1 - Thân hòa đồng trú: sống cùng, sống với và sống hòa hợp vì nhau và cho nhau.

2 - Giới hòa đồng tu: Tuân thủ giới luật, nội quy, phép tắc, vì sự đoàn kết và hạnh phúc, an lạc, giải thoát cho nhau. Vì tự do là ung dung trong ràng buộc, Hạnh phúc là tự tại giữa khổ đau.

3 - Khẩu hòa vô tranh: Luôn nói lời ôn nhu hòa ái, không đối trá, lừa phỉnh, không uốn lưỡi hai chiều.

4 - Ý hòa đồng duyệt: Thuật ngữ ngày nay gọi là "Nhất trí cao", ý kiến của cá nhân phải được đặt dưới quyền lợi chung, không được độc tài, độc đoán và độc quyền. Thảo luận, góp ý, chia sẻ trong sự hoan hỷ bao dung, hiểu biết và cởi mở.

5 - Kiến hòa đồng giải: Hay còn gọi là "Học để thấu hiểu". Vì thiếu sự thấu hiểu nên nảy sinh những hiểu lầm, thị phi dẫn đến sự tranh chấp, khủng hoảng, gây nên bè phái và lợi ích cục bộ. Sống là để yêu thương và tha thứ. Mọi người cần thấu hiểu, thông cảm lẫn nhau, giúp nhau sống đẹp và sống cao. Hãy sống vì nhau, cho nhau mà sống. Nếu không bao dung và hóa giải, hiểu nhau thì làm sao tạo lập được Hòa bình cho nội tâm, từ chất liệu nội tâm mỗi người mới có Hòa bình cho thế giới. ☞



Xe hoa TX. Ngọc Quang

Ảnh: Đông Triều

☞ **6 - Lợi hòa đồng quân:** từ một gia đình, một cơ quan, một tập thể... mà tiền bạc, vật chất, phải được phân chia một cách hợp tình, hợp lý. Sự phân chia tài vật không đồng đều sẽ dẫn đến đấu tranh về quyền lợi, mất đoàn kết. Trong xã hội sở dĩ có sự xung đột dữ dội, phân chia giai cấp, cũng do thiếu sự "Lợi hòa đồng quân" mà ra cả.

Sự chênh lệch về giàu nghèo ngày nay đã gây ra sự bất ổn từ trong nội bộ một tổ chức, một quốc gia và quốc tế. Nghèo đói khổ đã đành, nhưng người giàu cũng khóc. Ăn ốc ngủ ngáy o o, ăn thịt bò thì lo ngay ngáy. Giàu có chưa phải là sự hạnh phúc. Biết bao người thật sự hạnh phúc nhờ biết "An bần lạc đạo" và hạnh biết đủ. "Bần cùng sanh đạo tặc" cũng do bất công, thất nghiệp, chiến tranh v.v...

Vậy nên muốn có Hòa bình cho thế giới, bình an cho quốc gia và hạnh phúc cho nhân loại, không thể không

áp dụng Lục hòa của Phật giáo vào cuộc sống.

Bằng nguồn tuệ giác siêu tuyệt của Đức Phật, bằng hạnh nguyện cứu khổ độ sanh, Ngài đã để lại cho cuộc đời một gia tài Chánh Pháp đồ sộ để cứu khổ độ mê. Từ bi và Hòa bình là hai trong số gia tài quý báu ấy, nếu áp dụng khôn ngoan và triệt để thì lo gì không cứu được nhân loại khỏi biển khổ đau thương.

Thật vậy, nước mắt tượng trưng cho đau khổ, không chỉ người thất học hay nghèo đói cùng khổ mới bị khổ đau; biết bao kẻ địa vị cao sang lắm tiền nhiều của cũng khóc đó sao?! Địa vị kẻ quyền cao chức trọng cũng không tránh khỏi nỗi khổ niềm đau, mà lắm khi, nỗi đau ấy còn lớn hơn kẻ nghèo nàn hay cùng đinh mà biết an phận. Dòng máu tượng trưng cho sự sống và hạnh phúc, không chỉ vua chúa, hay kẻ có nhiều quyền hành, vàng bạc đầy kho mới có quyền được hưởng hạnh

phúc, mà dân đen, người thấp cổ bé họng cũng có cái quyền được hưởng hạnh phúc, vì máu họ cũng thấm đỏ như kẻ cao sang quyền quý.

Cho nên, không ai có quyền nhân danh hạnh phúc của mình, tạo ra chiến tranh, bạo động, khủng bố, bất công, áp bức... để cướp đi mạng sống và hạnh phúc của biết bao người khác. Đời người chỉ sống có một lần, và cuộc sống có giá trị khi biết Yêu thương và Tha thứ.

Kỷ niệm Ngày Khánh Đản của Đức Từ Phụ, trước Phật đài rực rỡ huy hoàng, hương trầm tỏa, khói trầm quện, tất cả chúng ta, với lòng thành kính vô biên và sự biết ơn vô hạn đối với công hạnh độ sanh của Đức Phật, xin nguyện theo dấu chân Ngài trên bước đường giải thoát và xin nguyện mỗi người là một Đức Phật Đản Sanh để xây dựng lại cuộc đời đầy tử hân, thương đau, trở về với Ánh Sáng Phật giáo ■





CHUYÊN ĐỀ

Cuộc đời của Đức Phật Thích Ca và con đường trung đạo

PHẠM ĐẠT NHÂN

Tức Phật Thích Ca là một nhân vật lịch sử (Historical person) có ngày sinh, nơi sinh và ngày chết hẳn hoi. Đức Phật Thích Ca còn là *Đức Phật lịch sử* (*Buddism historique*) nên bên cạnh tính biên niên của sử liệu còn có tính triết lý của sử tính. Cuộc đời của Ngài là một khảo chứng cho sự tự thành của con đường Trung đạo (middle way) - con đường giữa hai đầu cực đoan - trong bối cảnh của xã hội Ấn Độ thời bấy giờ. Thời ấy xã hội Ấn Độ bị phân hóa bởi nhiều giai cấp và trong môi trường văn hóa có nhiều luồng tư tưởng cực đoan đối đầu nhau, Ngài thị hiện trên thế gian như một giải pháp đối trị với

mọi cực đoan quá khích hầu đem lại hòa bình trong tự thân và trên thế giới.

Ngay trong thời Đức Phật còn tại thế có hai tôn giáo lớn đã phát triển rộng rãi và có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến triết học và tôn giáo ở Ấn Độ. Đó là Phật giáo và Bà La Môn giáo. Phật giáo tuy mới hình thành song phát triển nhanh và sâu rộng hơn Bà La Môn giáo. Những tư tưởng triết học, tôn giáo thời ấy chia làm hai hệ thống: Chính thống (Astika - cực hữu) và không chính thống (Nastika - cực tả). Đại biểu cho hệ thống chính thống là Bà La Môn giáo và đại biểu cho hệ thống không chính thống là Chủ nghĩa duy vật, Kỳ Na giáo, Chủ nghĩa hoài nghi,

Phật giáo, vv... Nguyên nhân xuất hiện nhiều trường phái không chính thống là bởi hệ thống tư tưởng Bà La Môn có tính độc tôn, độc quyền về ý thức hệ nên nảy sinh ra các trường phái chống lại sự áp đặt quan niệm về một đấng sáng tạo vũ trụ, vạn hữu.

Trường phái chủ nghĩa duy vật (Métérialism) chủ trương vô thần, sau khi chết không có linh hồn, không còn có đời sống nào khác. Chết là hết. Không có thế giới nào khác ngoài thế giới hạnh phúc và lạc thú ở đời. Cứu cánh cuộc đời là hưởng thụ khoái lạc. Không có chuyện luân hồi hay tái sinh.

Trái lại, những tín đồ của Kỳ Na giáo (Jainism) chuyên tu hành khổ hạnh, khắc kỷ để

☞ giải thoát linh hồn ra khỏi sự ràng buộc của nghiệp, luân hồi, tái sinh,... Lối tu của các tín đồ này hành hạ thân xác, o ép bản thân, thậm chí có phái cấm không mặc quần áo!

Còn trường phái hoài nghi chủ trương nghi ngờ tất cả mọi thứ, mọi việc, tẩy chay mọi sự hiểu biết, tranh luận, phê phán...

Trước những luồng tư tưởng cực đoan quá khích đó, Đức Phật chọn con đường Trung đạo: Ngài bác bỏ quan niệm về đấng tối cao của Bà La Môn giáo, không chấp nhận lối tu khổ hạnh của Kỳ Na giáo, cũng không đồng tình với chủ nghĩa duy vật. Ngài cho rằng hạnh phúc trong dục lạc là tạm thời và ngắn ngủi. Ngài cũng đã phê phán chủ nghĩa hoài nghi sai lầm ở chỗ không tin vào thực chứng chân lý bằng suy niệm tâm linh ở nội tâm.

Trở lại cuộc đời của Đức Phật Thích Ca từ khi sinh ra cho tới khi nhập diệt là một bài học thân giáo về triết lý Trung đạo.

Ngay trong việc tái sinh lần cuối cùng làm kiếp người, Thái tử Tất Đạt Đa (*Siddhartha*) không đi thẳng đến gốc cây Bồ Đề để thành Phật ngay mà phải tuần tự trải qua các giai đoạn: hài đồng, thiếu niên, thành nhân; rồi xuất gia tu hành thành đạo. Ấy là vì Người muốn thành tựu Phật quả với tư cách là một con người - cùng một phận người - như mọi con người trong cộng đồng nhân loại. Người muốn chứng tỏ cho những kẻ hoài nghi tin rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tính và ai cũng có khả tính thành Phật. Nghiệp, kiết sử, đều có thể chuyển hóa bằng con đường tu tập. Sự giác ngộ của Ngài không do thần khải hay mặc khải mà là hoa trái của một quá trình tu chứng. Đó là việc làm của một Pháp vương, một lãnh đạo tinh thần cho cả thế gian thay vì làm một Quốc vương cai trị một nước. Thái tử Tất Đạt Đa sống trong cung vàng điện ngọc nhưng không hề mê đắm vào trong cuộc sống

xa hoa sung mãn cũng như Ngài không mẫn mà đến việc kế nghiệp vương quyền. Tuy nhiên, Ngài cũng đã kết hôn và có con theo ý của vua cha. Ngay cả đến việc đặt tên con là La Hầu La (có nghĩa là sự cản trở) cũng xuất phát từ tâm thức về sự ràng buộc thế nhi (thê thằng tử phước).

Sau nhiều lần ra ngoại thành du ngoạn, đã chứng kiến nhiều thảm cảnh khổ đau của kiếp người; Ngài bắt đầu suy tư về bốn chữ sanh, lão, bệnh, tử. Lần ra ngoại thành cuối cùng Thái tử bắt gặp một tu sĩ đang thiền định dưới một gốc cây với dáng vẻ thanh thoi, an hoa, tĩnh lự. Chính hình ảnh đó đã thôi thúc Ngài sớm thực hiện ý nguyện xuất gia tầm đạo. Rồi một đêm, Thái tử vứt bỏ quyền bính, cung điện, từ giả vợ đẹp con xinh để vào rừng làm một tu sĩ.

Trong rừng sâu, Thái tử đã từng gặp các bậc thầy của các bậc thầy thiền định như Uất Đạt Gia, A La La. Nhưng rồi Thái tử sớm nhận ra hai vị tiên nhân đó chưa phải là bậc thầy của giải thoát, tự thân của họ chưa đạt được trí tuệ Ba La Mật. Thái tử suy nghiệm rằng Nhất thiết trí hay trí tuệ Ba La Mật có liên quan đến thân xác, lục căn, lục trần. Thái tử từng tự vấn phải làm thế nào để tịnh hóa lục căn, điều phục thân xác? Phải chăng là con đường khổ hạnh? Thế là ☞



☞ Ngài gia nhập nhóm tu khổ hạnh trong Khổ hạnh lâm - ép xác suốt sáu năm trời: Từ phép tu cần rắng đến phép nín thở rồi nhịn ăn,... Thái tử lúc này chỉ còn là bộ xương khô, lại không mảnh vải che thân. Như một quả lắc đồng hồ đi từ cực đoan này sang cực đoan khác, Thái tử từ trong nhung lụa xa hoa đến khắc khổ hành xác - đi đứng khó khăn tai ù, mắt lòa... May thay nhờ trải qua nhiều kiếp tu hành nên Thái tử vẫn còn đủ trí tuệ để phản tỉnh xét lại lối tu sai lầm này. Đó là khởi đầu cho một con đường sáng: **Con đường Trung đạo!** Không o bế chiều chuộng thân xác, cũng không o ép hành hạ xác thân. Một tinh thần minh mẫn chỉ có thể có trong một thân thể tráng kiện.

Nhờ vào phước báu được tích lũy trong nhiều kiếp trước nên Thái tử có nhiều trợ duyên giúp phục hồi sức khỏe nhanh chóng: có người cho tắm y để che thân, có người cho bát sữa tươi bồi bổ thân thể, có người cho mấy bó cỏ khô làm bồ đoàn - đã giúp Ngài đủ điều kiện tọa thiền suốt 49 ngày đêm ròng rã. Để củng cố tinh thần cho Thái tử, một thiên sứ đã hóa thân làm nhạc sĩ lên dây đàn. Thái tử ngộ ra rằng nếu dây đàn căng quá thì đứt mà nếu dây chùng quá thì thanh không vang; vậy không căng không chùng thì sẽ đạt thanh âm tuyệt hảo. Thì ra việc

hành trì tu tập cũng giống như việc lên dây đàn vậy!

Sau 49 ngày đêm thiền định dưới gốc Bồ đề Ngài lần lượt thắng vượt được tham, sân, si, ái, dục; chiến thắng được vòng vây cám dỗ bởi tài, sắc, danh, thực, thù,.... cuối cùng chứng đắc túc mạng minh, thiên nhãn minh rồi lậu tận minh... tỏa sáng Bát Nhã Ba La Mật. Ngài đã thành một Pháp vương vô thượng tôn của cõi Trời, cõi Thần và cõi Người. Từ đây Thái tử Sĩ Đạt Ta "*Siddhartha*" (tiếng Pali có nghĩa là một người đã hoàn thành được chủ đích của mình) đã trở thành một **Đấng giác ngộ** hoàn toàn; có danh hiệu là **Phật Thích Ca** và được người đời tôn xưng là Đức Phật. Chữ Phật phiên âm từ chữ Budha (Bụt) có nghĩa là Giác ngộ. Sau khi thành Phật, Ngài tiếp tục thiền định 7 ngày để kiểm nghiệm lại quá trình tu chứng của mình. Sau đó, Ngài phân vân không biết có nên tuyên thuyết giáo pháp của mình hay nhập Niết bàn ngay, bởi giáo pháp của Ngài quá vi diệu khó tiếp thu do sự hạn chế của ngôn ngữ văn tự. Nhưng rồi vì lòng bi mẫn đối với chúng sinh, Ngài bắt đầu đi du thuyết. Bài thuyết pháp đầu tiên (chuyển pháp luân) nói về con đường Trung đạo. Du thuyết suốt 45 năm khắp xứ Ấn Độ mà cuối đời Phật lại nói rằng: "*45 năm qua ta chưa từng nói một lời nào*".

Không định thuyết rồi lại thuyết; thuyết rồi lại phủ nhận điều mình đã thuyết. Tại sao như vậy? Vấn nạn này về sau được Bồ tát Long Thọ giải mã trong Trung Quán luận. Luận chứng căn bản trong Trung Quán là biện chứng pháp sau đây:

Không - Giả danh - Trung đạo.

Chữ **Không** trong mệnh đề trên nằm trong "*Vạn Pháp giai không*". **Không** không có nghĩa là không đối đãi với có mà có nghĩa là không có tự tính, không thực hữu. Tất cả các pháp đang hiện hữu đều không có tự tính. Chúng hiện hữu do duyên sinh (tương tức, tương nhập). Bồ tát Long Thọ đưa ra tiền đề: "*Nếu bảo tất cả các pháp đều không, ngôn ngữ văn tự cũng nằm trong các pháp, thì lấy gì bảo rằng không?*" Vậy nên phải mượn văn tự xét như một phương tiện để hiển bày **Không Tánh** gọi là giả danh. Đó chính là Trung đạo. Xem thế, ngôn ngữ không phải là thực tại mà là phương tiện truyền thông để chuyển tải mô tả thực tại Kinh nói: "Chỉ có văn tự thôi thì đều không có thực nghĩa (đẩn hữu văn tự đo vô thật nghĩa). Đức Phật từng ví Chân lý thực tại mà Ngài vén mở như mặt trăng, còn văn tự ngôn thuyết như là ngón tay chỉ mặt trăng (nhất thiết tu đà na giáo như tiêu nguyệt chỉ). Nếu vướng và chấp vào văn ☞

✧ tự thì sẽ lấm lẩn ngón tay là mặt trắng. Biện chứng pháp Không - Giả danh - Trung đạo cho phép ta không loại trừ ngôn ngữ văn tự mà vẫn thấy được thực nghĩa, đồng thời không động đến chân tướng mà vẫn kiến lập được các pháp:

Bất đoạn giả danh nhi kiến thực nghĩa

Bất động chân tướng kiến lập chư pháp.

Thái độ tẩy chay hay tuyệt đối hóa giá trị của ngôn ngữ đều là cực đoan cố chấp. Bởi thế cho nên Đức Phật đi du thuyết suốt 45 năm mà cuối cùng Ngài lại bảo rằng : *"Ta không nói một lời nào"*. Ấy là vì Ngài lo sợ hậu thế chấp vào kinh giáo. Tuy nhiên, phép đốn tu mà Ngài giới thiệu cho thánh chúng trong hội Linh Thứu bằng thái độ không giảng một lời kinh nào mà chỉ đưa cánh hoa lên (niêm hoa vi tiếu) dĩ tâm truyền tâm. Ngài Ca Diếp trong chúng hội được truyền tâm nên "phá nhan vi tiếu". Đó là phép tu "giáo ngoại biệt truyền" của Thiền tông mà Ngài Ca Diếp là tổ thiền đầu tiên. Về phép tu theo kinh giáo, Đức Phật sợ hậu thế sau này chấp vào văn tự nên đã khuyến cáo chúng đệ tử rằng: *"Không nên kẹt vào pháp, cũng không nên kẹt vào chẳng phải pháp. Các vị tỷ kheo nên biết pháp ta nói như chiếc bè qua sông. Pháp còn phải bỏ huống hồ gì không phải pháp"* (Kinh Kim Cang).

Trên con đường tu đạo điều uý kỵ nhất là thái độ cực đoan cố chấp. Trong luận Đại Trí Độ, Phật giảng về đệ nhất nghĩa đế để độ những kẻ cực đoan cố chấp: *"Có kẻ đang được độ thoát mà bị rơi vào thái độ cực đoan hoặc vì vô trí mà chỉ cầu sự khoái lạc cho thân thể hoặc vì hành đạo mà tu hành theo lối khổ hạnh, những người như thế đối với đệ nhất nghĩa đế mất hết niết bàn chánh đạo"* (trích Luận Đại Trí Độ - bản dịch của Tuệ Sỹ). Rõ ràng con đường Trung đạo là con đường duy nhất đưa ta đến Niết Bàn.

Tóm lại, cả cuộc đời của đức Phật Thích Ca từ khi sinh ra cho đến khi nhập diệt đều hiển thị ý nghĩa vi diệu của con đường Trung

đạo - con đường ở giữa hai đầu cực đoan - Đó là một trong những lý do mà Liên Hiệp Quốc chọn Phật giáo là tôn giáo Hòa bình của Thế giới - giữ được sự cân bằng hòa hợp trong tâm mỗi người là bước quan trọng trong tiến trình kiến lập hòa bình trong tự thân và trên thế giới (Peace in oneself, Peace in the world) ■

Ngưỡng Vọng Dẫn Sanh

*Chấp tay nguyện cầu bốn hướng
Nỗi khổ niềm đau qua mau
Tháng tư mùa về lúa tốt
Cỏ cây hoa trái tươi màu.*

*Lung linh hạ về Sen nở
Theo gió ngạt ngào hương bay
Bước chân an nhiên thanh tịnh
Phật tánh trong tâm hiển bày*

*Ngày rằm tháng tư mùa Pháp
Trần gian gọi sạch bụi trần
Rời ra tham sân si hận
Không còn nơi chốn dung thân.*

*Nhiệm mầu chuông ngân từng tiếng
Người người ngưỡng vọng Dẫn sanh
Niềm vui Phật Đà thị hiện
Mong sao nhân loại an lành.*

● TIẾN THẢO



Cảm niệm mùa Phật Đản PL.2560

TRÍ BỬU

Gì phút linh thiêng, gió lặng, chim ngừng
Trái đất rung động bảy lần
Khi bất diệt, đi ngang dòng sanh diệt.
Bàn tay chuyển pháp, trong hương đêm
thanh khiết
Ấn cát tường nở trắng một bông hoa
Thế giới Ta bà, đồng thanh ca ngợi.

Lại một lần nữa mùa sen nở rộ, tương bừng,
đón mừng ngày Đấng Giác ngộ toàn năng,
toàn trí, toàn đức ra đời, phá tan màn vô minh
từ vô lượng kiếp của chúng sanh và những gì
bất công trong xã hội, đem lại sự ấm no, hạnh
phúc, an vui cho nhân loại.

Kỷ niệm ngày Đản sanh của Đức Phật,
ngày lịch sử trọng đại và thiêng liêng Phật lịch
2560, để báo Phật ân đức, đồng thời thực hiện
lời di huấn tối hậu của đấng Giác ngộ: “**Vì đại
sự nhân duyên mà thị hiện để khai thị chúng
sanh ngộ nhập Phật tri kiến**”.

Quả thật, Đức Phật thị hiện giữa cõi đời
không ngoài mục đích nhằm đáp ứng nguyện
vọng là giải thoát khổ đau của nhân loại. Ngài
đích thực là một con người, “*Trong vũ trụ bao
la này Ngài là một con người bình thường như
bao nhiêu người bình thường khác, cũng được
cấu tạo bằng xương, bằng thịt, nhưng Ngài
không còn chi phối bởi các pháp hữu vi, một con
người nhận chân được bản giác, thường chân*

của chính mình”, Ngài là một vị hoàng tử của
Ấn Độ thời bấy giờ, nào cung vàng, điện ngọc,
vợ đẹp, con ngoan, cung phi, mỹ nữ, lạc thú,
vinh hoa... Nhưng Ngài đã ý thức rằng, đó
không phải là hạnh phúc đích thực của cuộc
đời, mà hạnh phúc đích thực của con người là
thoát ly sanh tử, khổ đau, tìm đến đời sống an
lạc, thanh thản, không tranh chấp, không hận
thù, sống chan hòa, trong niềm cảm thông
chân chính, sống trong tình yêu thương, nhân
ái, hòa hợp.

Kính mừng Phật Đản Phật lịch 2560, chúng
ta ôn lại những truyền thống tốt đẹp của dân
tộc về ngày Đại Lễ Phật Đản: Sách Đại Việt
Sử ký toàn thư đã viết, vào đời vua Lý Thánh
Tông, năm Nhâm Tý, Thần Vũ 1072: “**Mùa
hạ, tháng 4, ngày mồng 8, vua xem lễ tắm
Phật**”. Còn vua Lý Nhân Tông: “**Mùa hạ,
ngày mồng 8 tháng 4, xa giá ngự đến, đặt lễ
cầu phúc, bày nghi thức tắm Phật, hàng năm
lấy làm lệ thường**”...

Trong Văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh,
Nguyễn Công Bapt viết về không khí sinh động
của ngày Đại Lễ Phật Đản như sau:

“**Nhà vua tôn sùng đạo Phật, hâm mộ
thánh nhân. Mở chùa Diên Hựu ở tại vườn
Tây. Dấu vết theo quy mô thuở trước, lo toan
cho thánh ý ngày nay.**

☸

Đào ao thơm Linh Chiêu, giữa ao chồi lên một cột đá, trên cột đá có một đóa hoa sen nghìn cánh xòe ra. Trên hoa dựng ngôi đền đồ sầm, trong đền đặt pho tượng sắc vàng. Ngoài ao có hành lang bao bọc. Ngoài hành lang lại có ao Bích Trì, bắc cầu cong để đi lại. Ở sân trước cầu, hai bên tả hữu xây tháp báu lưu ly. Để ngày mồng một hàng tháng, để mùa xuân hàng năm, nhà vua thân ngồi xe ngọc, đến mở tiệc chay. Hương hoa bày ra hình thức kỳ an, bốn chầu đặt lễ nghi tể Phật.

Trang sức tướng tinh thành cho năm chúng, hoặc hờ vai tiến thối nhịp nhàng, tạo đội ngũ thiên vương ở bốn phương, nâng khí cụ bồi hồi nhảy múa. Tinh cần chẳng trễ, kính phụng nào ngơi. Vì vậy mà huyền tạo linh thông, đều cùng phù hộ”...

Như thế, từ xưa đến nay, việc vua chúa, triều thần và nhân dân quy ngưỡng về ngày Đại Lễ Phật Đản và đích thân nhà vua làm chủ lễ tể Phật, cho thấy Phật Đản thực sự là một ngày Quốc lễ, ngày hội truyền thống văn hóa. Và trong không khí của ngày Quốc lễ đó, các vị vua không chỉ thể hiện lòng thành kính nhất tâm quy Phật, thể hiện tinh thần từ bi, khoan thứ mà còn gửi gắm tâm nguyện trị quốc, an dân, giữ vững nền độc lập, tự do của dân tộc. Điều này nói lên sự thâm nhập của Đạo Phật vào tận nguồn cội của văn hóa Việt Nam, như nước với sữa, như máu với thịt, như tim với óc, như hai bộ phận trong một cơ thể của con người, đến mức không thể phân chia được.

Còn nữa, nhân ngày Lễ Khánh thành Tháp Sùng Thiện Diên Linh, Hoàng đế đã đích thân tham dự:

“Khói trầm đàn như mây tỏa khắp sơn khê, bóng cờ phướn như ráng phé đầy muôn ngả. Chuông trống vang lừng, khánh tiêu rộn rã. Phía trước xe mây Tam bảo, đằng sau kiệu báu thánh hoàng.

Dốc nghiêng, xanh tía sáu cung, về hết trở già muôn nước. Điện hoa vãi ngang phía trước, chùa Phật mở rộng bên trong.

Hội Tăng Ni trai khiết, diễn Giác đế chân kinh. Hoàng đế nghiêm trang, đọc kệ đoạn cú đầu tạ lễ; cung nga khép nép, nghe kinh xong dâng sữa múa ca. Thổi cơm chay trắng muốt, thiết khách đói qua đường; phát tiền quý ừn ừn, cấp dân nghèo khắp chốn.

U hiển đều về, thiên long cùng đến. Đem lực công tới thượng, phúc đức vô lường, ca ngợi hoàng cương, vững bền như trời đất; cầu mong bảo vận vắng vặc như trăng sao.

Sớm sinh thái tử, nối mãi mệnh trời. Mong gốc ngành ngàn thuở, cầu xã tắc muôn năm. Cỏ lướt nhiều phương, quỳ nghiêng muôn nước. Thần dân yêu mến, tổ khảo khuông phò. Thần đạo giúp ngầm, trời người nâng đỡ”.

Trên đây, cho ta thấy, chính tinh thần và tâm nguyện dựa trên nền tảng Phật pháp đã có sức vận động lớn lao tinh thần đoàn kết, tập hợp sức dân vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Vì thể hiện mạnh mẽ lòng tự hào dân tộc, nên đã quy tập được các tư tưởng khác nhau, phục vụ cho công cuộc chung “**đất nước và dân tộc**”.

Đặc biệt, các vua nhà Lý, những vua hết lòng với đạo Phật, đều nhân dịp đại lễ Phật Đản mở hội Phật mà đại xá thiên hạ, tha tội cho các tù nhân, chu cấp tiền, lương cho dân nghèo... Điều đó càng tăng thêm ý nghĩa và sức sống của Phật pháp. Đến nỗi Sử Nho Ngô Sĩ Liên phải viết: “Nhân Tông thường nhân việc mở hội Phật mà tha cho người hết tội... Còn như vua Thần Tông không có việc gì mà cũng tha bổng, phóng thích tù nhân...” Lòng nhân ấy đã hướng dẫn hành vi của nhiều nhà lãnh đạo, nên đã tránh cho dân tộc không đi vào con đường chiến tranh, hận thù, huynh đệ tương tàn, mà có một đời sống tâm linh phong phú. Vì thế lịch sử đã minh chứng rất rõ,



☞ thời đại Lý - Trần là thời đại mà con người sống khoan dung, nhân hiếu, thuần hậu và giàu bản sắc văn hóa dân tộc hơn hết.

Chúng ta đã từng có những ngày Quốc lễ Phật Đản trang nghiêm, hoành tráng, nô nức, hân hoan.... Nhưng vì chiến tranh và vì nhiều lý do khác nhau, Đại lễ Phật Đản nhiều lúc đã bị thu hẹp không gian văn hóa, tâm linh. Mãi đến năm 2008, Đại lễ Phật Đản Liên Hợp Quốc PL.2552, VESAK 2008, lễ hội **Tôn giáo và Văn hóa** của dân tộc, tổ chức tại Trung tâm Hội nghị quốc gia Mỹ Đình, Thủ đô Hà Nội, từ ngày 13 đến 17 tháng 5 năm 2008, tức ngày 9 đến 13 tháng 4 năm Mậu Tý, với chủ đề: **Phật giáo và việc xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh** Đại lễ Phật Đản mới phục hồi thật sự.

Tại Đại lễ Phật Đản Liên Hợp Quốc Phật lịch 2552, VESAK 2008, trong diễn văn khai mạc của Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Minh Triết, đọc tại Trung tâm Hội nghị quốc gia Mỹ Đình sáng ngày 14.5.2008 đã khẳng định:

“Việt Nam là đất nước đa tôn giáo mà đạo Phật là tôn giáo có mặt rất sớm từ gần 2000 năm trước. Ngay từ buổi đầu tiên, với tư tưởng từ bi, hỷ xả, Phật giáo đã được nhân dân Việt Nam đón nhận, luôn đồng hành cùng dân tộc với phương châm nhập thế, gần bó giữa Đạo và Đời phần đầu vì hạnh phúc, an vui cho con người. Trong các thời đại, thời nào lịch sử Việt Nam cũng ghi nhận những nhà Sư đại đức, đại trí đứng ra giúp đời, hộ quốc, an dân. Đặc biệt, lịch sử Việt Nam mãi mãi ghi nhớ công lao của vị vua anh minh Trần Nhân Tông có công lớn lãnh đạo nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Khi đất nước thái bình, Người nhường ngôi, từ bỏ giàu sang, quyền quý, tìm đến nơi non cao Yên Tử để học Phật tu hành, sáng lập nên Thiền phái Trúc Lâm, một dòng Thiền riêng của Việt Nam tồn tại mãi tới ngày nay”.

Như thế, chỉ có tinh thần khoan dung, tư tưởng và đời sống giàu bản sắc của bốn nghìn năm văn hiến, mới đủ cơ sở để chúng ta vượt qua mọi giới hạn của nhận thức, mọi thái độ hẹp hòi trong văn hóa, và chỉ có tinh thần tự tôn, thủy chung với dân tộc, người Phật tử mới có thể **“gặp Đức Phật trong lòng dân tộc”**, bởi không ít lần chúng ta đã bỏ quên Đức Phật của dân tộc mình, của tâm hồn mình. Như vậy,

ngày Đại lễ Phật Đản Phật lịch 2560, không chỉ là ngày chúng ta tỏ lòng tôn kính Đức Phật, tri ân tổ tiên đã làm rạng danh non sông, mà còn là ngày tìm lại cho chính mình một ngôn ngữ của **yêu thương và hòa bình**.

Từ sau Đại lễ Phật Đản Vesak 2008, Đại lễ Phật Đản càng được Phật giáo Việt Nam tổ chức long trọng trên cả nước với nhiều hoạt động phong phú như diễu hành, rước xe hoa, văn nghệ, triển lãm, hoa đăng và các hoạt động từ thiện khác kính mừng Đức Phật ra đời.

Vừa qua, Đại lễ Phật Đản Liên Hợp Quốc - Vesak 2014 lần thứ II và Hội thảo Phật giáo quốc tế do Việt Nam đăng cai đã diễn ra tại Trung tâm sự kiện Bái Đình, tỉnh Ninh Bình, từ ngày 07 - 11/5/2014. Chủ đề chính của Đại lễ Liên Hợp Quốc Vesak 2014 là *“Phật giáo góp phần thực hiện thành tựu các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc”* đã thật sự khẳng định sự trưởng thành lớn mạnh của Phật giáo Việt Nam.

Những năm gần đây, ngày Đại lễ Phật Đản thật sự là một ngày lễ hội quan trọng, thu hút sự tham gia không chỉ của Phật tử mà còn là sinh hoạt văn hóa tâm linh của cộng đồng người dân trên mọi miền đất nước, Đại lễ Phật Đản đã thật sự trở thành ngày hội Văn hóa của dân tộc.

Mỗi năm, cứ đến mùa Phật Đản, nhìn hình tượng Đức Phật Đản sanh chúng ta cảm nhận rằng sự kiện lịch sử ấy xảy ra dường như không xa lắm. Mỗi ngày nào trong vườn Lâm Tỳ Ni, nơi thành Ca Tỳ La Vệ, nước Nepal (vương quốc của Ấn Độ), đức Từ phụ của chúng ta đã vì lợi ích của chúng sanh mà một lần nữa trở lại cõi đời này, với hình ảnh một con người bình thường. Một thoáng thời gian mà đã hơn hai ngàn sáu trăm năm trôi qua, nhưng hình ảnh bậc vĩ đại đó vẫn còn sống mãi với dòng thời gian bất tận, và tồn tại mãi trong trái tim của mỗi người con Phật.

Vì thế cho nên ca dao có câu:

Dù ai đi đâu về đâu,

Nhớ ngày Phật Đản, năm châu đều về.

Dù ai bận rộn trăm bề,

Đến ngày Phật Đản, nhớ về chùa xưa.

Nam mô Lâm Tỳ Ni viên, Vô ưu thọ hạ, thị hiện Đản sanh, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ■

Góp phần tỏa sáng thâm nghĩa hiện cảnh Đản sanh của Đức Phật

✍ DƯƠNG ĐÌNH CHÍ

Muốn liễu nghĩa hiện cảnh Đản sanh của Đức Phật, cần suy tư 2 yếu kiện:

1. Phương tiện của Như lai: Theo dòng Phật sử, đức Thích Ca lúc mới hoàn thành tuệ giác vô thượng (thành Phật) thì Ngài không muốn nói gì cả. Vì những gì gọi là Ngài chứng đắc được quá thâm sâu huyền diệu không phải tư duy phân tích mà lĩnh hội được. Đức Phật nhận chân rằng con người vốn có giác tánh thanh tịnh nhưng đại đa số bị các tập tục lạm danh thần quyền, mặc khải thần linh mê hoặc dưới nhiều chiêu thức tinh tế. Con người bị đánh mất mình, gửi gắm tâm hồn vào các đấng siêu hình tưởng tượng hoang đường, vào các giáo thuyết dị

thường phi chân lý lâu đời thành tập quán thâm căn cố đế. Nếu giáo huấn bằng ngôn ngữ thông thường để con người hiểu, thực hành mang lại an lạc cho nhơn quần và lợi ích cho muôn loài là điều bất khả đắc. Sau nhiều lần thỉnh cầu của những Hiền nhân Chánh sĩ, Đức Phật phải hoạt dụng vô số phương tiện, vừa truyền đạt theo mô phạm Tứ-tất-đàn (*Vị nhơn tất đàn, đối trị tất đàn, thế giới tất đàn, đệ nhất nghĩa tất đàn*), vừa xả thân vận hành (đạo diễn) để định hình “con đường cứu khổ chúng sanh”.

Phương tiện của Như Lai (Đức Phật) được kết tập trong Tam tạng Kinh điển, chư Tổ, sau Phật tóm lược thành 12 thể tài hay 12 bộ môn: trùng tụng, cô khởi,

phương quảng, thí dụ, bốn sanh, bốn sự, vị tăng hữu, ký biệt, trường hàng, nghị luận, phương tiện, tự thuyết⁽¹⁾. Hiện cảnh Đản sanh thuộc bộ môn Vị - tăng - hữu. Vị - tăng - hữu là việc hiếm có, hy hữu trên đời, là ngụ ngôn ẩn dụ triết lý giáo dục rất thâm thúy. Ví dụ như dân tộc Việt có huyền sử “Mẹ trăm con”, “Phù đồng thiên vương”...

2. Y nghĩa bất y ngữ: Những gì Phật dạy được chư đệ tử Phật kết tập để lại muôn đời luôn phù hợp chân lý và ngày càng sáng tỏ theo nhịp độ tiến hóa của nhân loại⁽²⁾, gọi là Kinh Phật. Do đó, Kinh Phật không nên đồng sàng - khi dẫn giải - như các Kinh của những nền tín ngưỡng khác. Kinh Phật phải nói cho đủ là Khế Kinh của

☞ đạo Phật. Khế Kinh - khế lý và khế cơ, muốn tìm hiểu chân nghĩa phải nhớ “Y nghĩa bất y ngữ” trong Pháp Tứ Y (*Y Pháp bất y ngôn, Y nghĩa bất y ngữ, Y trí bất y thức, Y liễu nghĩa Kinh bất y bất liễu nghĩa Kinh*); ngoại trừ những trường hợp Phật nói: “Đệ nhất nghĩa tất đàn”. Dẫn giải lời Phật ý Kinh cần suy tư Phật nói tiêu chuẩn tất đàn nào. Khi chưa liễu nghĩa tiêu chuẩn tất đàn mà y cứ ngôn ngữ văn tự - chính văn hay đã phiên dịch - trích dẫn sẽ dễ lầm lạc chân nghĩa, không khéo lại là phỉ báng Phật (*Y Kinh giải nghĩa tam thế Phật oan*). Nhiều người gọi là phụng trì kinh Phật mà buông lời chửi này - thường y ngữ bất y nghĩa - dễ nảy sinh “sở tri chương”; có người có được phần nào kiến thức thế gian thì hay “kiến thủ kiến”. Hành trì pháp Phật “thuần tôn giáo” dễ bị mê lầm, khó thọ dụng được những gì Phật dạy. Vì sao? Thực chất đạo Phật là một nền tảng “Đạo học” (phương pháp nhận thức chân lý cuộc đời, mô phạm luân lý đạo đức nhân sinh) chứ không phải là một tôn giáo⁽³⁾. Vì theo định nghĩa tôn giáo là có 2 yếu tố Thần khải và Giáo điều; trong đạo Phật không có 2 yếu tố này. Và, áo nghĩa tiềm tàng là: bức xúc trước những dự khị tình vi vô độ của các giáo thuyết dị thường phi chân lý, “đức Đại-từ” tùy căn thuận tánh xả thân thể nhập các hình thái tôn giáo tín ngưỡng đương

thời, nhằm khai thị tiềm năng tự chủ giác tánh thanh tịnh của con người cho con người, chứ không nhằm sáng lập tôn giáo như rất nhiều người nhầm lẫn⁽⁴⁾. Những hình thức nghi lễ mang màu sắc tôn giáo của đạo Phật (kể cả các câu Thần chú⁽⁵⁾) là “phương tiện phổ vị thế giới tất đàn” của chư liệt Tổ sau Phật, nhằm gieo duyên người sơ cơ. Đệ tử Phật (Tăng và Tín) thâm ngộ sự thật này sẽ rất tự tại và tâm đắc câu nói bất hủ của Karl Marx “*Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân*”.

Sau đây, dựa vào Khế Kinh và cuộc đời Đức Phật (Cảm nhận qua những bộ Kinh liễu nghĩa Phật pháp đại thừa, giảng giải của thầy Hiệu trưởng trường Phật học TP. HCM), bử nhân mạo muội có thiện ý góp phần giải mã thâm nghĩa câu Pháp ngữ “*Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn*”⁽⁶⁾ ẩn dụ trong hiện cảnh Đản sanh của Đức Phật qua 4 biểu tượng chính (7 bước + tay chỉ trên tay chỉ dưới + hoa sen + bước đi trên hoa sen)⁽⁷⁾:

a) **7 bước:** Vạn vật trong vũ trụ hình thành có 3 chủng loại: *Vô tình chúng sanh* (trời mây, sông núi, khoáng vật, thực vật...) + *hữu tình chúng sanh hạ cấp* (muôn thú) và *hữu tình chúng sanh cao cấp* (con người). Một số Kinh điển Phật, qua nhận thức giản lược cổ xưa thường rút gọn các pháp hữu vi là hợp thể của 4 Đại: đất, nước, lửa, gió. (Đại có nghĩa là chất tố, nguyên tố, chủng tử... khắp cùng không gì làm mất được). Nhân sinh quan Phật học thì thân tâm con người gồm 5 uẩn : sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vũ trụ quan Phật học thì Như lai tạng bản thể (Cần-khôn-vũ-trụ dung chứa) duyên khởi ra hiện tượng (vạn vật) theo quy tắc sau :

- *Vô tình chúng sanh* duyên sinh bởi 5 Đại : địa-thủy-hỏa-phong-không (chất cứng, chất nước, nhiệt độ, chuyển động, không khí).

- *Hữu tình chúng sanh hạ cấp* duyên sinh bởi 6 Đại: địa-thủy-hỏa-phong-không-kiến (chất cứng, chất nước, ☞



☯ nhiệt độ, chuyển động, không khí, thấy biết).

- *Hữu tình chúng sanh cao cấp* duyên sinh bởi 7 Đại: địa-thủy-hỏa-phong-không-kiến-thức (chất cứng, chất nước, nhiệt độ, chuyển động, không khí, thấy biết và nhận thức)⁽⁸⁾.

Vô tình chúng sanh khi duyên hợp 4 Đại: chất cứng - chất nước - nhiệt độ - chuyển động mà thiếu không khí thì không hình thành (kể cả trong lòng đất, trong nước). Hữu tình chúng sanh *hạ cấp* và *cao cấp*, khi duyên hợp giữa tinh cha huyết mẹ mà vì duyên do nào đó khiếm khuyết một Đại thì sẽ không hình thành hoặc hãn hữu hình thành quái thai. Muôn thú chỉ đủ 6 Đại, con người thì phải đủ 7 Đại (kể cả thụ tinh nhân tạo).

Góc độ chủng loại, phân tích như thế để nhận thức rằng thân người gồm 7 Đại, thuộc tối linh ư vạn vật là hoàn toàn khách quan, không áp đặt tự tôn gì cả.

Bình diện tổng thể, thì vạn vật trong vũ trụ đều tương quan tương duyên nhau. Trong một pháp có tất cả các pháp. Vạn vật kể cả con người là do duyên sinh theo quy luật đồng - dị: đồng chủng tương hợp, dị chủng tương xích trong quy tắc Thập Như Thị⁽⁹⁾; chứ không do một đấng siêu nhân Chúa tể nào tạo tác ra. (Quy luật đồng - dị, sau này thế kỷ XIX - triết học Karl Marx gọi là quy luật thống nhất và đấu tranh). Vạn vật đủ nhân đủ duyên

sinh trụ, thiếu nhân thiếu duyên hoại diệt là một chân lý. Do đó, Đức Phật tuyên thuyết vạn pháp duyên sinh như huyễn, hay nói cách khác vạn pháp vô ngã (ẩn ngữ của *duy ngã độc tôn*)⁽⁶⁾.

b) **Tay chỉ trên tay chỉ dưới:** là lấy đầu và chân làm chuẩn tức chỉ cho thân người, hàm nghĩa về mặt tục đế, thân người là khó được, rất quý hiếm, là tối linh ư vạn vật, là một tiểu vũ trụ. Khế Kinh thường đề cập đến cụm từ “hoàn chỉnh thập phương” hay 10 phương pháp giới: phương đông, phương nam, phương tây, phương bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, phương trên và phương dưới. Với chánh biến tri giác, đức Phật đã nhận chân rằng vạn vật trong vũ trụ, trong đó có con người đang hiển bày giữa không gian vô tận nên không có chuyện “trời tròn đất vuông” “trên cao có trời dưới đất có vạn vật” như nhận thức của nhân loại thời đó, và đến nay vẫn còn không ít người lầm tưởng. Đành rằng Khế Kinh có nói đến trời Đâu Suất, trời Đao Lợi, trời Đế Thích, Địa Tạng vương, Hải Long vương v.v... Những giảng dạy này là “phương tiện vị nhơn tất đàn” của Như Lai tùy ứng tập quán Ngoại đạo (đạo cầu bên ngoài). Pháp giới nhứt chân, nếu hiểu nghĩa *thiên thượng thiên hạ*⁽⁶⁾ là một tay chỉ trời một tay chỉ đất, chẳng những sai nghĩa ngôn từ mà còn lệch

lạc vũ trụ quan Phật giáo, tiền phương của vũ trụ quan khoa học hiện đại. (Suy luận Trời và A-tu-la: người ngoài hành tinh, là méo mó “Thập pháp giới”⁽¹⁰⁾ theo chân tinh thần Phật giáo).

c) **Hoa sen:** là loại nhân quả đồng thời, sinh trưởng trong bùn lầy nước đục nhưng khi lên khỏi mặt nước vẫn tinh anh vô nhiễm bùn nhơ ố hương; khi nở ra thì sắc màu lộng lẫy, phảng phất hảo hương, ngó sen hạt sen hữu dụng cho muôn loài. Hàm nghĩa ví cho con người sống trong cuộc đời đầy ô trược nhưng con người (không phân biệt màu da đẳng cấp, theo tôn giáo hay không theo tôn giáo nào) đều có tuệ giác (đại thứ 7), và có khả năng đạt được tuệ giác tối thượng (Hoa sen nở). Hoa sen dưới bàn chân là biểu trưng cho nền tảng đạo học theo con đường giác ngộ, gọi là đạo Phật.

d) **Bước đi trên hoa sen:** hàm nghĩa con người muốn đạt được khinh an - tự tại - tịnh lạc - giải thoát - bồ đề - niết bàn thì tự thân phải tri hành thiện pháp, không hệ lụy thân linh siêu nhân nào; tri hành hợp nhất rồi sẽ theo luật nhân quả mà thọ dụng. Tri hành thiện pháp tới đâu thọ dụng thiện quả - quả tăng ích - tới đó. (Quy luật này, đến nay Triết học Duy vật biện chứng gọi là làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu). Tri hành thiện pháp toàn hảo 100% (trí tuệ tốt đỉnh) là đạt ☯

☞ vô thượng chánh đẳng chánh giác⁽¹¹⁾, gọi là thành Phật.

Kết luận: “vẽ rắn thêm đầu vẽ rồng thêm chân” là lẽ thường của những nhà ghi chép sử, nhất là lịch sử của một bậc đại từ bi; và là cổ đại nên việc tô điểm siêu hình là điều không tránh khỏi. Hành giả cần khách quan để nhận thực chân lý, cần quán chiếu thực tiễn khi học và hành Khế Kinh đã qua nhiều lần “tam sao”⁽¹²⁾.

Tóm lại, qua thiền ý trình bày trên, chân nghĩa của câu pháp ngữ: “*Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn*” trong hiện cảnh Đản sanh của Đức Phật là:

- Như Thế Tôn ngôn nhất thiết pháp vô ngã
- Duy, thân người là tối linh ưu vạn vật (*độc tôn thiên hạ*)
- Vì, con người vốn có tri kiến Phật (*Phật tánh*)
- Và, con người vẫn có khả năng ngộ nhập Phật tri kiến

(thành Phật)

Nói cách khác:

- Con người và vạn vật đều là pháp duyên sinh như huyễn (*vô ngã*)
- Duy, thân người là loài hữu tình cao quý nhất (*độc tôn thiên hạ*)
- Vì, con người vốn có giác tánh thanh tịnh (*Phật tánh*)
- Và, con người vẫn có khả năng đạt được tuệ giác vô thượng (*thành Phật*) ■

(1) Mười hai thế tài: Thấy Trí Quang chuyển ngữ (cập nhật theo thứ tự trên) là: Chính cú độc lập, tàn văn, cực kỳ cao rộng, ví dụ, đời trước, việc cũ, việc hiếm, thọ ký thành Phật, chính cú thích ứng, thảo luận, nguyên do, tự nói (trong Pháp Hoa lược giải trang 125).

(2) Cần phân tít luận thuyết cho rằng: Chánh Pháp tồn tại 500 năm, 500 năm tiếp theo là tượng Pháp, sau đó là thời mạt pháp. Phải chăng đây là đặc thù bản sắc tín ngưỡng Ấn Độ? Hoặc chỉ nhằm dỗ dành những tâm hồn “thuần Tôn giáo”? Những gì Phật khai thị đều là chân lý của cuộc đời. Theo nhịp độ tiến hóa của nhân loại, văn minh ngày càng phổ cập tất nhiên chân lý ngày càng sáng tỏ, là cơ sở cho nhận định rằng đạo Phật tương lai sẽ là Đạo Học Toàn Cầu (bác học Albert Einstein). Nhận định này đang hé lộ khả quan, đơn cử là Liên Hiệp Quốc đã khởi gợi nền móng vào cuối Thế kỷ XX: Đại lễ Vesak LHQ. Tuy nhiên, chủ động vẫn là do tập thể đệ tử Phật. Nếu đồng tâm “tự mình thấp được lên mà đi”, phổ môn cùng thọ dụng an lạc giải thoát thì hiện thực nhận định này sẽ gần; nếu đam mê thần linh hóa Phật - Bồ tát, đua đòi hiện đại hóa cúng tế - chú nguyện thì việc phổ cập chánh Pháp vẫn còn lắm trắc trở, chứ chân lý thì không có tàn mạt?

(3) ... “Phật giáo trở thành tôn giáo từ khoảng giữa đời nhà Thanh trở về sau. Sau khi trở thành tôn giáo thì thật là tai họa, mục đích dạy học chân chính bị đánh mất. Tôn giáo không đạt được mục đích Phật pháp chân thật, điều này chúng ta phải biết...” (lão HT Tịnh Không trong “Kinh Phật thuyết đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác huyễn nghĩa”, tập II, trang 194).

(4) Những giáo thuyết Vô ngã, Vô thường, Nhân duyên, Nhân quả, Sinh tử, Luân hồi v.v... đều là chân lý của cuộc đời chứ không do Đức Phật bày biện, sáng tạo. Đức Phật xả thân khai thị cho con người thấy biết để tùy thuận sống đúng, sống hợp chân lý nhằm thọ hưởng an lạc giải thoát. Bồ đề Niết bàn và tạo nhân cho quả lai sinh, mà thôi. Còn nghi lễ tôn vinh, cúng kiếng, quỳ lạy... cầu kỳ, là phương tiện “đối trị tất đàn” của chư liệt Tổ, sau Phật, đối ứng với hàng Ngoại đạo để gieo duyên người sơ cơ, không phải cứu cánh của đạo Phật.

(5) Đức Thích Ca luôn dùng ngôn ngữ phổ thông để nói pháp qua mật nghĩa 4 (bốn) Tất-đàn. Mật ngữ hay Thần chú là quyền biến của chư liệt Tổ, sau Phật (phải chăng tập quán dân tộc Tây Tạng?) nhằm tùy ứng với tập quán Ngoại đạo. Cần tỉnh giác giữa Mật nghĩa và Mật ngữ, kẻo lạc vào “vô sắc giới”!

(6) Tim nghĩa câu câu Pháp ngữ (câu Kệ) trước hết cần lưu ý: Trường hàng chuyển thể Trùng tụng thường bị đảo ngữ, hoán dụ ảo nghĩa.

(7) Biểu tượng vòng tròn hào quang là nghệ thuật đồ họa. Cần nhận thức hào quang Phật là biểu trưng trí tuệ Phật, không nên miệt mài tượng Phật đi đâu là có ánh sáng tỏa chiếu tới đó.

(8) Suy tư bản thể duyên khởi ra hiện tượng qua 3 chủng loại nói trên sẽ nhận thức rằng con người chết (cũng như vạn vật tan hoại) sẽ không bao giờ mất; khi đầy đủ nhân duyên sẽ lại sinh theo quy tắc “Thập Như Thị” (đức Phật mặc định trong Kinh Pháp Hoa), nghĩa là pháp nào lại sinh theo pháp đó. Con người (7 Đại) không thể lại sinh động vật hạ cấp (6 Đại), thực vật (5 Đại) như suy tưởng theo quán tính dân gian, theo truyền thuyết Ngoại đạo. Và dù rằng, khoa học thí nghiệm từ chuột, khỉ... để phục vụ cho con người, nhưng không phải như thế là hoán cải “Thập như thị”. Việc cũ, Đời trước, việc hiếm... dụ ngôn trong Khế Kinh là “phương tiện của Như Lai”.

(9) Thập Như Thị (mười như thật): Như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bốn mặt cứu cánh. (Biểu hiện như vậy, đặc tính như vậy, bản thể như vậy, năng lực như vậy, động lực như vậy, nhân tố như vậy, duyên tố như vậy, hình thành như vậy, toàn bộ như vậy - Thấy Trí Quang trong Pháp Hoa lược giải tr. 166).

(10) ... Mười pháp giới tức 6 Phàm và 4 Thánh đều không ngoài tâm”...(Ngũ Lục Thiền Sư Hư Vân, trang 404.)

(11) Phật là Giác, ngược lại là Mê. Con người vốn có giác tánh thanh tịnh. Ngộ nhập 5%, 10%, 30%... thì thọ dụng an lạc giải thoát, Bồ đề Niết bàn 5%, 10%, 30%. Ngộ nhập 100% gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Suy lý với hiệu đính (8) và (10): Đức Thích Ca là con người, mầm giống Giác sẽ lại sinh người Giác. Lịch sử nhân loại luôn có nhiều người Giác, nhưng vì nhiều duyên nhân nên chưa có toàn vẹn như chính bản mà thôi. Vô số người Trời - Bồ tát - Phật, Khế Kinh đề cập (Thích Ca là Phật đã thành, mọi người là Phật đã-dang-sẽ thành) là sự thật trên hành tinh này. Tiểu - Trung - Đại thiên thế giới, Tây phương cực lạc, Đông phương tịnh độ, Kiếp cuối cùng thành Phật, Nhiên Đăng cổ Phật, Đương lai Di Lặc tôn Phật v.v... là “thông giáo quyền thừa của Như Lai” (nói vậy mà không phải vậy, phương tiện đối trị tất đàn và vị nhơn tất đàn với tập quán Ngoại đạo).

(12) Khế Kinh của đạo Phật phải đọc nhiều lần cho thuộc (HQC) rồi đối chiếu thực-hư (Sửa nguyên chất hay đã pha trộn?) và suy xét Phật nói tiêu chuẩn Tất-đàn nào (THIỆN) để vận dụng thực tiễn tăng ích (thiện) cho cuộc sống tự thân, nhơn quần và vạn vật (HÀNH TRÌ). Thời Phật và tiếp sau nhiều Thế kỷ, người biết chữ không nhiều, các bậc Thiện tri thức phải đọc cho nhiều người đọc theo (các Tôn giáo cổ đại hẳn như thế?). Từ đây hình thành truyền thống đọc-tụng. Còn cổ tục đọc - tụng theo âm hưởng Chuông mõ-Sở điệp-Thần chú là quyền biến của chư liệt Tổ, sau Phật (chủ yếu xuất phát từ Văn hóa Phong kiến Trung Quốc). Nếu cổ thủ cổ tục đọc tụng theo nghi lễ chuông mõ chắc hẳn khó thọ dụng được những gì Phật dạy (lợi bất cập hại!); nếu sử dụng như một dịch vụ trao đổi (cúng tế-trao quà) phải chăng là học đòi Bà-la-môn giáo, là vô tình tiếp tay ngăn che làm mờ nhạt ánh sáng Chánh pháp?

Đạo Phật con đường hạnh phúc

✍ MINH HẠNH ĐỨC

Đạo Phật là con đường hạnh phúc, từ hạnh phúc thế gian ở cõi người, cõi trời cho đến hạnh phúc tối thượng là Niết bàn an lạc. Tùy theo nhu cầu, ước muốn của chúng sinh, tùy theo cấp độ nhận thức, giác ngộ của chúng sinh mà giáo lý đạo Phật chỉ ra con đường an vui, hạnh phúc và dẫn dắt chúng sinh đi trên con đường đó.

Với những ai yêu chuộng đời sống nhân sinh, đạo Phật dạy đạo lý làm người, chỉ dẫn con đường xây dựng hạnh phúc mà con người mong đợi. Với những ai hướng đến đời sống an vui, hạnh phúc hơn cõi người, hướng đến thế giới tuyệt mỹ với những lạc thú vượt xa cõi người, thì đạo Phật dạy con đường sinh lên cõi trời (thiên giới) để hưởng phước báu thù

thắng. Tuy nhiên, sự an lạc, hạnh phúc ở cõi người và cõi trời cũng còn có hạn lượng, cũng chịu sự chi phối của quy luật vô thường và không trường cửu, cho nên có những chúng sinh giác ngộ được điều đó mà không mong cầu, những chúng sinh này hướng đến sự an lạc, hạnh phúc cao quý hơn, thắng diệu hơn, đó là cảnh giới siêu trần thoát tục của các bậc Thánh xuất thế như A la hán, Bích chi, Bồ tát, Phật. Đối với những ai có ý chí cao thượng này, giáo lý đạo Phật chỉ ra con đường giác ngộ rốt ráo, giải thoát khỏi mọi phiền não khổ đau, không còn luân hồi sinh tử.

Nền tảng căn bản của nấc thang hạnh phúc trong đạo Phật là đạo lý làm người, điều kiện để có được đời sống an vui, hạnh phúc trong hiện tại

và tiếp tục trở lại làm người trong tương lai. Đạo lý này gồm có quy y Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng), giữ gìn năm điều đạo đức căn bản (Ngũ giới), tin luật Nhân - quả, Nghiệp báo, Luân hồi, sống đời sống chân chính. Cõi nhân gian cũng có nhiều thân phận, địa vị khác nhau, người muốn có được đời sống an vui hạnh phúc, có được thân phận, địa vị cao quý cần phải thuận theo luật Nhân - quả mà tạo tác các nghiệp lành: không làm các điều ác, bất thiện, siêng làm các việc thiện lành, biết bố thí, phóng sinh, thương người mền vật, làm các việc có ích cho đời, sống có trách nhiệm, làm tròn bổn phận đối với gia đình và xã hội.

Những ai muốn hướng đến hạnh phúc của các cõi trời,☸

☞ muốn sinh lên thiên giới phải đi theo con đường Thập thiện nghiệp (10 nghiệp lành), tu tạo nhiều công đức, phước báu. Con đường sinh thiên giới cũng lấy nền tảng đạo lý làm người, từ đó phát triển, nâng cao hơn bằng pháp tu bố thí, cúng dường, phóng sinh, hành Thập thiện, tu tập thiền định (nếu muốn sinh lên các cõi trời cao hơn sáu cõi trời Dục giới).

Chúng sinh có nhiều phước báu được sinh lên các cõi trời, nhưng đến một thời gian nào đó hết phước (dù rất lâu) lại bị đọa lạc, tiếp tục trôi nổi trong biển khổ sinh tử luân hồi. Vì thế, giáo lý đạo Phật chỉ ra con đường thoát khổ, giúp chúng sinh đạt được nguồn an lạc, hạnh phúc vô biên là Niết bàn, trạng thái vô sinh, bất diệt. Giáo lý đạo Phật đã dạy Bốn chân lý mầu nhiệm (Tứ diệu đế), dạy pháp quán Vô ngã, Duyên khởi, để từ đó con người có thể đoạn trừ vô minh lậu hoặc, giác ngộ và giải thoát khỏi phiền não khổ đau, luân hồi sinh tử, chứng nhập Niết bàn, nguồn an lạc tối thượng.

Trên bước đường kiến tạo hạnh phúc cho mình và làm lợi lạc chúng sinh, đạo Phật đã chỉ ra con đường tự lợi và lợi tha song hành, đó là Bồ tát đạo, đây là con đường giúp chúng sinh vun bồi công đức phước báu và trí tuệ, những gì cần có để trở thành một vị Phật trong tương lai. Con đường Bồ tát đạo gồm có Lục độ vạn hạnh, phát tâm Bồ đề (Trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh), tu tập Tứ vô lượng tâm, hành Tứ nhiếp pháp.

Con đường đạo Phật rất rõ ràng, không mơ hồ, viễn

vông, không tưởng. An lạc hạnh phúc không phải ở cuối con đường mà có mặt ngay trên con đường ấy. Bước chân lên đúng con đường ấy thì lập tức có được an lạc, hạnh phúc, đi đến đâu thì hạnh phúc có mặt ở đó. An lạc, hạnh phúc nhiều hay ít, ở mức độ nào đều tùy thuộc vào tự thân mỗi hành giả, hành giả có đi đúng con đường đó hay không, hành giả có đặt bước chân trọn vẹn trên con đường đó hay không (có một lòng hướng về Phật pháp hay không? một lòng tu tập Phật pháp hay không?), hành giả có siêng năng tinh tấn đi trên con đường đó hay không. Một người cư sĩ Phật tử chưa hoàn toàn từ bỏ đời sống thế tục vẫn có an lạc, hạnh phúc nếu như thực hành đúng Chánh pháp (đi trên con đường đạo Phật) mặc dù mức độ an lạc, hạnh phúc đó không cao như của người đã hoàn toàn rũ bỏ mọi sự ràng buộc của thế gian. Dù ở trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng có được đời sống hạnh phúc nếu như đi đúng con đường đạo Phật. Chính vì thế mà đệ tử của Đức Phật gồm có bốn chúng: Tỳ kheo (người nam xuất gia từ bỏ đời sống thế tục), Tỳ kheo ni (người nữ xuất gia từ bỏ đời sống thế tục) và Ưu bà tắc (người nam tu tại gia), Ưu bà di (người nữ tu tại gia).

Dù là tại gia hay xuất gia cũng đều tu tập, hành trì trên nền tảng Giới pháp. Giới là những điều đạo đức, ranh giới giữa thiện và bất thiện. Một trong những ý nghĩa của Giới là Biệt giải thoát hay Xứ xứ giải thoát, có nghĩa là ai thọ trì thì người đó có giải thoát; thọ

trì Giới nào thì được phần lợi ích của Giới đó; giữ được bao nhiêu phần, thọ trì bao nhiêu giới, sống đúng theo những điều đạo đức đó ở mức độ nào thì được an lạc, giải thoát khỏi phiền não khổ đau ở mức độ đó. Ví dụ như giữ Giới không giết hại (sát sinh) thì không tạo nghiệp sát, không gieo nhân bất thiện, có được đời sống an ổn không oán thù, thoát khỏi những phiền não, khổ đau do oán thù mang lại. Giữ Giới không nói dối thì không đánh mất lòng tin nơi người khác, thoát khỏi bị người khác hoài nghi, lời nói được tin tưởng. Giữ Giới hay những điều đạo đức, cũng gọi là Phạm hạnh, Thánh hạnh, chính là giữ mình trong phạm vi của điều thiện, chính là đi trên con đường của bậc thiện nhân, Thánh nhân.

Trên nền tảng của Giới, người tu học Phật tu thiện định, trí tuệ. Giới, Định và Tuệ chính là những gì mang lại an lạc, hạnh phúc cho hành giả. Tuy cấp độ Giới, Định và Tuệ của hành giả xuất gia và tại gia có khác nhưng đều mang lại giá trị an lạc, hạnh phúc trong hiện tại và tương lai. Đó chính là đi trên con đường đạo Phật, đi trên con đường hạnh phúc chân thật.

Cũng có thể nói con đường hạnh phúc - đạo Phật là con đường Bát Chánh đạo (hay Bát thánh đạo), phần trọng yếu của Đạo đế (một chi phần của Tứ diệu đế/Tứ thánh đế), trong đó Chánh kiến, Chánh tư duy là Tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng là Giới; Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định là Định ■



 **BODHGAYA MONK**
VÔ VĂN TƯỜNG dịch

Những lời chỉ dạy của đức Phật có khả năng chuyển hóa nỗi khổ niềm đau thành an vui, hạnh phúc ngay tại đây và bây giờ bằng sự tin sâu nhân quả, làm lành được hưởng phước, làm ác chịu khổ đau, không ai có quyền ban phước giáng họa, phúc hay họa đều do mình tạo lấy.

Chúng ta tạo nghiệp lành hay dữ, hạt giống lành dữ ấy không bao giờ bị mất, khi hội đủ nhân duyên, ta sẽ thọ nhận tất cả quả khổ vui do mình gây ra. Người biết tu và tin sâu nhân quả sẽ không oán trời trách đất, đổ thừa tại - bị - thì - là, sẵn sàng chịu nhận quả xấu mà không tạo thêm ân oán, hận thù: do đó,

nhân quả ác dẫn hồi dứt sạch. Con người do tạo nhân quả không đều nên có sự sai biệt rất lớn trong cuộc đời, như giàu nghèo, sang hèn, đẹp xấu, thông minh hay ngu dốt, sống thọ hay chết yểu.

Vậy nhân quả là gì? Nhân là nguyên nhân, quả là kết quả, như ta trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Nhân là mầm, quả là hạt, từ hạt sinh ra mầm, từ mầm phát triển thành cây và từ cây cho ra trái. Nhân quả luôn đan xen, kết nối nhau, nương vào nhau mà hình thành và tương quan mật thiết với nhau.

Đặc tính của nhân quả là do nhiều nhân duyên kết hợp lại mà thành, không có cái gì

một nhân mà cho ra kết quả. Minh lấy ví dụ về hạt lúa, người ta hay nói: “Hạt lúa sinh ra cây lúa”. Đó là lời nói rút gọn; thật ra hạt lúa phải kết hợp nhiều duyên phụ thuộc, như không khí, ánh sáng, đất, nước và sự chăm sóc của con người.

Giáo lý nền tảng của đạo Phật có khả năng chuyển hóa khổ đau thành an vui hạnh phúc, làm lành được hưởng phước, làm ác chịu khổ đau, hay còn gọi là ở hiền gặp lành, gieo gió gặt bão.

Chúng ta tạo nghiệp lành hay dữ, hạt giống lành dữ ấy rơi vào kho ý thức của ta. Đến khi đủ duyên, chúng ta sẽ thọ nhận tất cả các quả khổ vui. Người biết tu sẽ ॐ



✧ không than oán, hờn trách khi quả khổ đến, mà sẵn sàng thọ nhận và tìm cách chuyển hóa. Do đó, con người khi mới sinh ra đã có sự bất đồng và sai biệt, như giàu nghèo, sang hèn, đẹp xấu, sống thọ, chết yếu, thông minh hay đần độn.

Tuy gieo nhân thì phải gặt quả, nhưng nhân quả không cố định, có thể thay đổi được. Vì vậy, trong thực tế, có người sinh ra trong hoàn cảnh gia đình thiếu thốn, nghèo đói, xấu xí, tàn tật, nhưng họ cố gắng vươn lên, rồi được thành đạt, trở nên giàu có, danh vọng tiếng tăm, có địa vị cao trong xã hội và được mọi người kính trọng.

Khi hiểu được giáo lý nhân quả, chúng ta sẽ sống có trách nhiệm và ý thức được hậu quả xấu gây khổ đau cho người, không ỷ lại hay đổ thừa mọi chuyện xảy ra là do “khi không”, “tự nhiên” mà chính ta phải chịu trách nhiệm đối với mọi hành vi tạo tác của bản thân.

Hiểu và ứng dụng lý nhân quả vào trong đời sống hằng ngày, chúng ta sẽ không đổ thừa do số mệnh định sẵn, hay có sự an bài của đấng tạo hóa nào đó, mà không vươn lên làm mới lại chính mình, thay đổi hoàn cảnh.

Do đó, tin sâu lý nhân quả sẽ giúp chúng ta có cách nhìn thông thoáng hơn, không bị lệ thuộc vào một đấng quyền năng thượng đế mà chính mình là thượng đế của chính mình. Không một ai có quyền ban phước, giáng họa. Mọi sự khổ vui đều do mình tạo lấy và ta có quyền thay đổi hoàn cảnh sự sống tùy theo năng lực và sự tu tập của bản thân ■

Đạo Pháp Vô Diện

*Đời sống con người sống hữu tình
Đã như tin tưởng có phần linh
Tâm hồn xán lạn lòng mong ước
Thể xác ưu tư đáng khó xinh
Cõi thế nơi đây thân tạm bợ
Niết bàn chốn đó cảnh vô hình
Phật trời lân mẫn luôn kề cận
Giải thoát luân hồi kiếp tái sinh.*

● PHƯƠNG VIỆT THANH



Tinh bình đẳng trong xã hội Phật giáo

THÍCH TÂM NHƯ

Nếu đã biết khổ đau là một hiện trạng đáng lo âu muôn đời của nhân loại, thì hạnh phúc an lạc hẳn nhiên là khát vọng thiêng liêng mà con người đã mòn mỏi mong cầu.

Dĩ nhiên, hạnh phúc ở đây không ở trong cái nghĩa hạn hẹp, thấp hèn của sự thỏa mãn, hoan lạc... được nắm bắt với những ý niệm tự kỷ và vị kỷ. Chắc chắn nó cũng sẽ không có được những vật chất tạm bợ như lâu đài, cung điện, ngựa xe, vàng bạc hoặc địa vị, danh vọng... hay bất cứ một thứ gì làm tôi đòi cho tự ngã. Hạnh phúc ở đây chính là kết quả của sự đấu tranh quyết liệt của tâm linh, thoát ra ngoài tất cả những mâu thuẫn của cuộc sống bằng tinh thần bình đẳng, vô ngã, vị tha từ phương pháp vô dục, vô cầu,

vô danh, vô lợi, được tự thân mỗi con người tích cực thực hiện. Như vậy, tìm đến nguồn hạnh phúc chính là tìm đến một cuộc sống tâm linh vẹn toàn, một tinh thần bình đẳng, có đầy đủ ba phương diện CHÂN - THIÊN - MỸ.

Từ xưa đến nay, bao nhiêu tôn giáo, triết học, khoa học... ra đời cũng chỉ vì mục đích duy nhất là tìm phương cách giải quyết khổ đau và đem lại cho con người cuộc sống hạnh phúc vĩnh hằng. Những điều ấy có lẽ hầu hết đều tùy thuộc vào một đáng thương để ở quá xa ta... hoặc còn nằm trong mặc khải của giáo thuyết chứ chưa hòa nhập nhịp nhàng giữa khối óc và bàn tay.

Tinh thần duyên sinh bình đẳng Phật giáo, một ánh sáng huyền diệu đã ra đời, phá tan cái kiến giải thần quyền nguy

hại và tư tưởng ngẫu nhiên lăm lặc ấy. Ánh sáng ấy xuất hiện từ thể bản nhiên vô tận, từ tâm đại giác, rất hoàn bị hợp lý cho mọi sự kiện tâm linh và hiện tượng. Nơi xuất phát mặt trời chân lý vẫn mãi mãi tiếp tục sáng soi ánh sáng tươi đẹp khắp năm châu, hầu chỉ rõ cho nhân loại nguồn cơn của khổ đau và con đường trở lại bản thể thuần chân ngay trong mỗi con người.

Trong Phật giáo có hai danh từ, một là "xuất thế", hai là "liễu sinh tử", thường bị người ta hiểu lầm cho là căn cứ của chủ nghĩa yếm thế của Phật giáo. Người viết chẳng thể nào không cải chính ở đây:

Chỗ bảo là Thế, tức là thời gian, cho nên nói quá khứ, hiện tại và vị lai là tam thế, chỗ bảo xuất thế là khỏi sự trói buộc của thời gian. Thời 卐



☸ gian từ đâu mà có? Xin trả lời: từ niệm niệm sanh diệt mà có. Niệm niệm xoay chuyển nhiều, liền cảm thấy thời gian dài, niệm niệm sanh ra ít liền cảm thấy thời gian ngắn. Như lúc ta chờ đợi người nào, niệm niệm chẳng dứt hy vọng người đó lại, đợi chưa đến mười phút đồng hồ liền đã cảm thấy lâu như là hơn nửa giờ rồi. Lại như lúc thanh nhàn vô niệm, ngồi im lặng tĩnh tọa liền cảm thấy thời gian trôi qua rất mau. Nếu không có sự sinh diệt của niệm niệm thì liền không có sự dài ngắn của thời gian, nên kẻ nào có thể lìa huyễn tướng sinh diệt liền chẳng bị thời gian trói buộc, vậy nên xuất thế chẳng phải là yếm thế (chán đời), tỵ thế (tránh đời), cho nên Phật dạy: **Chẳng lìa pháp thế gian thường hành đạo xuất thế.** Lại nói: **“Phật pháp nơi thế gian. Không lìa thế gian giác. Lìa thế tìm Bồ Đề. Giống như tìm sừng thỏ”**¹. Phật pháp căn bản chẳng lìa thế gian này, nói

nhập thế là tham gia sự nghiệp trong xã hội mà nói, chẳng phải thiết có xuất có nhập.

Lại bảo chỗ là sanh tử tức là sanh diệt. Liễu sanh tử là liễu thoát vọng niệm của sanh diệt, huyễn tướng của sanh diệt. Có người mượn câu trên để chê bai Phật giáo là sợ chết và trốn đi tìm sự sống, đều vì họ chẳng hiểu nghĩa này, họ bèn giải nghĩa ra cách khác. Phật giáo vốn là môn học hợp lý, khít khao với nhân sinh thực dụng, có lý luận, có ứng dụng giống với khoa học mà chẳng giống với các thứ tôn giáo khác tuy có tác dụng nhỏ mà không có lý luận, cũng chẳng giống với triết học tuy có lý luận mà không có thực dụng.

Trong Phật giáo còn có hai chữ khác cần lưu ý khi nói về bình đẳng: đó là Phục Vụ. Hai chữ “phục vụ” trong Phật giáo gọi đó là độ sanh. Cứ xem ở nguyên thứ nhất trong bốn thế nguyện lớn “chúng sanh vô biên thế nguyện độ” và nguyện “hằng thuận chúng

sanh” của Phổ Hiền Bồ tát thì có thể chứng minh Phật giáo là một tôn giáo tích cực vì nhân loại phục vụ không có điều kiện.

Phật giáo tại sao lại tích cực vì nhân loại phục vụ như thế? Là bởi hết thấy chúng sanh vốn bình đẳng nhứt thể, độ người tức là độ mình, cứu người tức là cứu mình, tuyệt nhiên không có sự phân biệt Ta và Người, nên trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: **“Tu Bồ - Đề! Ông chớ lầm tưởng: Như Lai nghĩ rằng: “Ta độ chúng sanh”. Tại sao vậy? Nếu Như Lai có nghĩ: “Ta độ chúng sanh”, thì như lai còn chấp bốn tướng: ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả, tức nhiên không phải Như Lai. Bởi thế nên, Như Lai thật không có độ chúng sanh nào cả”**². Bởi vì, người và ta là nhứt thể, nên tuy vì người khác phục vụ nhưng chẳng tưởng là phục vụ, Phật giáo chẳng những không có cảm tưởng là phục vụ mà trái lại có ☸

↳ cảm tưởng là báo ân, nhận hết thấy chúng sanh là ân nhân. Hoặc nói: nhận cha mẹ, thầy dạy là ân nhân thì có thể được, chớ nhận hết thấy chúng sanh đều là ân nhân thì chẳng khỏi thái quá. Tôi xin trả lời: Đây là sự thực, chẳng phải cố ý lập nên dị thuyết để kinh hãi thế tục. Chúng ta chỉ cần đem những đồ cần dùng về ăn, mặc, ở, đi của mỗi người ra mà kiểm thảo một lần liền đủ để chứng minh thuyết này là chẳng sai lầm. Như đồ của chúng ta mặc có cái bằng vải, có cái bằng hàng lụa, có cái bằng len nỉ, các thứ quần áo này là nhờ người thợ may cắt thành, nguyên liệu may quần áo là mua ở tiệm bán hàng vải, những hàng hóa ở tiệm hàng vải là do các xưởng dệt vải, dệt hàng, dệt len chia nhau chở tới. Nguyên liệu của vải là các xưởng chỉ dệt cung cấp. Nguyên liệu của chỉ dệt là của người nông phu trồng bông vải mà ra. Nguyên liệu của hàng lụa là do xưởng tơ cung cấp, tơ là của người nuôi tằm cung cấp, món ăn của tằm là của người trồng dâu trồng nện. Nguyên liệu của len nỉ là của người nuôi dê, nuôi cừu đem lại. Đó là mới chỉ nói theo hệ thống trực tiếp, thế mà đã liên quan đến một số lớn những người trong các ngành nông công thương. Nếu lại đem những người gián tiếp giúp các việc trên mà nói, như vậy cần tới sự góp công góp sức của bao nhiêu người nữa? Tuy thế ta đã đem ra một đại

giá tương đương, vả lại có rất nhiều món đồ vô giá, như ta mua một cuốn sách, giá trị tri thức trong cuốn sách này đối với ta đầu cho đến tiền bạc cũng chẳng thay thế được.

Vậy nên, chúng ta phải học tinh thần của 141 nguyên trong phẩm Tịnh Hạnh, ở trong sinh hoạt hàng ngày bất cứ làm việc gì cũng phải vì toàn thể loài người cầu phúc, chẳng bám vào một cái nhân bất bình đẳng (Thượng đế hoặc Thiên thần) mà cầu nguyện phước báu của mình. Chúng ta phải gắng sức làm các nghề nghiệp chánh đáng và sự nghiệp có lợi cho nhân loại để báo đáp ân sâu cho trọn cả loài người, đó mới là chân lý phục vụ xã hội của chúng ta.

Mọi người đều biết, phục vụ xã hội thứ nhất là phải có trách nhiệm tâm, nhưng sao gọi là trách nhiệm tâm? Nếu có thể theo đúng giáo nghĩa của Phật giáo để làm việc, thì quyền thiết có thể phụ trách một cách tuyệt đối. Nay vì tùy thuận thế tục nên hãy đặt tên nó là trách nhiệm tâm chân thực, cái tâm này là do tâm bình đẳng, tâm từ bi, tâm báo ân, tâm hiểu rõ nhân quả hòa hợp mà sinh ra. Cho nên, y theo đúng nghĩa Phật giáo mà làm việc, thì đối với người trên mình chẳng xem họ như kẻ có thể trách phạt mình, đối với kẻ dưới mình chẳng xem họ như kẻ để mình trách phạt, không có tâm sợ hãi, không có tâm kiêu ngạo, đó mới là tâm bình đẳng. Kẻ dưới có chỗ yêu cầu

gì thì người trên ắt phải khiến cho họ mãn ý, có chỗ khó khăn gì ắt phải giải trừ cho họ, đó mới là tâm từ bi. Người trên chỉ bảo phương châm cho ta công tác, kẻ dưới giúp ta làm việc đều là ân nhân của ta, ân này ắt phải báo đáp, đó mới là tâm báo ân. Làm việc thiện thì được thiện căn, làm việc ác thì gặp ác báo, nhân quả rõ ràng như bóng theo hình, nếu ta tham ô thì phạm tội cướp trộm, nếu ta lường biếng thì phạm giới phóng dật, nếu ta nóng nảy hung dữ liền phạm giới sân, nếu ta thất lễ liền phạm giới khinh mạn, nếu đã phạm thì phải chịu quả báo không sai một ly một chút, đó là tâm hiểu rõ nhân quả. Hợp bốn thứ tâm này lại để làm việc, thì có thể nào chẳng chịu trách nhiệm được chăng? Đó mới gọi là trách nhiệm tâm chân thực.

Tóm lại, từ nguyên lý vũ trụ đi đến nhận xét con người, tinh thần Phật giáo nhất quán trên quan điểm: Con người có khả năng làm nên tất cả. Hạnh phúc hay khổ đau đều do tâm con người tạo tác chứ không phải là do ở đấng siêu nhân. Nhận xét như thế để chỉ ra rằng: Phạm phu và thánh nhân, chúng sanh và Phật đều bình đẳng trong một tánh thể sạch thường nhiên. Dứt vô minh, sống hợp với giác tánh là thành Phật. Vốn có giác tánh cho nên phiền não, vô minh không vọng khởi, chúng ta hoàn toàn có thể tu tập trở thành bậc Chánh đẳng Chánh giác■

¹Trích kinh Pháp Bảo Đàn - Thích Thanh Từ giảng giải - Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh 1999, tr84.

²Trích Kinh Kim Cang, HT. Thích Thiện Hoa - Sđd, trang 663.

Một lòng tín, hạnh, nguyện hưởng về Đức Phật và Bồ Tát

✎ HUỖNH PHONG LƯU

Trong chúng ta có ai lại không có tham sân si? Có ai mà không có vọng tưởng tạp niệm? Như vậy, nhất định sẽ đọa lạc trong luân hồi sinh tử thời vị lai, chẳng phải đọa một đời mà còn nhiều đời nữa. Vậy chúng ta còn luân hồi trong sáu nẻo, đây là “việc lớn của đời người”. Việc lớn này không mang tính tương đối, mà mang tính tuyệt đối. Cái gọi là tương đối thì có nhỏ có lớn, còn tính tuyệt đối thì vượt qua lớn và nhỏ. Bởi vậy, mục đích tu hành, học Phật về thế giới Cực lạc, phải giải quyết việc lớn luân hồi sanh tử sáu đường. Để giải thoát được sáu đường, chúng ta cần phải tu học, cải đổi hành vi xấu ác, thủ thiện, ly dục để đến với đường đạo. Đi, đứng, nằm, ngồi đều hướng đến Phật và Bồ Tát. Nói chung là đừng tạo nghiệp và một lòng hướng về hạnh nguyện của Đức Phật A-di-đà và Bồ Tát.

-Về bản thân, chúng ta đừng tạo nghiệp, bởi nghiệp là hành động có tác ý, phát khởi từ thân, khẩu, ý. Có thiện, có ác hoặc vô ký, nhưng nghiệp ấy sẽ đưa đến một kết quả đáp

trả gọi là báo, theo suốt ba đời như bóng theo hình, tự làm tự chịu không ai thay thế được...

“*Nhược sử hữu nhân tác bất thiện nghiệp tất thụ khổ quả địa ngục chi báo*” (Nếu có người tạo nghiệp bất thiện, chắc chắn nhận nghiệp báo khổ địa ngục).

Tại họa khủng khiếp hơn là khi đã tạo nghiệp rồi thì khó mà dứt ra được, nó theo ta như bóng theo hình suốt cả cuộc đời.

“*Duy hữu tội phước nghiệp sinh tử vị tằng xả như ảnh chi tùy hành*” (Duy chỉ có nghiệp tội phước, sinh tử chưa từng bỏ, như bóng theo hình).

Quá trình nhân quả xảy ra xuyên suốt ba đời, phải hiểu trước sau cho trọn vẹn, để tự răn mình mà sửa đổi ác thành thiện.

“*Ngã kim sở dĩ hoạch thử tôn thắng giai do vãng tích, tích chư thiện nghiệp, kim nghị tác chư nghiệp, tạo lai sinh quả*” (Ta nay sở dĩ được vượt trội cao quý như thế này, đều do xưa kia cất chứa các việc lành. Nay nên làm các việc lành để tạo quả tiếp mai sau).

✧ Có người thắc mắc, sao tôi làm việc thiện mà gặp cảnh ác hoai, còn người làm việc ác lại gặp điều tốt. Xin nhắc lại, biết đâu đời trước mình tạo ác mà nay mình trả chưa hết nên phải trả tiếp. Còn người tuy làm ác nhưng phước báu đời trước còn. Nên tin rằng: tạo nghiệp ác, hoặc trước hay sau, khi hình thành kết quả cũng giống như nhau.

“Nhuộc phục thiếu thời tác phước, trưởng thời tác tội, hậu sinh chi thời, thiếu thời thọ phước, trưởng thời thọ tội”.

Điều đáng nói là nghiệp báo rất công bằng, đó là ai làm nấy chịu. *“Tự tác nghiệp thiện ác, kim tự thọ khổ lạc”.*

-Tín tâm tha lực: Nói là nghiệp báo theo suốt cả cuộc đời (ba đời) nhưng đạo Phật vốn từ bi, nếu biết tu tập nghe lời Phật dạy thì quả báo có thể chuyển đổi, đây là cơ hội, niềm lạc quan trên bước đường tu tập (Nghiệp báo không cố định).

Như chúng ta biết, việc sống chết là việc lớn, vậy ngay bây giờ chúng ta hãy trang bị hành trang để chúng ta mang theo. Đời sống hàng ngày có đâu bằng phẳng, nào là danh lợi, tham, sân, si lúc nào cũng chờ chực nổi lên để hồng mong đạt được dục vọng mà con người đòi hỏi, người tu hành phải nhìn thấy

tất cả dục vọng ham muốn đều là vật ngoại thân, khi chết đi không mang theo được, lại không cứu ta thoát ra khỏi sáu đường. Vậy từ ngay bây giờ chúng ta phải chọn con đường để mà đi, con đường đó, Phật và Bồ Tát đã chỉ dạy và luôn quan tâm giúp chúng ta.

Quán Thế Âm Bồ Tát có sức oai lực rộng lớn khi có tiếng xưng niệm đến Ngài là Ngài cứu giúp chỉ một “niệm” một “tiếng” Trong kinh Phổ môn ta thấy Đức Phật đã bảo Vô Tận Ý Bồ Tát *“Thiện nam tử, nếu có vô lượng chúng sinh chịu khổ não, dù vào trong lửa lớn, bị nước lớn cuốn trôi, một lòng xưng danh Quán Thế Âm Bồ Tát, tức thời xem tiếng tâm kia đều được giải thoát, đều được đến chỗ an. Nếu gặp quỷ La sát hay có người sắp hại, liền niệm danh hiệu Ngài thì thoát khỏi quỷ La sát, người kia cầm dao gây liền gãy từng đo. Nếu người có tội hoặc không tội, gõ chuông xiềng xích trói buộc, xưng danh hiệu Bồ Tát, thầy đều nứt vỡ, liền được giải thoát...”*

Tất cả những lời dạy trên, dù chúng ta hiểu cách nào đi nữa, nhưng có điều không thể thiếu cho người tu tập là phải trì niệm, ngưỡng vọng, quán chiếu thì công đức phước báu sẽ giúp thoát khỏi chướng ngại cho người tu tập giải thoát, dù đó chỉ là phương tiện, nếu ✧



❖ hiểu được thì sự cảm ứng Quán Thế Âm Bồ Tát hiệu nghiệm, ắt lòng ta được nhẹ nhõm, thanh thản thoát ra chốn Ta-bà, trầm luân đau khổ.

*Hữu vô trời buộc chốn Ta-bà
Phiền não trầm luân khó thoát ra
Đường đến Tây phương nguyện Bồ Tát
Nẻo về Cực-lạc niệm Di Đà
Khổ vui danh lợi như mây nổi
Phú quý phù hoa tựa nguyệt tà
Chuông mõ, từ bi trừ vọng tưởng
Kệ kinh hỷ xả nhẹ lòng ta.*

Đức Phật A Di Đà đã phát ra lời thệ nguyện: “*Nếu Ta thành Phật, mười phương chúng sanh về cõi nước Ta, cho đến mười niệm, nếu chẳng được sanh về thì Ta không ở ngôi Chánh giác. Chỉ trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp thì vĩnh viễn phải chịu luân hồi trong ba cõi sáu đường...*”, Điều nguyện này hết sức từ bi. Bởi vậy, Đức Phật A Di Đà đã kiến tạo thế giới Cực-lạc, Ngài nhất định phải hoàn thành công đức vãng sanh, sau đó mới hồi hướng hết cho chúng ta. Kinh Vô Lượng Thọ nói:

*Ngã ư vô lượng kiếp
Bất vi đại thí chủ
Phổ tế chư bản khổ
Thệ bất thành chánh giác*

*Dịch:
Ta ở vô lượng kiếp
Không làm đại thí chủ
Cứu khắp người nghèo khổ
Thệ không thành chánh giác.*

Vậy chúng ta khắc cốt ghi tâm rằng, chúng ta là phàm phu tội ác không có cơ hội giải thoát, chỉ nương vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà mới có thể được vãng sanh. Cần giữ tín tâm tha lực không dao động thì đây chính là tiến trình để chúng sanh tu hành tiến vào thế giới Cực-lạc của Đức Phật A Di Đà.

*Có không chấp chặt tại lòng ta
Khổ khác vui đâu chốn Ta-bà
Vô lượng Từ-bi miễn diệp hữu*

*Muôn ngàn hỷ xả cõi hằng sa
Cảnh trần ách nạn cầu Bồ Tát
Cực-lạc Tây-phương niệm Di Đà
Tịnh tấn tu hành nương cửa Phật
Đường về tịnh độ chẳng còn xa.*

Trên bước đường tu học tự thân, chúng ta cần phải nhờ đến tha lực của Đức Phật và các vị Bồ Tát, đó là con đường tốt nhất giúp ta giải thoát. Mong rằng chúng ta ở chốn Ta-bà có thể học được từ ngôn hạnh của các vị Tổ, các thầy, thấy được niềm hy vọng và ánh sáng để bước ra khỏi con đường quanh co khúc khuỷu, ra khỏi sáu đường, đến cõi Tịnh độ Cực-lạc, dùng công đức thệ nguyện của Phật để trang nghiêm tự thân, nhất hướng chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà. Được như vậy thì như hoa sen mọc giữa bùn nhơ, như ngọn lửa bùng cháy từ đồng to tàn. Tuy rằng, chưa ra khỏi chốn Ta-bà mà đã chẳng phải khách Ta-bà dài lâu, chưa vãng sanh về miền Cực-lạc, mà đã là khách quý ở chốn Lạc-bang■

Sen Hồng Bầy Đóa

*Ngày xuân đi không vội
Thiên nhiên thay màu hoa
Hạ về sen lại nở
Ngạt ngào hương đưa xa*

*Rằm tháng Tư diệp vội
Gió thoảng trời xanh trong
Tiếng chuông chùa vang vọng
Mừng Đức Phật Đản sanh*

*Bầy bước đi đầu tiên
Sen hồng nâng bầy đóa
Khắp nhân gian chào đón
Đấng cứu tinh ra đời*

*Soi ánh sáng nhiệm mầu
Hạnh từ bi rộng lớn
Nhân từ và độ lượng
Dào dạt suối yêu thương.*

● HỒNG VINH



Từ thiện và bố thí

✍ PHAN MINH ĐỨC

Có thể hiểu “Từ thiện” là “những việc làm nhân từ, phước thiện”, hoặc “những việc thiện xuất phát từ lòng nhân từ”. Bất kỳ cá nhân, tổ chức xã hội nào có thiện tâm, giàu lòng nhân từ và nhận thức được tầm quan trọng của những hành động yêu thương, đùm bọc, sẻ chia đều có thể làm từ thiện chứ không chỉ riêng các tôn giáo. Tuy nhiên, “Từ thiện” trong Phật giáo cần được hiểu đúng với nội dung ý nghĩa của nó.

Với ý nghĩa từ thiện, Phật giáo có từ “Bố thí” (ban, cho, tặng), nhưng nội dung từ “Bố thí” rộng hơn. Người thế gian không hiểu đầy đủ ý nghĩa từ này, không biết hết nội dung

bố thí trong đạo Phật nên chỉ dùng từ này khi chia sẻ vật chất (chủ yếu là cơm ăn, áo mặc, thuốc men...) cho người nghèo khó (bố thí chẩn bần). Hiện nay, dường như người ta e ngại, kiêng kỵ dùng từ này do hiểu chưa đúng ý nghĩa của nó. Nghĩ rằng bố thí là ban cho người nghèo khó, người ăn xin ăn mày (hành khất), nếu dùng từ đó sẽ khiến cho những người khốn khổ mặc cảm tự ti và thêm buồn cho thân phận, cho nên người ta dùng từ “từ thiện” thay cho từ “bố thí”.

Nhưng nội dung “bố thí” trong Phật giáo khác với nội dung “từ thiện” của người thế gian và các tôn giáo khác. Bố thí của Phật giáo có ba phần: Tài thí (chia sẻ, giúp

đỡ về vật chất, tiền bạc); Pháp thí (trao truyền đạo lý, chánh pháp giúp xây dựng đời sống an lạc, hạnh phúc trong hiện tại và tương lai, đời này và đời sau, hơn thế nữa là dứt trừ gốc rễ, nguyên nhân những nỗi khổ niềm đau, chấm dứt luân hồi, sinh tử); Vô úy thí (mang lại sự an ổn, không lo lắng, không sợ hãi cho người đang khổ não). Chỉ phương pháp bố thí trong Phật giáo mới có đủ ba nội dung này.

Khi dùng từ “từ thiện”, người ta dễ đánh đồng “bố thí” của Phật giáo, “từ thiện” của Phật giáo với từ thiện của thế gian và các tôn giáo khác. Nếu bố thí của Phật giáo cũng giống như mọi hoạt động từ thiện khác, chỉ

☞ giúp đỡ, hỗ trợ giải quyết vấn đề cơm ăn áo mặc, chỗ ở, thuốc men thì có gì đáng nói, vì nó cũng như các hoạt động từ thiện, bảo trợ, an sinh xã hội, những việc này có nhiều cá nhân làm được, nhiều tổ chức xã hội, tôn giáo làm được chứ đâu riêng Phật giáo.

Đĩ nhiên là không phải dùng từ bố thí với ba ý nghĩa, nội dung (tài thí, pháp thí, vô úy thí) với mục đích làm lạ, cho khác với thế gian, khác với các tôn giáo khác. Bằng tuệ giác, Phật giáo thấy rằng việc giúp đỡ, chia sẻ về vật chất không giúp giải quyết triệt để nguồn gốc mọi nỗi khổ niềm đau. Không ai có thể giúp đỡ mãi nếu như chính bản thân những người nghèo khó không nỗ lực phấn đấu, hoặc không nắm bắt cơ hội mà người khác mang đến cho họ để phấn đấu vươn lên. Sự giúp đỡ quá nhiều sẽ có tác hại đối với một số kẻ lười biếng mang tâm lý ỷ lại và không có ý chí phấn đấu. Từ thiện thiếu phương pháp, thiếu trí tuệ sẽ làm sinh khởi lòng tham nơi người khác và tạo cơ hội cho kẻ xấu tạo nghiệp ác bất thiện (lợi dụng từ thiện để trục lợi hoặc quảng cáo, phô trương, đánh bóng tên tuổi v.v...).

Nguyên nhân của bất hạnh khổ đau trong hiện tại phần lớn là do quan niệm, hành vi, lối sống của con người. Mọi sự giúp đỡ về vật

chất đều trở nên vô ích nếu như người ta cứ sống buông thả, biếng nhác, sa đọa trong rượu chè, cờ bạc, không có sự nỗ lực, phấn đấu xây dựng cuộc sống. Muốn giải quyết những khó khăn của đời sống, nghèo khó và bất hạnh khổ đau của con người không chỉ cần cơm ăn áo mặc, các phương tiện đời sống mà còn cần văn hóa, giáo dục, cần được định hướng sống tốt, định hướng nghề nghiệp mưu sinh, cần được giáo dục, đào tạo, cần học cách chung sống với nhau v.v...

Mục đích cứu cánh của bố thí trong đạo Phật là giúp chúng sinh giải quyết triệt để gốc rễ mọi nỗi khổ niềm đau. Vì thế cho nên đi song đôi với các hoạt động từ thiện nhất định phải là công tác hoằng pháp (pháp thí). Phải có sự lồng ghép khéo léo giữa từ thiện và hoằng pháp mới đầy đủ ý nghĩa bố thí. Không có hoằng pháp thì từ thiện của Phật giáo thiếu sót và không khác gì từ thiện của thế gian và của các tôn giáo khác.

Hiện nay xã hội cùng chung tay góp phần đùm



🔗 bọc, sẻ chia, giúp đỡ cho những mảnh đời khó khăn, bất hạnh, làm vơi bớt nỗi khổ niềm đau trên cuộc đời. Các tôn giáo và nhiều cá nhân, nhiều tổ chức tích cực thực hiện các hoạt động từ thiện khắp nơi từ trong nước cho đến nước ngoài, đây là điều rất đáng mừng. Tuy nhiên, cũng có không ít chương trình từ thiện không mang lại hiệu quả tốt mà còn dẫn đến nhiều hiện tượng tiêu cực. Và do không hiểu hết ý nghĩa từ thiện của Phật giáo, không nắm được mục tiêu hướng đến của từ thiện Phật giáo, mà không ít cá nhân Phật tử quên đi phần tu học Phật pháp để giải quyết triệt để nỗi khổ niềm đau cho chính mình và giúp đỡ người khác; Nhiều cơ sở tự viện quên đi vai trò, trách nhiệm hoằng dương chánh pháp, bố

thí pháp giải khổ cho chúng sinh và duy trì mạng mạch Phật pháp. Người ta đầu tư tất cả thời gian, công sức cho các hoạt động từ thiện nay đó mai đây; vận động, lạc quyền, kinh doanh mua bán, mở dịch vụ để kiếm tiền làm từ thiện thay vì dành tâm huyết, thời gian, công sức tổ chức giáo dục Phật giáo và thực hiện các khóa tu dành cho tăng ni, Phật tử. Đây là vấn đề mà Phật giáo cần phải xem xét lại để có sự điều chỉnh thích đáng.

Thiết nghĩ cần phải xem xét lại, đánh giá lại các hoạt động mang danh nghĩa “từ thiện”. Dĩ nhiên là cần phải có kinh phí để đầu tư cho văn hóa, giáo dục, nhưng không vì thế mà các tự viện, cơ sở Phật giáo, quý tăng ni tận lực kinh doanh, mở dịch vụ, tham gia các loại hình làm kinh tế

như người đời. Ngay cả Phật tử cũng cần dành thời giờ học Phật pháp và tu tập, trải nghiệm đời sống tâm linh, không nên đầu tư tất tưởi lo kiếm tiền. Suốt ngày bận rộn với quá nhiều công việc và quan hệ đa chiều, trong đầu luôn nghĩ đến các hoạt động kinh doanh mua bán, nghĩ cách làm sao để kiếm lời, làm sao để thu hút nhiều khách hàng, các mối làm ăn, làm sao để duy trì các mối quan hệ, làm sao để giải quyết các rắc rối trong quá trình làm ăn, như thế thì chắc chắn không có sự bình an, thanh thản tâm hồn, không thể có được sự trải nghiệm tâm linh đích thực. Cả thân và tâm đều bị ràng buộc, đều bị hoàn cảnh tác động, chi phối, các mong muốn, khát vọng luôn lôi kéo, sai sử thì chúng ta không thể nào an lạc được, không thể thành tựu công phu tu tập. Khi không có công phu tu tập, không có công đức thì phước báu có được từ các thiện sự chẳng là bao và cũng chẳng ích gì. Tài sản to lớn nhất của người tu học Phật là tuệ giải thoát, tức trí tuệ giúp chúng ta thoát khỏi mọi sự ràng buộc, chi phối của phiền não khổ đau. Sự nghiệp to lớn nhất của người tu học Phật là tâm giải thoát, tức cái tâm an lạc, tự tại. Có sự nghiệp này, có các tài sản này chúng ta mới bố thí, từ thiện, làm lợi ích thực sự cho chúng sinh ■



Đoàn Từ thiện Phật giáo tỉnh Đắk Lắk
phân phát quà cho học sinh trường tiểu học Ea Tam
Ảnh: Nhân Liên

Trong cuộc sống nhộn nhịp của xã hội hiện nay cũng như cảnh nông nhàn xa xưa của dân tộc Việt Nam, cảnh du canh du cư của những sắc tộc vùng cao, ngành ngư nghiệp trên vùng sông nước... Đất nước nào, dân tộc nào cũng phải đối diện với nhiều vấn nạn mà trí óc hạn hẹp, chơng chất khó giải trình, nhất là những vấn nạn mang tính trừu tượng, vô hình do tưởng thức đặt ra. Từ căn bản đó, tự mình vẽ bóng hư ảo để rồi sùng bái, ngưỡng vọng, lo sợ, hiến tế... theo bản chất nông cạn của chính mình, biến thành sự hối lộ, mua chuộc Thần thánh trừu tượng, kèm theo nghiệp sát đối với bao sinh động vật, thậm chí có cả sinh mạng con người. Trong đó, có cả tín ngưỡng trừu tượng gây bao khổ đau cho nhân loại hiện nay.

Tôn giáo là gì?

Theo *Từ điển tiếng Việt* của Minh Tân - Thanh Nghị - Xuân Lam thì:

a) Tôn giáo là hình thái ý thức xã hội gồm những quan niệm dựa trên cơ sở tin và sùng bái những lực lượng siêu tự nhiên, cho rằng có những lực lượng siêu tự nhiên quyết định số phận con người, con người phải phục tùng và tôn thờ. Tôn giáo nảy sinh rất sớm từ trong xã hội nguyên thủy.

b) Là hệ thống những quan niệm tín ngưỡng, một hay những vị thần linh nào đó và những hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái ấy.

Theo Wikipedia định nghĩa Tôn giáo:

Một cách định nghĩa, đôi khi được gọi là "lối theo chức năng", định nghĩa tôn giáo là bất cứ hệ thống tín ngưỡng và

phong tục nào có chức năng đề cập đến những câu hỏi căn bản về đặc tính loài người, đạo đức, sự chết và sự tồn tại của thần thánh (nếu có). Định nghĩa rộng này bao gồm mọi hệ thống tín ngưỡng, kể cả những hệ thống không tin tưởng vào thần thánh nào, những hệ thống đơn thần, những hệ thống đa thần và những hệ thống không đề cập đến vấn đề này vì không có chứng cứ.

Cách định nghĩa thứ hai, đôi khi được gọi là "lối theo hình thể", định nghĩa tôn giáo là bất cứ hệ thống tín ngưỡng nào xác nhận những điều không thể quan sát một cách khoa học được, và chỉ dựa vào chức trách hay kinh nghiệm với thần thánh. Nghĩa này hẹp hơn phân biệt "tôn giáo" với chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa nhân bản thể tục, thuyết vô thần, thuyết

Cần chăng phải có Tôn giáo ?

✍ MINH MÃN



Tôn giáo là những một hệ thống những niềm tin của cá nhân trên tổng thể của mình, cũng với những giảng dạy về giáo lý, nghi lễ, hay các nghi thức. Tuy nhiên, nếu bất kỳ chúng ta với sự phát triển những phẩm chất nhân bản chúng ta như từ ái, từ thiện, khoan dung, bao dung, hòa ái, hay một ý nghĩa của nhân nhân. Những phẩm chất rất đẹp này, là nguồn gốc của hạnh phúc cho gia đình và những người khác, là độc lập với bất cứ tôn giáo nào, bất kể tại sao, chính những lý do này mà nói rằng chúng ta có thể rằng mà không cần tôn giáo, nhưng không thể không có tâm linh.

☞ khách quan và thuyết bất khả tri, vì những hệ thống này không dựa vào chức trách hay kinh nghiệm nhưng dựa vào cách hiểu theo khoa học.

Cách định nghĩa thứ ba, đôi khi được gọi là "lối theo chứng cứ vật chất", định nghĩa tôn giáo là những tín ngưỡng về nhân quả mà Occam's Razor loại trừ vì chúng chấp nhận những nguyên nhân quá phức tạp để giải thích những chứng cứ vật chất. Theo nghĩa này, những hệ thống không phải là tôn giáo là những hệ thống không tin tưởng vào những nguyên nhân phức tạp hơn cần thiết để giải thích những chứng cứ vật chất. Những người theo quan điểm này tự xưng là "bất tôn giáo", nhưng cũng có người tôn giáo nhìn nhận rằng "tín ngưỡng" và "khoa học" là hai cách hoàn

toàn khác nhau để đi đến chân lý. Quan điểm này bị bác bỏ bởi những người xem rằng những giải thích siêu hình là cần thiết để giải thích các hiện tượng tự nhiên một cách căn bản.

Cách định nghĩa thứ tư, đôi khi được gọi là "lối tổ chức", định nghĩa tôn giáo là các hội đoàn, tín ngưỡng, tổ chức, phong tục, và luật đạo đức chính thức của tất cả các tôn giáo chính có tổ chức. Nghĩa này đặt "tôn giáo" vào một vị trí trái ngược với "tinh thần", cho nên không bao gồm những luận điệu của "tinh thần" về việc tiếp xúc, phục vụ, hay tôn thờ thần thánh. Tuy nhiên, trong nghĩa này tôn giáo và tinh thần không cần phải "được cái này mất cái kia": một người sùng đạo có thể có tinh thần hay không tinh thần, và một người có

tinh thần có thể có hay không sùng đạo. Theo tương tự, ta có thể xem "tôn giáo" như là than, củi, hay xăng, và "tinh thần" là ngọn lửa.

Qua những định nghĩa như thế, người ta khó nắm bắt thực chất của tôn giáo là gì. Định nghĩa Tôn giáo theo từ điển tiếng Việt đã dẫn, sẽ tạo sự lập lờ giữa tín ngưỡng nhân gian và tín ngưỡng tôn giáo; ví dụ mục a đã dẫn - không hẳn tôn giáo nào cũng "dựa trên cơ sở tín và sùng bái những lực lượng siêu tự nhiên, cho rằng có những lực lượng siêu tự nhiên quyết định số phận con người, con người phải phục tùng và tôn thờ". Thật ra, nếu bảo đạo Phật là một tôn giáo thì quan điểm trên đây hoàn toàn sai khác.

c) Cũng giải thích thiếu chuẩn xác đối với Phật giáo ☞

☸ và một số trường phái tâm linh bị xem là Tôn giáo: "là hệ thống những quan niệm tín ngưỡng, một hay những vị thần linh nào đó và những hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái ấy".

Đây là cái nhìn của người đứng ngoài Tôn giáo, hoàn toàn không nắm bắt hết tất cả các Tôn giáo đang tồn tại trên tinh cầu này. Trong phạm vi thực tế, một tôn giáo có đủ các yếu tố như: - giáo chủ - kinh điển - giáo lý - giáo đoàn Tăng lữ - nghi lễ - chức sắc hoặc người giúp việc - nội quy - giáo luật - giáo sản - giáo phẩm... nó hoàn toàn khác với tín ngưỡng nhân gian về một đấng siêu hình không được hệ thống hóa, triết lý hóa và tổ chức hóa. Tín ngưỡng nhân gian không có nghi lễ thâm thúy, bài bản, chỉ tế lễ đơn thuần dâng hiến phẩm vật, cầu khẩn tùy nghi. Đối tượng Thần thánh hóa không xuất phát từ một mẫu hình cụ thể; ví dụ Chúa Jesus là biểu tượng của đức Chúa Cha, biểu tượng cho một Thượng đế vĩnh hằng; Đức

Bổn sư Thích Ca Mâu Ni biểu tượng cho một Phật tánh hằng hữu, đại biểu cho Phật tánh của 10 phương chư Phật của ba đời (theo truyền thống Bắc tông). Do tín ngưỡng tự phát, không bị ràng buộc vào bất cứ tiêu chuẩn đạo đức cá nhân, không có tiêu chí hưởng thụ và mục đích tối hậu, không có một tổ chức chặt chẽ, người có tín ngưỡng như thế dễ sống buông thả, phóng dăng theo bản chất bất thiện. Những người có đức tin phổ thông như thế còn tùy tính cá biệt thì những ai không có bất cứ đức tin nào, dễ xem thường nhân quả, hành động tắc trách, thì vấn đề luật pháp thế tục cũng chỉ là rào cản tạm thời và chỉ xử lý khi sự việc đã rồi. Luật thế gian chưa đủ ngăn chặn phạm luật trong tư tưởng. Chính đức tin mù quáng, tạp nhạp, không giúp giải quyết những cơ bản cho hiện thực và tương lai kiếp sống, một số đi quá đà trong mê tín dẫn đến cuồng tín và sai lạc chân-thiện-mỹ, các Thánh nhân ra đời để điều chỉnh hành động, tư tưởng

con người theo hướng thánh thiện, từ đó, bước vào phạm trù tâm linh, vượt thoát sự tướng, giảm thiểu nhiều khổ phức hợp.

Từ chỗ đa Thần, đưa đến nhất Thần giáo rồi vô Thần giáo, đó là tính trạng của nhà Phật và một số trường phái tâm linh lấy con người làm tiêu chuẩn chứ không lấy một tha thể làm đối tượng. Dĩ nhiên, đa Thần hay nhất Thần đều là vong thể, biến con người đánh mất chủ thể và tiêu cực, cầu lụy van xin, vì còn quan niệm có đấng sáng tạo và con vật thụ tạo. Nhị nguyên luôn tồn tại như thế thì luật tương đối vẫn hiện diện, luật bất bình đẳng sẽ đánh mất tính tự do tuyệt đối của một nhân cách. Đó là cách giải quyết triệt để đưa con người thoát vòng kềm tỏa của nghiệp thức, nghĩa là vượt thoát khổ đau.

Từng tầng bậc của tôn giáo giúp con người thoát khỏi áp lực mù quáng về sự sợ hãi và quỵ lụy trước thiên nhiên. Nhất Thần giáo giản lược bớt sự phiền lụy của đa Thần giáo, nhưng chiếc tròng hệ lụy tha lực vẫn tồn tại trong tâm thức của cộng đồng Nhất Thần giáo, để rồi phi Thần tiến đến vô thần giáo (không phải duy vật) sẽ giải thoát con người thật sự những áp lực ngoại biên, tự mình trở về chính thể, tự thăng hoa theo cách giải trừ nghiệp thức. Phi Thần giáo và vô Thần giáo khác với ☸



loại vô Thần luận biến con người là một đơn vị nhất định cho một tổng thể xã hội; đây cũng là một dạng tha hóa, một biến tướng vong thể, trở thành một nô lệ ở một dạng khác với loại nô lệ Đa Thần hay Nhất Thần giáo - con người bị đánh mất chính mình, tự chủ đã không còn.

Ưu thế của Tôn giáo

Dù rằng Đa Thần hay Nhất Thần giáo, vẫn có một quy luật về đạo đức nhân thân tương quan với đạo đức cộng đồng. Lòng tham đã đưa đến tích lũy và lấn lướt cộng đồng, đó là một bất công của kẻ mạnh hiếp yếu, Chúa Giêsu phán dạy các môn đệ rằng:

“Anh em đừng tích trữ cho mình những kho tàng, của cải dưới đất, nơi mối mọt làm hư nát, và kẻ trộm khoét vách lấy đi. Nhưng hãy tích trữ cho mình những kho tàng trên trời, nơi mối mọt không làm hư nát, và kẻ trộm không khoét vách lấy đi. Vì kho tàng của anh ở đâu, thì lòng anh ở đó”.

Đức Phật từng bảo: Tham - Sân - Si là cội gốc vô minh, sanh tử. Bồ thí - trì giới - nhẫn nhục - tinh tấn - thiền định và trí tuệ là nền tảng lục độ tiến đến giải thoát. Ngay trong giao tiếp ứng xử, tứ nhiếp, pháp: Bồ thí - ái ngữ - lợi hành - đồng sự đã là điều kiện căn bản xây dựng tính giao hảo cộng đồng.

Một tổ chức cho dù là tôn giáo hữu Thần, chặt chẽ đến đâu, cũng không thoát khỏi nhị nguyên biên kiến, va vấp luật đối đãi, thì tiêu chuẩn đạo đức từ đó cũng chỉ là tương đối và hạn chế. Ví dụ: quan niệm đạo đức về phá thai, luật Giáo hội La Mã không cho sử dụng bất cứ phương tiện nào để ngừa thai, hoặc phá thai, vì một sinh linh nhập thai đều do ý muốn của Chúa, do Chúa mượn tinh cha huyết mẹ để thụ tạo cho một cuộc sống. Chúa là đấng sáng tạo, nhân sinh là vật thụ tạo thì con người không có quyền ngăn cản, hủy hoại, không đoạt quyền sáng tạo của Thượng đế. Trong khi đó, các tín ngưỡng vô Thần quan niệm do dực vọng, ái nhiễm mà tái sanh. Trong 12 nhân duyên của Phật giáo, có **Ái** mới có **thủ**, có **thủ** mới có **hữu**, có **hữu** mới có **sanh** lão tử. Để đoạn trừ vòng luân quần sanh tử khổ đau, phải diệt **ái**, muốn diệt **ái** phải đoạn **thọ**, muốn diệt **thọ** phải đoạn **xúc**, muốn diệt **xúc** phải đoạn **lục nhập**, muốn diệt **lục nhập** phải đoạn **danh sắc**, muốn diệt **danh sắc** phải đoạn **thức**, muốn diệt **thức**, phải đoạn **hành**, muốn diệt **hành** phải đoạn **vô minh**.

Việc hình thành và phát triển theo luật nhân quả, không tùy thuộc vào lực

lượng siêu nhiên, không tác động bởi lực lượng siêu hình.

Theo Kinh Quá khứ hiện tại nhân quả, Phật dạy:

“Lúc bấy giờ là canh ba, Bồ-tát Thích-ca Mâu-ni quán sát tất cả căn tánh chúng sanh, do nhân duyên gì mà có lão, tử? Bồ-tát biết lão tử do sinh mà có. Nếu dứt bỏ sự sanh thì không có lão tử. Hơn nữa, sự sanh này không phải do trời sinh, không phải tự mình sinh, cũng không phải không duyên cớ gì mà sinh. Tất cả mọi sự mọi vật đều do nhân duyên sinh. Vì có nghiệp của ba cõi, nên các nghiệp trong ba cõi từ đâu sinh ra? Biết rằng nghiệp của ba cõi từ thủ sinh ra, ái từ thọ sinh ra, thọ từ xúc sinh ra, xúc từ lục nhập sinh ra, lục nhập từ danh sắc sinh ra, danh sắc từ thức sinh ra, thức từ hành sinh ra, hành từ vô minh sinh ra.

“Nếu vô minh diệt thì hành diệt, v.v... cho đến lão tử diệt”.

“Quán sát thuận nghịch mười hai chi nhân duyên như thế, canh ba vừa dứt Ngài đã phá được màn vô minh khi sao mai vừa mới mọc. Như Lai chứng đẳng trí tuệ sáng suốt, đoạn tất cả mọi chướng ngại thành Nhất thiết chủng trí”.

Đây là thế giới quan của nhà Phật, thế giới quan được xây dựng trên Thập nhị nhân duyên và Tứ đế. Không có

☞ một nhân nào cố định thì cũng không có một đấng sáng tạo hữu hình nào tác động, không có một chủ thể thì cũng không có một thân thể. Nếu tưởng thức do vô minh sanh khởi gọi là chủ thể sáng tạo thì chủ thể đó vẫn chỉ là mộng tưởng điên đảo.

Chính những mắc mứu như cuộn chỉ rối mà chúng sanh lẫn quẩn mãi trong lục đạo, lẫn quẩn mãi hành động và ý nghĩ mâu thuẫn lẫn nhau, bị lúng túng trong phạm trù phải quấy, đúng sai của nhị nguyên, để rồi bên này đúng thì bên kia sai. Vượt lên trên sự lúng túng mà nhân loại đang đối mặt với nạn nhân mãn, y học chấp nhận phá và ngừa thai như một giải pháp hữu hiệu, nhưng đạo đức Thần học xem đó là vi phạm và tước quyền sáng tạo của Thượng đế. Riêng, với cái nhìn nhân duyên sanh của 12 chi phần, phá thai là một hành động ác, cướp mạng sống đã hình thành, để ngừa hình thành mầm sống ngoài ý muốn thì mọi phương tiện ngăn ngừa khi chưa hình thành đều khả dĩ chấp thuận, có nghĩa cắt đứt mọi duyên sanh thì nhân không thể tồn tại, phát triển, đó là hành động thuận với đạo đức, luận lý và khoa học.

Tình thương tuyệt đối của một tôn giáo dĩ nhiên không có điều kiện và không hạn chế trong một đối tượng. Mọi việc bị ràng buộc trong một

phạm vi đều đưa đến tương phản, mâu thuẫn và lúng túng, chính vì vậy, Đức Đạt Lai Lạt Ma từng dạy: Tôn giáo của tôi rất đơn giản. Tôn giáo của tôi là sự tử tế (My religion is very simple. My religion is kindness).

Chúng ta có thể sống thiếu tôn giáo và thiền định, nhưng chúng ta không thể tồn tại nếu không có tình người (We can live without religion and meditation, but we cannot survive without human affection).

Đã đến lúc cần giáo dục quần chúng ngừng lại các tranh cãi dưới danh nghĩa tôn giáo, văn hóa, quốc gia và các hệ thống chính trị và kinh tế khác nhau. Đấu tranh như thế là vô dụng và tự tử (The time has come to educate people, to cease all quarrels in the name of religion, culture, countries, different political or economic systems. Fighting is useless. Suicide).

“Đây là tôn giáo đơn giản của tôi. Không cần gì tới chùa chiền; không cần gì tới triết lý phức tạp. Trí óc của chúng ta đây, quả tim của chúng ta đây, chính là ngôi chùa, ngôi đền của chúng ta; triết lý chính là lòng từ bi”.

Dưới cái nhìn và lòng từ bi quảng đại như thế, Đức Đạt Lai Lạt Ma không đặt nặng vấn đề tôn giáo mà luôn cổ xúy tình thương đồng loại vô điều kiện. Nhận định và sự hiểu biết bị giam hãm trong

giáo điều của tôn giáo đã tạo sự cách biệt với xã hội, đưa đến nhận thức, hành động nghịch lý với cuộc sống mà mình cứ nghĩ tôn giáo của mình là chân lý.

Trước bao vấn nạn hiện nay của nhân loại đang đi vào bế tắc, người ta tìm đến tôn giáo để giải quyết, nhưng là một tôn giáo bị ràng buộc về một đức tin hữu hình trong một tổ chức được mệnh danh là giáo hội, hay một đối tượng Thần quyền đều không tránh khỏi bế tắc và nghịch lý. Trước vấn nạn như thế, hãy vượt qua mọi tôn giáo khi đã vượt qua những học thuyết luận lý, để đắm mình trong một tình thương vô điều kiện thì mọi sự sẽ sáng tỏ và con đường khai phóng sẽ được mở.

Ngày nay có quá nhiều tôn giáo, chính vì thế có sự cạnh tranh phát triển, chiêu dụ đưa đến bạo lực. Không những ngày nay mà trong quá khứ đã từng xảy ra chiến tranh tôn giáo cũng do chấp thủ mà ra. Đáng ra, với trình độ dân trí ngày nay, con người đối xử với nhau cần tế nhị, hiểu biết và tôn trọng nhau, nhưng tiếc thay, vì nhân danh tôn giáo, con người có tín ngưỡng đã sát phạt nhau không thương tiếc.

Nếu tôn giáo luôn gây sự bất an như thế, thì thà không có tôn giáo còn hơn, hãy đặt lại vấn đề:

Cần chăng phải có một tôn giáo? ■

DZA LỮ KIỀU

Bút danh khác : DZA TRẦM THẢO

: HƯƠNG VĂN

Tên thật : Trần Xuân Thái

Sinh năm : Quý Mùi

Tại : Thừa Thiên - Huế.

Thơ ĐĂNG BÁO : Trước năm 1975 :
Thời Nay, Văn, Chọn lọc, Thứ Tư Tuần
san. Thăm mỹ Chánh Đạo, Tia Sáng....

Sau năm 1975: Các báo Trung ương,
địa phương và hải ngoại.

* IN CHUNG :

- Những bài thơ hay, lạ Việt Nam xưa
và nay

- Tác giả thơ Việt Nam đương đại.

- Thơ hay ba miền

- Gói mây trong áo

- Lời ngắn tình dài

- Trăng sang mùa

- Tứ - ngũ - lục

- Hương thơ

- Văn thơ kỷ niệm

- Thơ tình Cao Nguyên

- Thơ Vô ưu

- Tình Huế với Đồng Nai

- Tác giả Thơ Việt Nam

- Tuyển tập Thơ Tứ tuyệt Vô ưu.

- Thơ Việt đương đại.

* GIẢI THƯỞNG : Giải nhì Thơ
HAI KU lần 2 năm 2009. (Tổng Lãnh
sự Nhật, Báo Tuổi trẻ, Đại học...)

* IN RIÊNG :

- Giọt Huế mưa (NXB Hội Nhà Văn)

- Giọt Mất đắng (NXB Văn Nghệ)

- Giọt Sương khuya (NXB Hội Nhà
Văn)

- Giọt Nắng phai (NXB Hội Nhà Văn)

DZA LỮ KIỀU...

Một cõi riêng tư

LÊ SA ĐÀ



Con sông Bồ ở Thừa Thiên - Huế rứa mà có
duyên chi lạ!

Đã sinh ra được một đấng mẫu nghi thiên hạ là
Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu (vợ của Vua Gia Long,
mẹ của Minh Mệnh), mà còn có hai Đại tướng lừng
danh trong sử Việt thời kỳ chống Pháp là Nguyễn Tri
Phương và Nguyễn Chí Thanh. Ngoài ra, riêng vùng
đất Văn Xá, gần đây có một nhân sĩ trí thức, tài đức vẹn
toàn mà con dân xứ Huế ai ai cũng kính phục, yêu quý là
Bác sĩ Lê Khắc Quyến. Và bây giờ, cái vùng đất địa
linh ấy, về văn nhân lại có thêm nhà văn Dương Đức
Khánh, làng Thanh Lương em vợ Dza Lữ Kiều, nhà
văn Võ Nguyên (vừa mất) cháu DLK - Và nhà thơ
Dza Lữ Kiều - Tục danh Trần Xuân Thái.

Dza, tuổi Quý Mùi (1943), cái tuổi đào hoa nhưng
không hề lụy; chỉ một chút lãng đãng khói sương qua
thi ca cho thấm tình cuộc sống, cho hương vị cuộc đời.

Đời thường, Dza vẫn rất nghiêm túc, vẫn giữ được
cái "Bất du củ" của mình.

Tôi quen Dza, dễ chừng ngoài 40 năm trước 1975,
chúng tôi là thi hữu còn bây giờ là đạo hữu.

Dza làm thơ rất sớm, đầu thập niên 1960, đã có
mặt trên các thi đàn ở miền Nam. Bằng đi khoảng

☞ một thời gian mai danh ẩn tích gần 25 năm, vật lộn với cơm áo gạo tiền để nuôi dạy 6 tác phẩm bằng da bằng thịt của mình trưởng thành! Hơn 10 năm nay, Dạ mới góp mặt trở lại. Với sự ra đời của 4 tập thơ, cùng hàng trăm bài viết trên mạng, các diễn đàn... và báo chí trong và ngoài nước.

Nói về thi ca của Dạ, có nhiều anh em, bạn bè đã đề cập đến như Tâm Nhiên, Tiến Thảo, Nhất Vương, Phan Trà và gần đây là Như Hoài... trên các báo, trên Facebook... được các nhạc sĩ phổ nhạc như Đỗ Thu, Uy Thi Ca, Hằng Vang, Nguyễn Phương, Trần Thế Vũ...

Mọi sự khen chê, hay dở tùy thế nhân luận bàn, tùy cảm vị của từng người.

Riêng tôi, chỉ xin ghi lại một chút riêng tư của Dạ, **MỘT CÔI ĐỜI THƯỜNG** một “hậu trường” sinh động của nhà thơ, cái “phần chìm của tảng băng”, để hình thành một nhân cách thi ca của Dạ”.

Một thoáng mệnh mông, xin cảm nhận rằng:

1- Dạ là người ăn nói nhỏ nhẹ thâm trầm trong giao tiếp (và chắc chắn là không ba hoa chích chòe, dù khi có được một giải thưởng khá danh dự về thi ca do nước ngoài tổ chức). Và, trong những lúc giao lưu, Dạ cũng hay “mu khốc” như nhà thơ “Trời đánh ba búa không chết” Kiều Trung Phương (chữ tự nói của lão thi sĩ).

Với bạn bè, dù thân hay sơ, Dạ chưa mất lòng với ai đến nỗi “không đội chung trời”. Đành rằng, trong những lúc sinh hoạt, cũng có những va chạm, nhưng với tâm tính hay

nhường nhịn, khoan dung, đôn hậu, thật thà... mọi sự rồi cũng qua êm đẹp.

Riêng với anh em văn nghệ sĩ từ xa đến, vợ chồng Dạ đều tiếp đón ân cần, chu đáo. Chả thế mà chúng tôi hay gọi đùa nhà của anh chị là “Cố hồn quán” (quán của những tâm hồn cô đơn). Tiện đây, xin bật mí thêm một chút nhé, là năm ngoái, một chi nhánh của quán là “U tình cốc” vừa được dựng lên, do thầy cô Hiệu trưởng già Hoài Nguyễn và Kim Liên ẩn thân tu luyện... tại một mảnh đất nhỏ bên bờ con suối Hương ở Hòa Phú. Ai có duyên ắt hẳn “cốc trưởng” trân trọng đón tiếp...

Với công việc, nhất là Phật sự, Dạ cực cung tận tụy. Mười tám (18) năm cùng *Vô Ưu* của Giáo hội Đắc Lắc. Dạ cũng như các anh em trong Ban Biên soạn khác, không nhận một đồng tiền tài thù lao, ngoài mấy tấm bằng tán dương công đức.

2- Điều thứ hai mà tôi xin đề cập đến là “cái hậu phương” vững chắc của Dạ: Chị Diệu Linh, vợ của anh Trần Xuân Thái đã góp một phần không nhỏ để hình thành nhà thơ Dạ Lữ Kiều của chúng ta.

Ngoài các con ra, chị Diệu Linh luôn luôn động viên chồng trong sáng tác. Có lần, tôi nói đùa với chị về các độc giả nữ hâm mộ Dạ, chị “phớt tỉnh Ầng lê” - “Kệ, ai ưa chồng mình là mình hãnh diện chứ!” - Không phải là “Ốt chĩa vôi” xứ Huế “không cay” - Mà, tin chồng, tin ở tấm lòng chung thủy sắt son, từ cái thuở... ban đầu của Dạ. Là người có trình độ học vấn không cao lắm nhưng chị Diệu Linh rất yêu văn học, nhất là thi ca. Chị trân trọng từng tác phẩm của chồng! Gia đình cũng không phải giàu có gì,

chị dành dụm lại, cứ hai, ba năm xuất bản cho Dạ một tập thơ, trị giá trên dưới 15 triệu đồng, một con số không nhỏ của hai vợ chồng già, thu hoạch kinh tế kém cỏi và bấp bênh. Và cứ mỗi lần in, hầu hết để biếu bạn bè. Hơn thế nữa, chị còn bỏ tiền ra, mời tất cả bằng hữu của Dạ, từ bốn phương về tham dự lễ ra mắt tập thơ. “Kệ, làm cho ảnh vui là được, chết không mang theo cái gì; sau này, còn có người nhắc ảnh nữa chứ!” - Đó là lời tâm sự của chị mà chúng tôi được nghe, không phải một lần mà nhiều lần!

Ôi! Một người đàn bà bình thường, ngoài tình yêu thương chồng con chị còn yêu văn thơ... Bỗng dưng, tôi nghĩ đến câu chuyện của một danh nhân Trung Quốc: “Người bạn hơn 10 năm mới gặp lại. Bèn vào nhà hỏi vợ: Bà có được như vợ Tô Đông Pha không? Người vợ chẳng nói chẳng rằng, lặng lẽ rút trâm vàng, bán đi, chiêu đãi bạn của chồng được mấy ngày”.

Và, viết đến đây, tôi mỉm cười tự hỏi: “Sau này, có nhà thơ nào, muốn in thơ... có can đảm nói với vợ rằng: “Mẹ mi có được như vợ nhà thơ DLK không...? - Cũng hay lắm chứ?...”

*

Dạ Lữ Kiều... Một côi riêng tư, được viết lên như một ân - tình - tri - kỷ.

Rồi, gió cũng cuốn đi....

Và sự đồng vọng hòa âm, như sự giao lưu giữa hai dòng Bồ Giang và Hương Giang ở “Ngã Ba Sinh” mệnh mông, vào một đêm trăng vàng vạc sáng, khi tiếng sáo ru tình của ai kia hơn 50 năm về trước, từ bến Đợi vọng về! ■

Đón mừng và cúng dường ngày Đức Phật Đản Sinh

MANG VIÊN LONG

Trước ngày Đại lễ Vesak PL.2559 Vườn hoa tâm Vô Ưu nhận được khá nhiều cánh hoa thơ gửi về để đón mừng và cúng dường ngày Đức Phật đản sinh.

Theo Tam tạng Kinh điển của Phật giáo, ngày trăng tròn tháng Tư âm lịch là ngày lịch sử, kỷ niệm một lúc 3 sự kiện: Bồ tát Đản sanh, Bồ tát Thành đạo và Đức Phật nhập Niết bàn. Ba sự kiện trọng đại, tuy khoảng cách thời gian khác nhau nhưng xảy ra đều trùng hợp vào đêm Rằm tháng Tư, đúng theo ý nguyện của Đức Phật Gotama. Cho nên, tất cả mọi người Phật tử từ những bậc xuất gia đến các hàng cư sĩ tại gia trên toàn thế giới, đều lấy đêm Rằm tháng Tư, làm ngày lễ cúng dường Đức Phật, gọi là Đại lễ Tam hợp (Vesākha-pūjā). Đón nhận những đóa hoa tâm nở sớm từ nhiều phương trời gửi về, “Người giữ vườn” thật vô cùng hân hoan, hạnh phúc! Dường như mỗi cánh hoa tâm ấy, là một lời nhắc nhở, một sự động viên, sẽ

chia quý báu cho niềm vui chung của mọi Phật tử chúng ta...

Nhà thơ Phạm Văn Phương đã trải lòng cùng ánh trăng tiếng chuông trong đêm Rằm tháng Tư không bao giờ quên này, tràn đầy xúc cảm thân thương:

*“Bướm bay trắng rợp vườn chiều
Mênh mang kinh kệ bao mùa thương yêu
Tôi cùng thơ dại về theo
Tiếng chuông đồng vọng bóng chiều
ngân nga”.*

(Trăng tháng Tư)

Với ánh trăng tháng Tư nhiệm mầu ấy, nhà thơ Nguyễn An Đình đã tưởng nhớ đến hình bóng người Mẹ hiền đã khuất, thật sâu sắc:

*“Đồng ruộng xanh tươi tốt
Ấp yêu cả đời con
Mẹ già gom lá đốt
Khói lung linh trăng tròn*

☸ *Mây trời lang thang mãi
Mẹ cầu niệm tiếng lòng
Cho nỗi buồn chững lại
Đêm trăng Rằm sáng trong”.*

(Trăng rằm)

Nhà thơ Hạnh Phương với “*Nam mô Đức Bụt*” đã bày tỏ tấm lòng tôn kính và biết ơn đối với Phật trong ngày Đản sinh, tha thiết:

*“Đản sinh Bụt hiện dáng người
Môi hồng hoa Bụt mỉm cười bình an
(...) Ngón tay Bụt trở đất trời
Độc tôn duy ngã rạng ngời tánh linh
Bụt về cứu độ chúng sinh
Nhân gian nường Bụt đăng trình cõi hoa...”*

Trong mùa Phật đản, Trường Khánh ghi lại một hình ảnh rất thơ, mà cũng rất ngát tình đạo vị:

*“Sáng nay bé theo mẹ
Đi trong nắng sớm vàng
Áo bà lam màu khói
Rạng rỡ trời nhật khoan
(...) Bé một mình lễ Phật
Trước chánh điện uy linh
Ôi Đạo Vàng lễ thật
Soi chiếu khắp hữu tình (...)*

Cát Khuê với “*Ánh Trăng Vesak*” bằng tấm lòng kính ngưỡng, tri ân chí thành:

*“Trăng tròn Vesak tháng Tư
Sáng trong kỳ diệu an cư xóm làng
Xua màn đêm tối thế gian
Soi đường chân lý mấy ngàn năm qua
Đêm nay ngắm ánh trăng ngà
Mái chùa cổ kính la đà bóng cau
Thương đời bao cảnh khổ đau
Phật về cứu độ nhiệm mầu yêu thương!”*

Duy Khương với bài thơ “*Trăng tháng Tư*” chỉ với bốn câu 5 chữ, nhưng rất sâu sắc, dạt dào cảm xúc thương yêu:

*“Trải nắng, ủ lòng sương
Chờ Trăng cùng tỏa sáng
Gửi qua đời thoáng hương
Trước, sau - tình man mác!”*

Trong khung cảnh thân yêu rộn rã niềm hân hoan đón mừng ngày Phật hiện, Vy Tiếu đã ghi lại:

*“(...) Từng giọt chuông rơi thánh thoát
Ngân nga nguồn sáng đạo tình
Lòng rộn niềm vui bát ngát
Phật về, mát dịu quần sinh (...)*
Tâm Không - Vĩnh Hữu với “*Chuông Vọng*”:
*“(...) Ngân lên khuya sớm trưa chiều
Tiếng chuông đồng vọng nghe đều ngày qua
Chuông chùa nào vọng hồn ta
Chuông tâm ta vọng ngân nga gọi người...”*

Trong bài “*Tịnh Lạc Chơn Thường*” Nhà thơ Trần Quê Hương “*Kính tường niệm Giác linh HT. Giác Dũng*” tràn đầy cảm xúc thương nhớ, kính ngưỡng thâm tình, dài 26 câu - VHT xin được phép trích, chia sẻ hai đoạn nhân ngày Đại lễ Vesak, như thấp thêm nén tâm hương dâng Người:

*“Dòng thời gian thấm thoát trôi
Nhớ người xưa - dạ bồi hồi vấn vương
Buôn Mê Thuật buổi mờ sương
Bóng y vàng dẫm mây buồn chiều xuân.*

*“(...) Thân này như hạt mưa thu
Tam thiên trường mộng đồng dao nẻo về
Một giờ lai khứ Bồ đề
Tịnh không như thị đường quê Niết bàn
Nam mô cực lạc sen vàng
A Di Đà Phật rõ ràng Tây phương!”*

Trong ánh áng soi đường dẫn dắt của Đạo mẫu, người Phật tử thuần thành luôn luôn ghi nhớ, thực hành - để đem lại cho chính mình và tất cả niềm an lạc, hạnh phúc... Đó là phẩm vật cúng dường chư Phật cao quý và cần thiết nhất. Diệu Đức - Duy Hiền trong bài thất ngôn bát cú “*Thường Hành*” đã chân tình chia sẻ:

*“Niệm Phật, làm lành - hằng thiết tha
Cầu mong quốc thái, đẹp quê nhà
Từ bi gieo cấy xây nhân đức
Trí huệ vun trồng phá ác ma
Dũng cảm đương đầu sa ngã chấp*

☸

Định thiền giới luật giữa ta bà
Cao siêu Bát chánh xin tu tập
Ấn hưởng duyên lành Đạo Thích Ca”
Phan Thành Lanh với “Vọng Đản Sanh”
âm vang dội với, nhiệm mầu:

“Trăng về
trở giấc tháng Tư
Vườn tâm
rực đóa sen từ
triêm ân
Hồng chung điểm tiếng
trong ngần
Lay hồn tứ chúng
đón mừng rằm thiêng...”

Với bốn câu lục bát êm nhẹ, chơn phác,
nhiều xúc cảm - Khang Thi đã chia sẻ niềm
hân hoan khi “Kính Mừng Đản Sanh”:

“Hạ về nở đóa sen tươi
Hương Ưu Đàm trải khắp mười phương hoa
Mùa về ngát cõi ta bà
Vầng nguyệt thiện, tỏa bao la ánh vàng!”

Với bốn câu ngũ ngôn đơn sơ, mà nặng
tình - Bùi Văn Thọ đã bày tỏ trong “Mùa
Phật Đản An Lành”:

“Trống, chuông chùa ngân vang
Nghỉ ngút khói trầm nhang
Đón mừng ngày Phật đản
Mênh mang ánh Đạo vàng”.

Trong niềm vui chung ngày Đức Thế Tôn
đản sinh, Quảng Tâm Năng trong “Ngọn Đèn
Khai Tỏa” đã cảm khái, nhớ về:

“Vầng dương dậy hừng đông
Xứ Ấn Độ xa trông
Hai ngàn năm trăm năm trước
Hào quang rực ánh hồng.

Bậc Chánh đẳng đã về
Đấng Chánh giác Như Lai
Là Thế Tôn Từ phụ
Đạo Giải thoát mở khai”.

Hoàng Hạ Miên trong “Bồ Đề Tỏa Bóng”
- thành tâm kính dâng ngày Phật thị hiện; đã
bày tỏ nghĩa tình rất sâu nặng:

“Tâm thành dâng khắp mười phương
Ngày Phật thị hiện - Pháp Vương nhiệm mầu
Trần gian thấm đẫm ơn sâu
Bồ đề tỏa bóng - ngàn sau mãi còn...”

“Thơ Dâng Ngày Vàng” của Quảng
Huyền tạm khép lại trang thơ Vườn Hoa Tâm
Đón mừng và Cúng dường ngày Phật đản
sinh trong niềm hoan hỷ, tri ân của tất cả:

“Tận nơi miền xa ngái
Con chấp tay nguyện cầu
Tâm thành dâng kính lễ
Bằng lời nguyện xưa sau!”

Người giữ vườn chân thành kính chúc quý
Bạn Đạo và Bạn Văn cùng toàn gia quyến -
một mùa Phật đản an lành và hạnh phúc! ■

Lắng nghe hơi thở

Giữa vòng sanh tử, tử sanh
Trắng đen muôn mặt long lanh trên đời
Giữa cơn sống chết ngàn lời
Thiên thu mộng ảo gọi mời hồn ai
Rồi thì vô tận kiếp lai
Mật mờ hương sắc, sắc hương ta bà
Buông trôi một thuở ngọc nga
Thôi luôn cả chút thịt thà xương khô
Chỉ cần một niệm bày phở
Vũ trụ lộng lẫy khôi ngô huy hoàng.

(Nhân thăm Bảo tàng San Francisco)

● TT. THÍCH TỪ NGHIỆM



► PHẬT GIÁO VỚI MÔI TRƯỜNG

Những năm gần đây sáng nắng chiều mưa... thời tiết thay đổi bất thường. Thiên tai động đất, sóng thần, bão lũ, hạn hán, sa mạc hóa... ngày càng tăng về tần suất lẫn cường độ gây hậu quả trầm trọng cho con người và muôn loài. Bao công trình thế kỷ bị chôn vùi vào lòng đất, đáy biển, nhiều thành phố trong chốc lát biến thành tro bụi; bao nhiêu người chết, mất mát tài sản, nhà cửa, hàng ngàn hàng triệu người bỗng trở nên trắng tay. Người ta kêu trời than đất... nhưng khoa học bảo là không phải trời đất nào cả mà do một lượng khí Carbonic (CO_2) thải vào bầu khí quyển làm tầng Ozone mỏng dần không ngăn được bức nhiệt mặt trời, và sức nóng xuyên qua khí quyển nung nóng trái đất làm cho khí hậu toàn cầu bị biến đổi; gọi là

hiệu ứng nhà kính hay hiện tượng ấm lên của trái đất.

1. Biến đổi khí hậu nguyên nhân và hệ quả

Ngày nay ngay cả trẻ em mẫu giáo cũng được giáo dục để biết thiên nhiên có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống con người và muôn loài. Cây xanh là lá phổi của thiên nhiên nhằm lọc không khí, điều hòa nhiệt độ, ngăn lũ lụt. Sông biển, ao hồ, đầm phá... lưu giữ nước mưa, nước lũ làm khí hậu mát mẻ. Và núi rừng, cây cối, đất đá là bức bình phong ngăn lũ lụt, che chắn gió bão; khe suối điều tiết dòng chảy. Do đó, từ ngàn xưa yếu tố phong thủy được ông bà ta coi trọng khi chọn định cư xây dựng thôn xóm làng mạc thành phố, kiến tạo công trình cung điện, đền đài, lăng tẩm... luôn thể hiện sự tôn trọng thiên nhiên. Nhu cầu tiêu dùng vật chất

của con người ngày càng cao kéo theo hoạt động sản xuất không ngừng gia tăng, đòi hỏi khai thác nguyên liệu gỗ, đất, cát, đá... dẫn đến phá rừng, đào núi, lấp sông, lấn biển; tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt. Đồng thời khí, rác, nước thải công nghiệp đổ vào đất, nước, không khí làm môi trường bị ô nhiễm gây thiên tai dịch bệnh cho con người và các loài vật sống trong nước, tôm cá bị chết, cây cỏ hai bên bờ khô héo! Sông suối và đồi núi lên tiếng kêu cứu. Mặt khác nhiệt độ trái đất tăng nên những khối băng ở Bắc và Nam cực tan nhanh làm mực nước biển dâng cao gây cho nhiều vùng đất bị chìm dưới nước biển, con người và nhiều loài vật mất dần đất sống. Cuốn tiểu thuyết "Linh Sơn" của Cao Hành Kiện người Trung Quốc được giải

Đạo Phật với biến đổi khí hậu

✎ VÕ VĂN LÂN

🌀 thưởng Nobel văn học năm 2000 để cập công trình thủy điện Tam Hiệp nuốt chửng một khối đá khổng lồ dọc hai bên bờ sông Trường Giang đã gây hậu quả nghiêm trọng cho môi trường địa chất. Ông gọi công trình này là “dự án hoang đường” và rằng “Xây một con đập đã phá hủy cân bằng sinh thái lưu vực sông Trường Giang; nếu không may khe nứt ấy gây ra trận động đất thì hàng trăm triệu người dân sống ở hạ lưu, trung lưu con sông sẽ hóa thành rùa”. Và sự thật đã ấn chứng cho tiên đoán này. Năm 2008 khi ngọn đuốc Olympic đang chuyển đi khắp nơi trên thế giới thì phải dừng lại để tập trung sức vào hoạt động cứu nạn khẩn cấp khi xảy ra trận động đất kinh hoàng đến 7,9 độ Richter ở tỉnh Tứ Xuyên làm khoảng 90 ngàn người chết và bị thương.

II. Nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu

Nhiều năm qua nhiều tổ chức bảo vệ môi trường đã đề ra biện pháp bảo vệ thiên nhiên sinh thái, kêu gọi hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên, giảm khí thải và chất độc hại vào môi trường, chấm dứt các hoạt động lấp sông, lấn biển, phá rừng, khai khoáng và dầu khí... Kêu gọi các quốc gia có kế hoạch hợp lí trong xây dựng nhà máy, khu công nghiệp, nhà máy thủy điện... Các Hội đoàn quốc tế bảo vệ động thực vật hoang dã đã có nhiều nỗ lực chống việc khai thác thú rừng và các loài thủy sản quý hiếm có nguy cơ diệt chủng trước sự săn bắt của con người. Tổ chức IPCC (gọi tắt của liên chính phủ về biến đổi khí hậu) đã đưa ra lời kêu gọi các nước phát triển giảm thiểu lượng khí thải làm ô nhiễm môi trường từ hoạt động công

ngiệp sản xuất hàng hóa, chế biến thực phẩm, nuôi và giết mổ gia súc gia cầm... Nhiều hội nghị quốc tế thảo luận bàn biện pháp giảm nhẹ lượng khí thải công nghiệp; Nghị định thư Kyoto thể hiện nỗ lực của các quốc gia, nhằm cứu trái đất đang bị đe dọa nhưng đến nay vẫn chưa đạt kết quả. Bởi mâu thuẫn nảy sinh là các nước nắm quyền quyết định là quốc gia giàu mạnh có nền công nghiệp phát triển có lượng khí thải cao tìm cách tránh né qui định mức độ và thời hạn giảm lượng khí thải. Có nghĩa là một giải pháp toàn cầu còn phải chờ... và số phận trái đất đang lơ lửng trên bờ vực thẳm! Trước áp lực từ các tổ chức bảo vệ môi trường và các quốc gia mới phát triển, một giải pháp hòa hoãn được các quốc gia có công nghệ tiên tiến đề ra là hô hào cùng phát triển kinh



kinh tế, cạnh tranh sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ; và trong khi chờ đợi một thỏa thuận chung thì các nước phát triển chuyển giao công nghệ, nhà máy sản xuất sang các nước mới phát triển để họ gia tăng sản xuất phát triển kinh tế có nghĩa là nhận lãnh khí, rác thải... đồng thời gánh chịu thiên tai, dịch bệnh... Bù lại được nhận khoản tiền viện trợ dưới hình thức đầu tư ODA (Official Development Assistant) từ các nước phát triển để xây dựng đường sá, cầu cống phục vụ hoạt động sản xuất công nghiệp... Và lợi nhuận nhà đầu tư ngoài nước chuyển về nước giàu càng giàu thêm. Như thế liệu biến đổi khí hậu đã được giải quyết hay hệ quả của nó vẫn là vấn đề nóng chưa có hồi kết chừng nào con người còn tham lam, đề cao tiêu dùng hưởng thụ vật chất dẫn đến thúc đẩy phát triển kinh tế, cạnh tranh sản xuất kéo theo ô nhiễm môi trường, tài nguyên thiên nhiên bị khai thác cạn kiệt gây biến đổi khí hậu. Và thiên tai bão lũ, hạn hán,

động đất, sóng thần... người dân các nước nghèo trực tiếp gánh chịu hậu quả!

III. Đức Phật, nhà hoạt động bảo vệ môi trường

Thời Đức Phật tại thế biến đổi khí hậu chưa là vấn đề được đặt ra; tuy nhiên lời Đức Phật dạy, nhất là cuộc đời Ngài là bài học vô cùng sinh động trong ứng phó với biến đổi khí hậu đáng cho ngày nay suy ngẫm. Thật vậy, từ lúc sinh ra cho đến nhập Niết bàn cuộc đời Đức Phật luôn diễn ra giữa thiên nhiên, trong rừng với trăng sao cây cỏ bầu bạn với muôn thú. Sau khi thành đạo, Đức Phật rông rã 49 năm đầu đội trời chân đạp đất ngày ngày cùng đệ tử đi hoằng hóa độ sinh khắp đất nước Ấn Độ rộng lớn; Ngài sống đạm bạc ngày chỉ ăn một bữa những gì đàn na tín thí cúng dường. Ngài dạy đệ tử tôn trọng thiên nhiên cả cọng cây ngọn cỏ, viên sỏi, hạt bụi đến con vi trùng và tập trung an cư vào mùa mưa để tăng đoàn không đi hành khất để tránh giẫm đạp côn trùng. Đức Phật với phát hiện quy luật tương tức “Cái nầy có do cái

kia có; cái nầy sinh do cái kia sinh; cái nầy diệt do cái kia diệt...” nói lên mối quan hệ giữa mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ nương vào nhau để hình thành và tồn tại. Qua đó, trăng sao, mây nước là yếu tố (duyên) dự phần trong mỗi sự vật, hiện tượng lớn nhỏ; trái lại, thiên nhiên cỏ cây đất giữ vai trò không thể thiếu trong cuộc sống và sinh hoạt con người và muôn loài. Lời Đức Phật dạy và cuộc đời Ngài là bản hùng ca ca ngợi thiên nhiên; lòng từ bi rộng lớn và thái độ bình đẳng của Ngài đối với muôn loài chúng sinh là bài học vô giá về tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên.

Biến đổi khí hậu ngày càng tăng dẫn đến thiên tai bão lũ, hạn hán, động đất, sóng thần và sa mạc hóa... gây thiệt hại nặng nề về người và của cho con người và muôn loài, đe dọa sự tồn vong của trái đất. Trong khi chờ đợi một giải pháp có tính toàn cầu, nhằm giảm tác động của biến đổi khí hậu hầu cứu trái đất trước đe dọa diệt vong là vấn nạn đang đặt ra cho lãnh đạo các quốc gia trên thế giới - chưa biết bao giờ đạt được - thì thực hành 5 giới theo lời Phật dạy là giải pháp cấp bách và thiết thực mà người Phật tử hay bất cứ ai cũng làm được. Bằng nếp sống thiểu dục tri túc, tiêu dùng hợp lý và bền vững là giải pháp thiết thực và hiệu quả khả dĩ giảm thiểu thiên tai và hậu quả của nó! ■



T
rời đất sáng tối nối tiếp xoay vần không thay đổi. Lòng người từ bao vạn đời nay vẫn chất chứa những nỗi buồn đau vì lo sợ, hận thù, ganh ghét đang xảy ra hàng ngày trong cuộc sống chúng ta.

Làm thế nào để giảm bớt những nỗi đau thương này? Chỉ có Phật giáo, vâng chỉ có Phật giáo mới thực sự đem lại sự hòa hợp, lòng từ bi và xây dựng hòa bình cho nhân loại mà thôi.

Nhưng trước tiên ta hãy tìm hiểu những nguyên nhân gây ra đau khổ:

Nguyên nhân của đau khổ và rối loạn không ở đâu khác hơn là ở giữa lòng người. Một điều nghịch lý là chúng ta ai cũng mong muốn được sống yên ổn, nhưng

Từ bi và hòa bình

XUÂN TRÀ

không ai được yên ổn cả! Nước nào cũng mong muốn được hòa bình, thế mà lúc nào cũng chuẩn bị cho chiến tranh và đôi khi bị tố cáo là có ý gây hấn!

Loài người chưa có thể gọi là văn minh được, vì con người chưa biết quý trọng sự sống. Lòng người còn độc ác nên không thương mến sự sống, còn thích giết chóc và nhiều khi lấy làm thích thú

được sát hại, được dịp làm đau đớn cuộc sống. Đó chính là thiếu lòng từ bi, một tố chất rất quan trọng trong đời sống con người.

Nguyên nhân thứ hai của đau khổ là sự tham lam. Chúng ta tham lam nhiều thứ: tham danh, tham lợi, tham sắc, tham tài. Trong cuộc sống hiện tại, quyền lợi ám ảnh con người một cách khủng khiếp. Trong phạm vi

cá nhân với nhau họ dùng mưu mô để lường gạt chiếm đoạt tài sản, địa vị, quyền lợi của nhau. Trong phạm vi quốc tế, nước mạnh tìm cách khuynh loát nước yếu... Với mục đích cuối cùng là làm sao cho các nước khác phải nhượng cho mình một số quyền lợi, ưu thế.

Một biến tướng của lòng tham là sự lường gạt, gian dối. Sự tham lam để ra không



Ảnh: Thích Huyền Giác

☸ biết bao nhiêu là tánh xấu. Đối trá làm mất lòng tin. Đức Khổng Tử dạy rất đúng “Nhân vô tín bất lập”.

Một nguyên nhân khác còn quan trọng hơn, đó là sự “si mê và ngu dốt”.

Người tàn ác, tham lam, giết người cướp của đam mê sắc dục, lừa đảo dối gạt cũng vì ngu si, không nhận rõ được hậu quả tai hại và hành động tội lỗi của mình, cho nên Đức Phật thường dạy: “Ngu si là gốc của muôn tội lỗi”.

Diệt trừ được những nguyên nhân trên, chắc chắn cuộc đời sẽ bớt khổ đau và bớt loạn lạc nhiều lắm. Nhưng chúng ta phải công nhận rằng diệt trừ tận gốc các nguyên nhân trên không phải là dễ, vì chúng đã ăn sâu gốc rễ, trong lòng người từ muôn vạn kiếp rồi. Nếu chưa có thể diệt trừ tận gốc chúng, thì ít ra chúng ta cũng phải có phương pháp để chặn đứng, không cho bành trướng ra nữa.

Đứng trước vấn đề trọng đại trên, Đạo Phật đã giải quyết như thế nào?

Để ngăn chặn những tâm bệnh nói trên, Đạo Phật gọi là “giới” hay những điều ngăn cấm.

Sau đây là năm yếu tố xây dựng hòa bình của Phật giáo:

1. Để đối trị lòng độc ác, Đức Phật dạy ngăn cấm đệ tử không được giết hại.

Nếu đứng về phương diện xã hội mà xét, chúng ta sẽ thấy nếu nhân loại áp dụng được lời răn dạy này của Đức Phật thì cõi đời này sẽ vơi đi biết bao là máu đào, lệ nóng. Sẽ dập tắt được bao nhiêu ngọn lửa căm thù đang nung nấu trong lòng người. Thật đúng như Tổ xưa đã dạy:

Nhất thiết chúng sinh vô sát nghiệp.

Thập phương hà xứ động đao binh.

Gia gia, hộ hộ, đồng tu thiện.

Thiên hạ hà sầu bất thái bình.

Nghĩa là:

Hết thấy chúng sanh không nghiệp giết.

Mười phương nào có nổi đao binh.

Mỗi nhà, mỗi chốn đều tu thiện.

Lo gì thiên hạ chẳng thái bình.

2. Phương thuốc thứ hai, Đức Phật dạy trừ tham lợi:

Lấy của người một cách phi nghĩa, Đức Phật gọi là trộm cướp cả, và ngăn cấm đệ tử Ngài không được phạm đến.

Lời răn dạy này dựa trên tinh thần từ bi và công bằng. Một xã hội không có trộm cướp, bóc lột nhau, mới có thể gọi là xã hội văn minh được.

3. Phương thuốc thứ ba, Đức Phật dạy ngăn ngừa bệnh tham sắc:

Sự ngăn cấm sắc dục, nhằm mục đích giữ gìn hạnh phúc cho cá nhân và gia đình. Phật dạy: “Người ôm lòng ái dục cũng như kẻ cầm đuốc đi ngược chiều gió, quyết bị nạn cháy tay” (kinh Tứ Thập Nhị Chương). Về ☸





☞ phương diện đoàn thể, một xã hội gồm những phần tử đoan chánh, không đam mê sắc dục thì luân thường đạo lý, những cảnh thù hiềm chém giết sẽ không xảy ra. Vợ chồng con cái sẽ sống hòa thuận, an vui trong gia đình, bạn bè trọn niềm chung thủy.

4. Phương thuốc thứ tư, Đức Phật dạy ngăn ngừa sự dối trá.

Dối trá có 4 hình thức: Nói dối, nói thêu dệt, nói lừa hai chiều và nói lời hung ác. Đức Phật đã nhận thấy rõ cái tâm phá hoại lớn lao của dối trá, nên Ngài đã ngăn cấm không cho đệ tử của Ngài sử dụng cái khí giới tai hại này.

5. Phương thuốc thứ năm, Đức Phật dạy ngăn ngừa bệnh si mê cuồng loạn là không dùng các chất gây nghiện.

Muốn trừ tuyệt si mê, cần phải tu học nhiều hơn nữa. Trong các thức uống làm rối loạn trí óc, rượu và ma túy là thứ nguy hiểm nhất. Về phương diện xã hội, một gia đình không có rượu chè, thì gia đình được an vui, con cái ít bệnh tật. Một xã hội không có người nghiện rượu, ma túy thì xã hội ấy được hòa bình nòi giống hùng cường.

Năm phương thuốc trên đây chính là năm điều răn dạy của Đức Phật đối với hàng phật tử tại gia “ngũ giới” không có gì cao

siêu cả, nó rất thực tế trong đời thường có thể áp dụng cho tất cả mọi người, mọi tầng lớp, mọi dân tộc.

- Không sát sinh là **Nhân**.
- Không trộm cướp là **Nghĩa**.
- Không tà dâm là **Lễ**.
- Không uống rượu là **Trí**.
- Không nói dối là **Tín**.

(Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là ngũ thường trong đạo Nho)

+ Thiết lập sự hài hòa.

Sự hài hòa và tình huynh đệ mà chúng ta cần có trong gia đình, quốc gia và thế giới chỉ có

thể đạt được bằng tình thương và lòng lân mẫn. Bằng sự giúp đỡ lẫn nhau, với sự quan tâm và lòng tôn trọng, chúng ta có thể giải quyết được nhiều vấn đề một cách dễ dàng. Sự hài hòa không thể phát triển trong sự cạnh tranh, nghi ngờ, gian dối. Hai thảm kịch lớn nhất của loài người là thế giới chiến tranh lần thứ nhất và thứ hai xảy ra, hàng triệu người thương vong, chưa kể các cuộc nội chiến hay chiến tranh khu vực vẫn tiếp diễn gây khổ đau, mất mát ly tán cho hàng triệu triệu gia đình. Tất cả cũng chỉ vì tham lam, hận thù, si mê do con người gây ra.

Đạo Phật có nhiều phương pháp “Pháp môn” để đối trị và giải quyết các vấn nạn nêu trên một cách tốt đẹp, thông sự hành trì, tu tập và hướng thiện của mọi cá nhân.

Không thể kêu gọi hòa bình bằng lời nói, mà phải bằng một tâm thức và trái tim hòa bình, “Tâm bình thế giới bình”.

Một thế giới đẹp đẽ qua những nội dung cũng có thể được gọi là “thế giới hoàng kim” lắm phải không các bạn?

Vậy chúng ta, mọi người còn chần chờ gì nữa mà không thực hành “Ngũ giới”. Năm yếu tố Từ bi và Hòa bình của Phật giáo, với mục đích cao cả là đem lại sự an lạc và hạnh phúc cho toàn thể nhân loại■

Đắk Lắk, Ngày 11 tháng 11 năm 2015

THÔNG BÁO

V/v tổ chức cuộc thi Văn, chủ đề “ĐẠO PHẬT, SUỐI NGUỒN YÊU THƯƠNG”

Hướng tới kỷ niệm 18 năm ngày VÔ ƯU ra mắt bạn đọc (Vu Lan 1998 - Vu Lan 2016). Được sự nhất trí của Thường trực Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk,

Ban Thông tin Truyền thông và Ban Biên soạn Vô Ưu tổ chức cuộc thi Văn, với chủ đề “**Đạo Phật, suối nguồn yêu thương**”, với các nội dung sau:

I- THỂ LOẠI:

1. **Truyện ngắn** (Bài viết dài từ 1.200 đến 2.000 từ)

2. **Tùy bút** (Bài viết dài từ 1.200 đến 2.000 từ)

II- ĐỐI TƯỢNG DỰ THI:

- Tất cả Nhà văn chuyên hoặc không chuyên, Tăng Ni, Phật tử, độc giả trong và ngoài nước, không phân biệt tuổi tác, nam nữ, sắc tộc.

- Một tác giả có thể gửi từ 1 đến 2 tác phẩm dự thi.

- Tác phẩm dự thi phải là sáng tác mới, chưa tham gia dự thi bất cứ cuộc thi nào, hoặc đã đăng tải trên các báo, đài, trang mạng trong và ngoài nước.

- Tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung và bản quyền tác phẩm dự thi của mình.

III- THỜI GIAN GỎI BÀI DỰ THI:

- Từ ngày ra thông báo này đến hết ngày **15/8/2016** (13/7 năm Bính Thân)

- Bài dự thi được đánh vi tính trên khổ giấy A4, font chữ Times New Roman 13. Ghi rõ họ và tên thật, bút danh, địa chỉ, số Phone và Email (trên 1 tờ giấy riêng).

- Có 2 cách gửi bài dự thi: 1/ gửi qua Email noisanvouu@gmail.com, 2/ gửi qua đường Bưu điện: **Tạ Nam Trân, Hộp thư 29 Bưu điện Trung tâm, TP. Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk** và ghi câu “**Truyện ngắn hoặc Tùy bút dự thi**”.

IV- CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG:

- Mỗi thể loại có 5 giải thưởng: Nhất - Nhì - Ba và 2 Khuyến khích, gồm:

- Một Giải nhất 5.000.000đ - Một Giải nhì 4.000.000đ - Một Giải ba 3.000.000đ và 2 giải Khuyến khích mỗi giải 1.000.000đ.

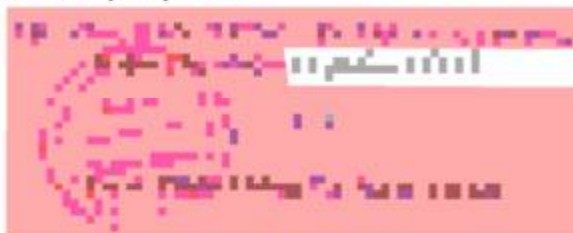
V- BAN GIÁM KHẢO:

- Ban Tổ chức sẽ mời chư Tôn đức Tăng Ni và Cư sĩ Phật giáo là những Nhà văn, nhà Nghiên cứu Văn học có uy tín trên Văn đàn. Danh tánh sẽ được công bố sau.

VI- LỄ TỔNG KẾT VÀ TRAO GIẢI:

- Dự kiến sẽ tổ chức vào trung tuần Tháng 8 năm Bính Thân (2016), nhân dịp Hợp mặt kỷ niệm 18 năm ngày VÔ ƯU ra mắt bạn đọc.

Kính mời chư Tôn đức Tăng Ni, Thiện hữu tri thức Phật giáo, Văn nghệ sĩ, Phật tử và Độc giả trong và ngoài nước yêu thích văn thơ hoan hỷ gửi bài tham gia cuộc thi; đồng thời góp phần xiển dương giáo lý Từ bi, Trí tuệ, Vô ngã, Vị tha của đạo Phật trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.





Suối nguồn hạnh phúc

Suối thơm cam lộ ngát trời
Nguồn vui an lạc tuyệt vời hoa tâm
Yêu người kết khối tình thâm
Thương người bao nỗi âm thầm sẻ chia
Từ ban phước báu sớm khuya
Bi là cứu khổ như tia nắng hồng
Bình an khắp chốn núi sông
Đẳng đồng chủng tộc cầu mong hòa bình.

● PHAN THỊ HIỆP

Trôi 2

Đời ta,
nước chảy xuôi dòng
Mong chỉ ngày tháng
đục - trong, thác - ghềnh
Thành thời
với nhánh lục bình
xuôi về biển cả
bồng bênh...
lãng du!

● HƯƠNG VĂN

Phật Dẫn Sanh

Sáng nay đức Phật dẫn sanh
Tâm thư thái quá, an lành niềm riêng
Con từ bao kiếp ngã nghiêng
Trôi lặn cuộc lữ... biết mình về đâu?
Chuông ngân vọng tiếng kinh cầu...
Chạm vào muôn nỗi, nhiệm mầu cửa không
Phật từ trong cõi thậm thâm
Nở ra bầy đóa sen vàng... ngát hương
Con nay thôi vương bụi trần
Thân - tâm bái vọng dẫn sanh tâm hồn.

● NGUYỄN NAM

Về đâu

Mây giăng trên đỉnh núi
Nắng mọc giữa đôi thông
Giật mình ta tự hỏi
Về đâu cát bụi hồng?

● NGUYỄN HẠNH

Tâm tưởng

Uống say
Một chén kinh hồng
Thấm vào
Tâm tưởng tham sân tiêu dần
Gió đưa...
Thoang thoảng Chiên Đàn
Nở ra
Một đóa sen vàng tuyệt nhiên
Thân lâm nhẹ gót cửa thiền
Lắng nghe chuông vọng trăm miền nở hoa.

● ĐÀO PHƯỚC GIAO

Đạo pháp vi diệu

Đời sống con người sống hữu tình
Đã như tin tưởng có phần linh
Tâm hồn xán lạn lòng mong ước
Thế xác ưu tư đáng khó xinh
Cõi thế nơi đây thân tạm bợ
Niết bàn chốn đó cảnh vô hình
Phật trời lân mẫn luôn kề cận
Giải thoát luân hồi kiếp tái sinh.

● PHƯƠNG VIỆT THANH

Trở lại bản nguyên

1

Nhân duyên đại sự Phật ra đời
Khai thị chơn linh tri kiến soi
Muôn thuở bản nhiên chân diệu giác
Vì tâm tham luyến lụy trần ai

2

Bản thể Như Lai tự thuở nào
Bởi do nghiệp hoặc phải lao đao
Chạy theo huyễn cảnh nên điên đảo
Không biết bao giờ dứt khổ đau

3

Tự tâm thanh tịnh Phật tròn đầy
Đắm nhiễm, sân si nghiệp phủ vây
Phản bốn hoàn nguyên, lìa ái dục
Phật là bản giác tự xưa nay.

● NGUYỄN THOẠI

Hương Dẫn Sanh

Hơn hai nghìn năm đức Phật ra đời
Nguồn sống đạo không bao giờ ngừng nghỉ
Chốn Ta bà may nường nhờ phúc ảm
Nguyện theo gót Ngài từng bước nở hoa sen

Rằm tháng tư khắp cả mười phương
Với tâm thành dâng lên Từ phụ
Nguyện cúng dường tịnh tài, tịnh vật
Trên sông Hương huyền thoại hoa đèn

Xin nguyện cầu quốc thái dân an
Không hận thù chiến tranh, tương tàn tranh chấp
Nếu chọn tôn giáo nào siêu việt
Chắc mọi người đều nghĩ đại thừa thôi

Và ngày nay nhân thế sống vui
Hòa nhập đại đồng trong vòng tay nhân ái
"Nam mô bốn sư Thích Ca mâu ni Phật"
Hương dẫn sanh muôn thuở dâng tràn...

● NGÀN THƯƠNG

Sớm mai

Sớm mai thức dậy cùng thơ
Bay đôi cánh mỏng nhưng tơ óng mềm
Hương thiền duyệt thoảng êm đềm
Trang nghiêm Bụt hiện trước thềm: Hồng hoa
Cánh từng cánh mỏng nuốt nà
Sương từng hạt ngọc chan hòa lung linh
Thảnh thơi mình gặp chính mình
Từ vô thủy hẹn ba sinh ngọt ngào

Sớm mai hoa cỏ vẫy chào
Từng giây từng thoáng dạt dào niềm vui
Môi hoa đơm nở nụ cười
Nam mô chư Phật ba đời hiện sinh.

● HẠNH PHƯƠNG

Mùa Phật Đản

Thơ: Thích Huyền Lan
Phổ nhạc: Nguyễn Phương

Đi giữa mùa Phật đản Nghe con tim thì thầm Lời trùng dương bát
ngát Yêu thương về tràn đầy. Đi giữa mùa Phật đản Thấy
lòng thật bình yên Con chim hót trên cành Mùa nắng hạ lung
linh. Đi giữa mùa Phật đản Mắt trong xanh hồ sen Con
chắp tay quý xuống Thiên liêng lòng đất Việt Đi giữa mùa Phật
đản Nụ cười tươi cánh phượng Ta với người thiết tha Chơn chứa nguồn yêu
thương. Đi giữa mùa Phật đản Cờ năm sắc tung bay Từng
bước chân con Phật Búp sen hồng hé nở Đi giữa mùa Phật đản Ánh
dạo ngời quê hương Ngát thơm mùa sen nở Trái tim Phật dạt dào.

Cho hương từ lan xa

*“Tin ta mà không hiểu ta,
thì khác nào báng bổ ta”.*

(Lời Phật dạy)

Bài, ảnh: NGUYỄN DUNG

Một/Cứ mỗi mùa sen nở, hạ về phượng đỏ đường đi là thêm mùa đại lễ Đản sanh Đức Từ Tôn ngự trị trong lòng mỗi người con Phật hân hoan làm nhiều việc thiện lành hướng về ngày trọng đại... Qua đó, tôi để lòng mình hoài niệm về song thân đã khuất nẻo đường xa, hai đấng sinh thành đã dạy dỗ lớn lên mỗi ngày, bởi vì: “Trí tuệ là gốc của muôn hạnh lành”.

Ngược dòng thời gian, ba má tôi là hội viên sáng lập ngôi chùa khuôn hội Phước Ninh. Chùa được đặt đá xây dựng lần đầu tiên vào năm 1962 dưới sự chứng minh của nhị vị Đại lão Hòa thượng Thích Tôn Bảo (Ôn Vu Lan) và Thích Tôn Thắng (Ôn Phổ Thiên). Chùa đã được trùng tu và phát triển hơn nửa thế kỷ qua, tọa lạc giữa lòng thành phố bên sông Hàn trên con đường vừa được chỉnh trang mở rộng và nay là địa điểm tu học đầy năng động của tín đồ Phật tử gần xa. Thời đó, ba má tôi đã phát tâm hỷ cúng vài lượng vàng với tâm niệm duy nhất: “Xây chùa tạc tượng đúc chuông/ Trong ba việc ấy chúng sanh nên làm”. Đó là nền tảng ban đầu để dẫu dất anh chị em tôi đến với đạo của trí tuệ và từ

bi. Ba má không nói nhiều về giáo lý mà chỉ hướng dẫn khích lệ qua những việc làm hàng ngày để noi theo và trì giữ “Tam quy ngũ giới” đã thọ. Đầu đặn tháng hai lần đưa con lên chùa lễ Phật nghe thuyết pháp và làm công quả vào những dịp đại lễ. Anh chị em tôi làm theo ba má và huân tập mỗi ngày để chủng tử thiện lành tích lũy làm hành trang, là tư lương trên đường tu học của tín đồ tại gia thuần thành. Và nhờ những bước khởi đầu tuổi thơ nên

giai đoạn 1970 - 1975 tôi sống ở chùa nhiều hơn ở nhà để thuận tiện cho hoạt động nội thành và thích nghi với nếp sống thiền môn, thân thiện với nhiều chú tiểu mới hành điệu để chớm hoặc thọ giới sa di, mà nay đã được tấn phong lên hàng giáo phẩm có vị trí lãnh đạo trong Ban Trị sự Phật giáo cấp thành, cấp quận... như Thượng tọa Thích Quảng Tâm (chùa Pháp Lâm), Thượng tọa Thích Huệ Vinh (chùa Quán Thế Âm), Thượng tọa Thích Từ



Hòa thượng Thích Trí Quảng - Phó Pháp chủ HĐCM truyền pháp y Bốn môn Pháp hoa tạng cho Cư sĩ Huỳnh Ngọc Thành và Đạo tràng (Rằm tháng Ba, năm Tân Tỵ - 2001)

Ảnh tư liệu Nguyễn Dung

❧ **Nghiêm** (chùa Phổ Đà). Trong những năm giữa thập niên 90 của thế kỷ XX, tôi chuyển qua làm báo Giác Ngộ, tác nghiệp Phật sự tại đơn vị Phật giáo cơ sở, chư vị tôn túc biết rõ về tôi có thời gian sống trong chùa nên thỉnh thoảng nói đùa: “Anh T. hồi đó nhất tâm xuất gia như quý huynh đệ thì nay đã ở trong hàng Chúng Trung Tôn”. Tôi chấp tay cúi đầu khiêm cung và thưa thật lòng: “Dạ con phước mỏng nghiệp dày nên thiếu duyên...”.

Hai/ Hòa bình thống nhất. Tôi thoát ly gia đình về ăn ở hẳn trong cơ quan nơi làm việc, lúc đó vừa bước qua tuổi 22! Ba má căn dặn tôi nhớ làm gì, ở đâu, cố gắng nên giữ nếp nhà xưa nay, đừng làm điều gì trái với lương tâm và ảnh hưởng đến thanh danh gia tộc nhiều đời thâm tín Tam Bảo. Tôi khắc ghi lời dặn ấy để giữ mình không ham vui sa đà vào những sinh hoạt mới, nên lắm khi thua thiệt. Tôi giữ được nhiều “*cái không*” ở ngưỡng cửa bước vào đời thời điểm đó. Chẳng hạn có thông lệ buổi sáng tập trung giao ban tại phòng làm việc của thủ trưởng để lắng nghe phân công nhiệm vụ và tiết mục không thể thiếu là làm vài bình trà đậm với tên gọi như mót câu. Rồi đến hút thuốc lào như nòng súng khi rút vào nghe vui tai và nhả ra như ống khói tàu thủy. Tôi không dính vào thuốc lào, trà đậm, rượu cao độ... không biết đánh bài, đặc biệt là không ăn thịt chó, dù

trong đơn vị hầu hết nam nữ đều cầm đũa. Có một chuyện tôi nhớ hoài đến nay đã ngoài tuổi sáu mươi vẫn không quên: Một buổi trưa đi công tác cơ sở về muộn, xuống nhà ăn tập thể phát hiện trong nồi lớn trên bếp... đầu con chó đen như mực đang nhe hàm răng trắng hếu... Vậy là cả tuần sau đó, tôi bỏ cơm tập thể để về nhà ăn cơm rau mắm với gia đình vì nỗi ám ảnh kể trên. Trong những ngày ăn chay theo truyền thống gia đình xưa nay, tôi lại viện cớ không về kịp để tranh thủ tạt qua nhà cũ ăn chay với gia đình. Tháng nào cũng vậy, dù cơ quan có người biết, tôi đều đặn giữ giới bốn ngày thọ trai chỉ có lòng mình chứng tri! Vậy mà có đồng đội nhắc nhở tác phong tiểu tư sản của tôi...

Thêm một chuyện tôi cho là nhỏ, nhưng nhiều người biết. Giữa năm 1977 triển khai kế hoạch làm giấy tùy thân để rút kinh nghiệm thực hiện đại trà và nơi tôi công tác là một trong những đơn vị thí điểm, nên sau số seri đầu là liên tiếp bốn, năm, sáu... con số không, rất dễ nhớ. Ở mục tôn giáo, tôi ghi Phật giáo. Anh bạn cùng tổ, ngủ cùng phòng, phụ trách đoàn thể nhắc tôi mấy lần nên ghi chữ không. Tôi cười và vẫn làm theo ý mình. Đến khi nhận giấy chính thức, nhìn quanh trong cơ quan ai cũng có chữ không. Còn tôi, hai chữ Phật giáo hiện rõ trên mặt sau tấm giấy được ký cấp lần đầu tiên vào ngày 23 tháng 12 năm 1977. Tôi thật sự hãnh diện vì

trong bất cứ hoàn cảnh nào, tôi vẫn giữ trọn niềm tin tâm linh, sống đúng với nguồn năng lượng an lạc của tâm trí...

Ba/ Những năm tháng đã qua để bây giờ nhìn lại, sinh hoạt tôn giáo được phát triển nhanh trong mọi hoạt động Phật sự, nhằm hướng đến sự tiến bộ tâm linh, nhân cách, lối sống đẹp, lợi lạc cho cộng đồng xã hội và môi trường sống chung quanh. Đối với tín đồ ngày càng phát triển cả hai phương diện lượng và chất, bên cạnh nhiều cơ sở thờ tự được trùng tu cho phù hợp với chiều hướng tăng trưởng của đất nước, đáp ứng nhu cầu tu học của đại chúng, an vui cho mọi người trên nền tảng tốt đẹp đời.

Từ những bước đi non nớt thơ dại đầu đời, tôi đã được song thân dạy dỗ bằng tâm hướng thiện từ mái ấm gia đình đến ngôi chùa khuôn hội. Chính điều này đã làm cho hương từ lan xa trên con đường trưởng thành để tự lập mưu sinh và truyền dạy cho thế hệ kế tiếp. Như lời kinh Pháp cú đã lưu lại bao đời: “Nếu lòng tin không kiên cố. Nếu không hiểu diệu pháp. Nếu tâm không khinh an. Trí tuệ sẽ không viên thành”. Đúng vậy, Phật dạy u mê (hay vô minh) thuộc tam độc và đứng đầu trong mười hai nhân duyên (thập nhị nhân duyên) gây đau khổ, thất niệm... Cội nguồn của vô lượng phiền não! ■

(Dà Nẵng, mùa sen nở -
đúng 18 năm vắng bóng mẫu thân)

Châu Mạ ơi!

ĐÂY K' LIÊM!

Bài, ảnh: PHƯỚC THẮNG

Dăng Dưng là tên gọi Buôn dân tộc Châu Mạ thuộc xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Buôn tọa lạc trên dải đồi liên đồi trải dài một vùng rộng lớn, chập chùng rừng thưa, đồi trà, cà phê... bên cạnh thác Damb'ri và cao hơn thác vài mươi mét, tiếp giáp với chùa Di Đà, cách Thị xã Bảo Lộc trên 20 km. Buôn có 200 hộ, nhưng hầu hết người của buôn hướng về chùa Di Đà còn gọi chùa Dăng Dưng. Theo lời thầy trụ trì Thích Đồng Châu thì chỉ có sáu hộ "con chiên". Chùa ngự trị trên triền đồi thoải rộng chừng 13 hecta. Chia thành hai khu: Khu vực chánh điện (mới xong nền sàn) nhà Tổ, nhà Tăng, giảng đường, nhà tu tập, thất lớn, thất nhỏ, trai đường, nhà trù

v.v... trên 20 ngôi, đủ tiện nghi cho nhiều trăm Phật tử khắp nơi về tu tập. Đan xen toàn khu là hoa viên, cây cảnh, hồ cá, hồ sen, tượng đài Đức Quán Thế Âm, Đức Bổn sư... và rừng mai. Tất cả đều hướng về phía đông bắc, lưng dựa vào rừng nguyên sinh vây bọc thác Damb'ri dưới thấp... Tượng Di Đà lộ thiên cao 16 mét nằm cách khu vực chùa về phía tây chừng 200m. Ban đêm nghe rõ tiếng thác rì rào róc rách... Khu vực còn lại là 2 hecta đồi trà Ô-long, 2 hecta đồi cà phê, hiện tại mạch sống của chùa tuôn ra từ đây. Và nguồn mạch này cùng với sự cúng dường của mười phương sẽ giúp cho thầy trụ trì hoàn thiện tổng thể bản vẽ, được vẽ ra từ công phu tu tập thanh tịnh, từ trí tuệ giữ giới tinh tấn. Phải xây dựng

thế nào để ngôi già lam này là của dân tộc Châu Mạ là cái Hồn giải thoát của Dăng Dưng. Cho nên, đặc điểm nhà dài, nét văn hóa công chiêng, những biểu tượng ngàn đời của dân tộc anh em thể hiện rõ nét lên từng nóc nhà, từng không gian sinh hoạt, từng cụm hoa, từng nét hoa văn trên gác chuông và tiếng đại hồng chung ngân vang khuya sớm giữa núi rừng, buôn làng... do chính con em Châu Mạ tỉnh thức công phu... Có mấy ai không thích nghe tiếng mõ tre trong gió khua vang lóc cóc giữ chim của người dân tộc? Nhưng lạ kỳ thay hình ảnh cây nêu này lại cắm khắp nơi trong khu già lam, không nhằm cản ngăn chim chóc mà lại tôn vinh nét văn hóa buôn làng. Đến giờ này tôi

✧ mới cảm nhận lời thơ : “Mái chùa che chở hồn dân tộc” (thi sĩ Huyền Không) như ẩn sâu hơn lòng từ lên dân tộc Châu Mạ và rõ ràng Di Đà Đăng Đưng còn làm hơn thế nữa, thầy trụ trì, ngay từ lúc khai sơn, năm 2005, cũng đã nghĩ đến lúc nhân duyên hội đủ sẽ bàn giao mái chùa này cho Buôn làng Châu Mạ.

K'Kim, K'Liêm, phải chăng hai người con trẻ trung của Buôn là cánh tay nối dài của thầy Thích Đồng Châu? Không hẳn thế. Nhưng những ngày thầy trụ trì có Phật sự đi vắng, con trai của già làng là K'Kim, người cư sĩ 52 tuổi ấy rất mực yêu đạo, thay thầy quản lý trong ngoài chùa, xử lý khôn khéo mọi việc... Còn K'Liêm là một tỳ kheo chuẩn mực xuất thân từ trường Trung cấp rồi Cao đẳng Phật học Lâm Đồng. Có thể nói K'Liêm Thích Chúc Minh là vị Tỳ kheo đầu tiên của các anh em dân tộc Tây Nguyên nói chung và của Đăng Đưng Châu Mạ nói riêng? Nếu quả thế thì nhân lành này sẽ được lịch sử Phật giáo Việt Nam đương đại ghi đậm công đức thầy trò chùa Di Đà.

Tỳ kheo Thích Chúc Minh sinh năm 1978. Sau khi tốt nghiệp Trung cấp rồi Cao đẳng Phật học Lâm Đồng (2008 - 2014, thọ tỳ kheo Giới đàn Từ Mãn) trở thành Tri sự chùa Di Đà, hiện là vị giáo thọ của chùa. Dạy hai thời công phu, luật tiểu cho 11 đệ tử (1 gái) toàn con em buôn Đăng Đưng. “Cẩn tảo



Thầy Thích Chúc Minh K' Liêm cùng thí thực

Ảnh: Phước Thắng

già lam địa thời thời phước huệ sinh” không những tự thân K' Liêm nghiêm chỉnh thực hiện mà còn áp dụng ngay cho lớp đàn em buôn làng được thầy thu nhận xuất gia. Tôi nhìn thấy khuôn mặt thầy K' Liêm thể hiện nét khổ hạnh rần rỏi uy nghi, phải chăng hàm râu ấy mái tóc ấy thể hiện nét Tổ xưa quảy dép về Tây? Có thể chủ quan nhưng điều này thì hiện thực : Đọc kinh sách nghiền ngẫm, rèn luyện chữ Hán, đọc nhiều sách về các vị Tổ, trong đó xem hạnh nguyện của các vị A-la-hán như là tấm gương để rèn luyện tự thân.

Hai thời công phu là nếp tu từ ngàn xưa của Thiền môn Việt Nam cho người sơ tâm cầu đạo... Và pháp môn này được áp dụng nghiêm mật tại Di Đà tự mà các chú tiểu dưới sự điều dắt của thầy K' Liêm, lời kinh trở thành bản hợp âm diệu vợi mà âm sắc “Việt - Châu” hòa lẫn tiếng tang, mõ, linh, khánh, trống, chuông nghe thật Bi, Hùng,

Lực vang vọng sớm khuya giữa cao nguyên bạt ngàn màu xanh này. Có thể nói lời kinh âm sắc Việt - Châu, ngoài chùa Di Đà có lẽ không Già lam, Tự Viện nào trên toàn đất nước thụ đắc được, bởi quá hiếm một sư giả Như lai K' Liêm. Trong hai thời công phu tu tập ấy, chúng đệ tử hướng tâm đến Cô hồn cúng thí cầu nguyện cho họ no đủ... Thì ra, uy lực của thầy K' Liêm đối với việc này cũng rất thậm thâm. Thầy luôn là vị gia trì “biến thủy biến thực” làm no đủ và chú lực siêu thoát cho hàng hàng lớp lớp cô hồn vất vưởng giữa rừng thiêng.

Phật Pháp nhiệm mầu tính duyên khởi càng vi diệu. Và sự vi diệu này gắn liền bản thể tỳ kheo thanh tịnh, và nơi đâu bản thể hành giả thanh tịnh, nơi đó Phật pháp hiển dương khắp cùng. Nói đến nhân duyên hòa hợp thì phải hiểu thuận nghịch hòa hợp. Và y xứ này hiện thực chính từ sự thuận nghịch sinh khởi ✧

☞ ngay từ trong lòng thế gian tất dân Lâm Đồng. Cho nên, tính “thường trụ” của nó làm tăng ích cho xứ sở hiền hòa, mộc mạc này. Và nơi đây đã sản sinh ra Tỳ kheo K’ Liêm, cũng như chùa Thanh Sơn tại Huyện Di Linh, đã xây dựng được đạo tràng người dân tộc do sư cô Thích nữ Phổ Tuệ trực tiếp hướng dẫn, dưới sự chỉ đạo của Hòa thượng Thích Toàn Đức... Đây chỉ con em của “Đạo Tràng” biết tụng kinh, niệm Phật, sinh khởi lòng từ, biết yêu thương loài vật, không săn bắt, không bẫy thú rừng, mà còn biết bảo vệ môi trường sinh thái, không đốt rừng làm rẫy... Có lẽ Thầy Toàn Đức, Đồng Châu, sư cô Phổ Tuệ hay các thầy tỳ kheo khác

đang sống tri túc trong các ngôi chùa cạnh Buôn làng vùng cao nguyên trù phú này đã đến với người dân tộc bằng tâm giới, bằng lời kinh, bằng hình tượng thanh bạch và bằng thông điệp giải thoát mà Đức Phật tuyên thuyết tại vườn Lộc Uyển trong ngày Chuyển Pháp Luân. Pháp luân ấy luân chuyển và đã đến đây, sau chiều dài lịch sử non ba ngàn năm và chắc chắn, như lời kinh, quê hương này rồi ra “trú dạ từ tâm y pháp trụ” và “Bồ đề diệu pháp biến trang nghiêm/ Tùy sở trú xứ thường an lạc”. Trên nền tảng nhân lành ấy, tương lai chắc chắn sản sinh ra nhiều tỳ kheo K’Liêm như hôm nay. Như thế cũng có nghĩa giáo pháp được truyền

trao, người trao và người nhận chỉ bằng giới thể thanh tịnh, bằng Tâm giới trong sáng, bằng lý tưởng độ sanh thì điều vi diệu: “Thâm tín chư Phật giai sung mãn” nhất định sẽ hiện thực. Chùa Bái Đính hiện tại không là sự vi diệu hay sao? Hay “Đạo Tràng Bồ Đề”... trên xứ Ấn Độ không là hình ảnh vô cùng “thâm tín” của Phật tử mười phương đó sao?

Xét cho cùng: Cơm, áo, gạo, tiền bao đời người anh em dân tộc nói riêng không hề đủ. Và người Châu Mạ tiếp nhận giáo pháp Phật, trước hết là qua Tu viện Bát-nhã rồi mới đến Di-đà, cũng không khá gì hơn, nhưng bây giờ xin một lần đến Di Đà, sẽ thấy tình chùa và tình Châu Mạ ấm áp như thế nào.

Hồn thiêng Dân tộc Việt Nam sản sinh ra “Hồn Vọng Phu”, tuyệt nhiên đá núi tạc nên hình “Mẹ bồng con trông chồng” và phải chăng đó là biểu tượng thủy chung đôn hậu dẫn xuất từ hình ảnh chinh phu can trường trong suốt dòng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc này? Và cho đến ngày hôm nay hình tượng ấy lại được khắc họa đậm nét hơn lên một “Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng” ở Quảng Nam hay “Người vợ cầm đèn” nhìn ra Hoàng Sa trên đảo Lý Sơn Quảng Ngãi... Chắc chắn tác giả hai tượng đài không bao giờ nghĩ mình lại thể hiện điều sâu thẳm ẩn tàng trong suối nguồn lời kinh... Xin hãy ☞



Thầy trò K'Liêm Thích Chúc Minh quét rác

Ảnh: Phước Thắng

“đêm chong đèn ngồi nhớ lại” (TCS) có biết bao Bà mẹ Việt Nam, thời bình, hay thời chiến quỳ trước Phật đài thiết tha nguyện cầu cho nòi giống mình tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ, đao binh chấm dứt, gia đình sum họp... Một chuỗi tâm thành in lên lòng dạ sắt son, in lên sự chịu thương chịu khó, thủy chung như nhất... thì sẽ thấy rõ suối nguồn đó...

Ngày nay, đó đây bà mẹ dân tộc Châu Mạ, K'Ho... cũng đã quỳ trước điện Phật cầu kinh, và hơn ai hết họ nhìn thấy hàng hàng lớp lớp cô hồn qua buôn làng... Họ vui mừng, quê hương đã sản sinh một tỳ kheo K'Liêm cúng thí thực bằng âm sắc Việt - Châu. Và chắc chắn càng trở thành “Tổ”, tỳ kheo K'Liêm càng nhận ra sự giải thoát đến gần với mình hơn bao giờ hết.

Xuân này, như hội đủ duyên, bốn cụ già pháp hữu Thắng, Cần, Văn qua Chơn Hương được Thầy Đồng Châu đích thân đưa xe ra Bảo Lộc mời về chùa, về Buôn...

Trời về sáng càng lạnh, phía trước là lời kinh, phía sau là thác Damb'ri rì rào xen lẫn tiếng gà gáy từ Buôn làng, và sau đó bên tách trà Ô long, chùa cùng đàm đạo với thầy trụ trì trong nghĩa tình “thiền sư”, thấm đậm mùi hương thanh khiết của đất nước Di-Đà... Cụ Tánh Cần trao tặng thầy trụ trì bài thơ mà 3 giờ sáng trong chăn ấm thấm nhấm niệm như một lời cảm ơn vị Sơn Tăng:

*Lung linh tiên cảnh chốn Ta-bà
Khen ai khéo tạo ở vùng xa
Mơn man gió thoảng hồ sen thắm
Lảnh lót chim ca mấy rặng trà
Nắng vàng chao lượn quanh thiền thất
Trăng đỏ mênh mông khóm trúc già
Nhẹ bước chân thiền trên đất Phật
Tịnh độ là đây cõi Di Đà.*

18/2/16

TC.

Sau cùng chia tay thầy Chúc Minh tôi ghi hình K'Liêm đang quét rác cùng học trò.

Vẫy tay chào: Chao ơi! Châu Mạ! Đây K'Liêm! ■

Giới thiệu sách và VCD mới:

Giới thiệu sách và VCD mới:

1/ **Giọt nắng phai**, Tập thơ thứ 4 của Dạ Lữ Kiều, NXB Hội Nhà Văn ấn hành quý 4/2015.

2/ **Buông**, Tập thơ thứ 7 của Ngân Thương, NXB Thuận Hóa ấn hành quý 4/2015.

3/ **Lấp lánh phù vân**, Tuyển tập Thơ Văn của Doãn Lê, Yên Huỳnh Đức, Ai Nghĩa, NXB Đà Nẵng ấn hành quý 4/2015.

4/ **Lá thư còn lại** của TT. Thích Chân Tính, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh ấn hành quý 4/2015.

5/ **Tấm lòng rộng mở** của Trầm Hương giới thiệu về Bác sĩ - Anh hùng Lao động- Thầy thuốc Nhân dân TẠ THỊ CHUNG, NXB Hồng Đức ấn hành quý 1/2016.

6/ **Gạn đục khơi trong** (Tập I) của Nhiên Như - Quảng Tánh, NXB Hồng Đức ấn hành quý 2/2015.

7/ **Nikàya với khoa học và thế giới siêu hình**, Tỳ kheo Pani Giới Pháp, NXB Hồng Đức ấn hành quý 1/2016.

8/ **Giải mã hệ thống Pháp Nhân Duyên, thánh lý cứu khổ**, Tỳ kheo Pani Giới Pháp, NXB Hồng Đức ấn hành quý 1/2016.

9/ **Giải mã Kinh Niệm Xứ chặng đường Giải thoát khổ đau**, Tỳ kheo Pani Giới Pháp, NXB Hồng Đức ấn hành quý 1/2016.

10/ **VCD và DVD do Chùa Hoằng Pháp thực hiện, gồm có:** Chương trình Hoa Mặt Trời 9, chủ đề Ai ai cũng là Phật, Ánh sáng Phật pháp kỳ 53, Phật học thường thức kỳ 20, Hòa là gốc an vui, Tích của hay tích đức, Ở đời vui đạo, do NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh ấn hành ■

● BAN BIÊN SOẠN

Triết lý sống của một nhà sư

✎ NGUYỄN DUY

Tuổi đời tôi còn trẻ. Vì vậy, kinh nghiệm cuộc sống chưa được nhiều, chưa thật sâu sắc. Có những lần viết bài, tôi đã chứng kiến nhiều sự việc mà tôi không sao hiểu được, dù đã phải suy nghĩ cả đêm. Một người thợ săn đã nhắm tâm tằm sát rất nhiều sinh linh hoang dã, phá hủy cuộc đời cũng như sinh mệnh của những con thú bé nhỏ, lại trở nên nhân từ và thay đổi hẳn bản tính chỉ sau một sự việc bất ngờ. Có những người bề ngoài tỏ ra vô cùng nhân ái khi bỏ ra số tiền lớn để giúp người nhưng chỉ để che giấu cho những hành động nhắm tâm, xấu xa, vi phạm pháp luật. Nhiều vụ án nghiêm trọng mà kẻ thủ ác lại là đứa

trẻ. Tôi luôn trăn trở về lòng nhân ái của con người trong cuộc sống để sau này còn giáo dục con cái.

Một ngày rằm nọ, tôi đi chùa cầu an cho gia đình. Thấy vị sư già đang gõ mõ tụng kinh, tôi nghĩ ngay đến việc cần phải hỏi sư những điều trăn trở bấy lâu nay của mình. Tôi lại gần nhà sư thì thầy đã chào tôi và hỏi có phải tôi đang có điều chi bận tâm.

Tôi hỏi thầy:

- Thưa thầy, trong xã hội của chúng ta có nhiều tấm lòng nhân ái, nhưng nhiều việc trắng đen hỗn loạn khiến con không nhận ra đâu là đúng, đâu là sai và không biết dạy con cái ra sao. Mong thầy chỉ bảo.

Thầy chậm rãi nói:

- Chắc con đã nghe câu: “Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến”. Có nhiều việc trong dòng đời mà trí tuệ con người không thể nhận rõ bản chất. Quan trọng là con hãy vững tin ở chính mình và dạy trẻ biết quý trọng công ơn người khác, nhất là cha mẹ. Một đứa trẻ có sự biết ơn thì sau này sẽ có lòng nhân ái.

Tôi hỏi tiếp:

- Thưa thầy, như thầy biết rồi đó. Miền Trung khúc ruột quê mình luôn bị bão lũ tàn phá, hoành hành hàng năm. Nhiều Mạnh Thường quân thông qua truyền thông đại chúng để ủng hộ, giúp đỡ người dân miền Trung từ tiền bạc cho đến thực phẩm, thuốc men, vật dụng gia

đình... Tuy nhiên, cũng không ít người bố thí cho có lệ, cho có tiếng, còn tâm thì chưa sáng. Rất nhiều người ủng hộ những thực phẩm sắp hoặc đã hết hạn sử dụng mà không nghĩ đến hậu quả rằng những thực phẩm ấy vô tình làm người nhận đau lòng hơn. Con cũng đã từng bắt gặp nhiều trường hợp người ra bố thí cho những nhà sư đi khất thực những thức ăn sắp ôi thiu, hết hạn dùng, hoặc nát nộ, khó chịu như muốn đuổi khéo. Thực không biết nói gì trước những hành động đó.

Thầy bảo:

Trong triết lý Phật giáo Tiểu thừa, bố thí được xem là phương tiện để đối trị tính tham ái, vị kỷ và được thực hành để tránh khổ đau của đời sau. Theo Đại thừa, bố thí là biểu hiện của lòng Từ bi và là phương tiện để dẫn dắt chúng sinh đến giác ngộ. Hành động bố thí thức ăn cho các vị Khất sĩ hiện nay vẫn còn phổ biến tại các nước theo Phật giáo Nam truyền. Phật tử tại các nước này cúng tặng tiền bạc và phẩm vật cho chùa chiền và tăng sĩ, ngược lại các vị từ-kheo “bố thí” Phật pháp, hướng dẫn tu học. Hành động này cũng được xem là để nuôi dưỡng phúc đức. Ông bà ta thường bảo: “Của cho không bằng cách cho”. Nhiều người nghĩ rằng mình bố thí cho ai đó thứ gì là mình đã làm phước. Đúng là như thế, nhưng còn phải nghĩ lại cách mình cho như thế nào mới là điều đáng quý. Nếu là người trong cuộc, con không nên phân nản gì

điều đó kéo thành tâm bệnh, mà hãy nghĩ thoáng hơn một tí để đời bớt khổ đau. Con nhận của ai đó đã bố thí thứ gì không nhất thiết con phải sử dụng nó nếu như con cảm thấy không an toàn. Thầy cũng đã từng đi từ thiện nhiều nơi, có nhiều người cho quà bánh trẻ em hết hạn, thầy đau lòng lắm. Chỉ biết giữ lại trong kho để đó rồi bỏ đi, chớ không lẽ để trẻ mang bệnh. Biết nói gì hơn trước tình cảnh như thế, chỉ biết cầu cho họ ngộ ra đâu là giá trị của việc bố thí.

Được lời thầy giảng, tôi đã vững tâm hơn trong cuộc sống của chính mình và có thêm một niềm tin về những tấm lòng nhân ái trong đời. Rõ ràng, những con người nhân ái trên đất nước này, trên thế giới này có rất nhiều và có muôn hình vạn trạng. Có thể tôi không thể nhận biết được bản chất của sự việc nhưng ít ra những việc từ thiện họ đã làm sẽ giúp ích được cho nhiều số phận éo le. Ai cũng có mặt tốt và mặt xấu, hai mặt đó cùng tồn tại trong con người, đối lập và đan xen. Không thể xóa bỏ hết mặt xấu nhưng nếu chúng ta nghĩ đến người khác thì chúng ta sẽ trở thành một tấm lòng nhân ái. Hiện nay, trong xã hội ngày càng xuất hiện nhiều những tệ nạn mà chỉ nghe đến đã rùng mình sợ hãi vì hành động vô đạo đức, vô nhân tính. Họ cũng là con người nhưng mặt xấu của họ đã lấn át hết bản tính nhân ái trong họ. Thiết nghĩ sự giáo dục từ bé đã ảnh hưởng rất lớn

đến cuộc sống và lòng nhân ái của mỗi con người khi trưởng thành, vì vậy giáo dục lớp trẻ sống nhân ái, sống có ích là nhiệm vụ không chỉ của cá nhân các bậc phụ huynh mà còn của toàn xã hội. Trước hết, hãy dạy trẻ biết quý trọng người khác, quý trọng các bậc sinh thành. Đó là đạo đức cơ bản của mỗi chúng ta để có thể vững tin sống nhân ái giữa dòng đời vạn biến ■



ĐỐN NGỘ-TIỆM NGỘ TRONG PHÁP MÔN THIỀN

✍ *Tâm giới* PHAN NGOC THẢO

A. DẪN NHẬP

Thưa quý độc giả và anh chị em nhà Lam. Hôm nay TG xin lạm bàn vấn đề Đốn - Tiệm trong pháp môn thiền mà “Kinh Pháp Bảo Đàn” có đề cập: Nam Năng, Bắc Tú hay Nam Đốn, Bắc Tiệm trên tinh thần vô ngã, vị tha.

Lý do đưa ra đề tài này là đầu đó có người cho rằng, Ngài Thần Tú tâm địa hẹp hòi đã cho đệ tử của mình tìm giành lại y bát từ Ngài Huệ Năng sau khi được Ngũ Tổ mật trao làm tổ thứ 6, tổ cuối cùng của Thiền tông (tổ thứ 33 của Phật giáo).

Mặt khác có nhiều tài liệu cho rằng Ngài Huệ Năng là người Việt Nam (quê ở Lĩnh Nam), tiêu biểu là bài viết của Hòa thượng Thích Mãn Giác, năm 1985 tại Hoa Kỳ khẳng định Lục Tổ là người Việt. Trong phạm vi một bài viết ngắn chúng tôi chỉ xin phân tích vấn đề Tiệm - Ngộ có liên quan đến LỤC TỔ HUỆ NĂNG và ĐẠI SƯ THẦN TÚ.

B. TỔ BỒ ĐỀ ĐẠT MA

Vị tổ thứ 28 của Thiền tông (Ấn Độ) vị sơ tổ của Thiền Tông Trung Hoa.

Ngài là vị vương tử thứ 3 của vua Hương Chi nước Nam Thiên Trúc, thuộc dòng Sát Đế Ly, được tổ thứ 27 là Bát-Nhã-Đa-La truyền y bát và phó chúc cho Ngài qua Trung Hoa truyền bá chánh pháp. Ngài vượt biển bằng thuyền sau 3 năm đến Trung Quốc thời Lương Võ Đế (21-9- 520).

***Tóm tắt :** Nội dung bài thuyết pháp của Tổ Đạt Ma với vua Lương Võ Đế và triều đình.

Phần thứ I : Bản chất của tâm

Phần thứ II : Phương thức

Phần thứ III : Phật tánh

Phần thứ IV : Pháp thân

Phần thứ V : Tĩnh tâm

Phần thứ VI : Thiền luận

Phần thứ VII : Vô minh

Phần thứ VIII : Giác ngộ



☞ Phần thứ IX: Phật là gì?

Tâm hồi tâm ơi!

Mi lớn đến nỗi bao trùm cả vũ trụ

Mi nhỏ đến nỗi mũi kim không thể xuyên qua được

Hồi tâm của Ta! Mi là PHẬT.

***Kết quả:**

Lương Võ Đế là vị vua tín tâm Phật pháp bên cạnh là văn võ bá quan là thành phần trí thức đương triều nhưng không lãnh hội được bài giảng của Tổ, một phần vì nhà vua và các quan còn chấp thủ một phần vì bài thuyết pháp quá ư mạnh mẽ, gần như sỗ sàng tuy lý luận rất đanh thép, ngôn từ rõ ràng và cô đọng bao gồm tất cả tinh hoa của giáo pháp Phật đà và cốt lõi của Thiền (*Ôi! Phật pháp nan văn!*)

Tổ lặng lẽ bỏ đi và tu tại chùa Thiếu Lâm, núi Tung Sơn, ngồi thiền ngó mặt vào tường suốt 9 năm trời (cửu niên diện bích).

Tổ tuyên bố: **“Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”**.

Bài kệ “Phó thọ” của Sơ Tổ Đạt Ma:

“Ngỗ bản lai từ độ

Truyền pháp cứu mê tình

Nhất hoa khai ngũ điệp

Kết quả tự nhiên thành”.

5 vị tổ kế thừa: Tổ thứ 2: HUỆ KHẢ; Tổ thứ 3: TĂNG XÁN; Tổ thứ 4: ĐẠO TÍN; Tổ thứ 5: HOÀNG NHẪN; Tổ thứ 6: HUỆ NĂNG.

C. HAI ĐỆ TỬ KIỆT XUẤT CỦA NGŨ TỔ HOÀNG NHẪN

1. Ngài HUỆ NĂNG

Người đất Tân Châu thuộc Lĩnh Nam, cha mất sớm, Ngài đi kiếm củi bán nuôi mẹ. Một hôm ngang qua nhà trên nghe câu kinh “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” (nên sinh tâm từ chỗ không bám víu vào đâu). Ngài tìm hiểu biết đó là kinh Kim Cang, chư ni tụng là đệ tử của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn. Duyên may đã đến, có một thí chủ giúp Ngài lo cho mẹ già, Ngài đến Hoàng Mai ra mắt Ngũ Tổ.

Người cần gì? Đáp: Con muốn làm Phật.

Tổ bảo: Người phương Nam man rợ làm sao cầu Phật được? Đáp: Người thì có Bắc Nam, Phật tính thì làm gì có Nam Bắc. Con thì lam lũ dốt nát, xấu xí nghèo cùng, Hòa thượng thì uy nghi đỉnh đạc, sạch sẽ khác nhau nhưng Phật tính thì nào có sai biệt bao giờ. Tổ biết Ngài là Pháp khí⁽¹⁾ cần phải bảo vệ, tránh sự đổ kỵ nên cho Ngài ở nhà sau già gạo, bồ củi 8 tháng trời...

2. Ngài THẦN TÚ

Là vị giáo thọ sư, hàng ngày lo hướng dẫn cho đạo tràng tu học, Ngài là hình mẫu về tri thức và phẩm hạnh cho đồ chúng noi theo.

3. Hai bài kệ bất hủ.

Một hôm Ngũ Tổ bảo đồ chúng trình bày chỗ sở ngộ để Tổ xét và truyền tổ vị. Cả đạo tràng mấy trăm người không ai dám trình kệ vì nghĩ rằng Đại sư Thần Tú kế thừa xứng đáng. Ngài Thần Tú khiêm nhường nên ra phía trước hành lang viết bài kệ trên vách:

“Thân thị bồ đề thọ

Tâm như minh cảnh đài

Thời thời thường phắc thức

Vật sử nhạ trần ai”.

(Thân là cây bồ đề

Tâm như đài gương sáng

Thường siêng lau, siêng rửa

Chớ để bám bụi nhơ).

Tổ khuyên mọi người y kệ mà tu khỏi dọa ác đạo, đừng lợi ích lớn, nhưng nửa đêm Tổ gọi Ngài Thần Tú vào và cho biết: ông chỉ mới vào đến cửa chứ chưa vào được trong tòa nhà Như Lai, hãy trình kệ lại.

Hai hôm sau, Ngài Huệ Năng hỏi ra mới biết có bài kệ của Ngài Thần Tú và nhờ quan biệt giá viết hộ lên vách bài kệ của mình:

“Bồ đề bốn vô thọ

Minh cảnh diệp phi đài

Bốn lai vô nhất vật

Hà xứ nhạ trần ai”.

(Bồ đề vốn chẳng cây

Gương sáng chẳng phải đài

Xưa nay không một vật

Chỗ nào bám bụi nhơ).

☞

☞ Đọc bài kệ, đồ chúng kinh hãi, ngỡ ngàng vì hoàn toàn đối lập với bài kệ của ngài Thần Tú. Tổ liền sai người xóa và bảo chưa kiến tánh.

4. Ngài Huệ Năng được Ngũ Tổ truyền y bát

Canh ba hôm sau, hiểu được mật ý của Ngũ Tổ, Ngài Huệ Năng lên phòng Tổ. Tổ thuyết giảng kinh Kim Cang. Nghe xong Ngài Huệ Năng tác kệ rằng:

Đâu ngờ tự tính vốn thanh tịnh
Đâu ngờ tự tính vốn tự đầy đủ
Đâu ngờ tự tính vốn chẳng sinh diệt
Đâu ngờ tự tính vốn chẳng lay động
Đâu ngờ tự tính vốn sinh vạn pháp.

Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn truyền Y Bát và dặn ông là Tổ thứ 6 tổ cuối cùng của Thiền tông.

Ông về phương Nam, nên ẩn một thời gian, chờ nên thuyết giảng sớm...

Qua hai ngày Ngũ Tổ không ra thiền đường, chư tăng đến vấn an, biết Ngũ Tổ đã mật truyền y bát cho Ngài Huệ Năng nên bắt bình đuổi theo, dẫn đầu là tướng quân Huệ Minh. Khi biết có người đuổi kịp mình, Ngài Huệ Năng để Y Bát trên tảng đá lớn và ẩn mình bên trong. Huệ Minh đến lấy mà không làm sao xách lên nổi! Liền gọi:

“Hành giả, hành giả tôi vì pháp mà đến nào phải vì y”. Sư ngồi trên tảng đá thuyết giảng “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, cái

nào là bản lai diện mục của Thượng tọa Huệ Minh?” Ngay đó Thượng tọa Huệ Minh đại ngộ đánh lễ Lục Tổ. Ngài Huệ Năng bảo hai ta cùng thờ Hoàng Mai làm thầy, hãy khéo tự hộ trì.

Huệ Minh xuống núi bảo đồ chúng hãy đi tìm hướng khác. Sau đó, Huệ Minh đổi thành Đạo Minh để tỏ lòng kính trọng thầy. Lục Tổ ẩn dật 15 năm tại Tào Khê, ăn ở cùng đám thợ săn. Duyên lành đã đến, Ngài Huệ Năng đến chùa Pháp Tánh gặp sư Ấn Tông, qua trao đổi Ấn Tông biết ngài là Tổ thứ 6 liền đánh lễ. Lục Tổ cởi bỏ áo thợ săn, xuống tóc thọ cụ túc, sau đó thăng tòa giảng pháp cho Sư Ấn Tông và đạo tràng chùa Pháp Tánh... Ngài sáng lập pháp môn Đông Sơn. Ngài từ chối lời thỉnh về kinh thành của vua Đường, Ngài viên tịch ngày 25-7-715 tại Tân Châu. Các dòng thiền sau đây là hậu duệ của pháp môn Đông Sơn: Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn. Hai thiền phái Lâm Tế, Tào động có ảnh hưởng lớn với Phật giáo Việt Nam.

5. ĐỐN NGÔ, TIỆM NGÔ do đâu mà có

Trong khi Lục Tổ hoằng pháp tại chùa Bảo Lâm, Tào Khê thì Ngài Thần Tú truyền pháp giáo hóa phương Bắc. Người đời thường gọi là NAM NĂNG, BẮC TÚ hay NAM ĐỐN, BẮC TIỆM.



☞ Lục Tổ bảo đồ chúng rằng:

“Pháp vốn một tông, người có Nam, có Bắc, pháp chỉ có một, thấy có mau, chậm. pháp không có đốn tiệm, người có lợi căn, độn căn nên gọi là đốn, tiệm”.

Ngài Thần Tú chấn chỉnh tư tưởng lệch lạc của đồ chúng (cho rằng Ngài Huệ Năng không biết chữ) Ngài bảo: “Ngài Huệ Năng được trí vô sư, thâm ngộ được pháp thượng thừa, tôi không bằng vậy”. Ngài đã sai đệ tử thân cận của mình là Chí Thành đến Tào Khê học đạo.

Lục Tổ bảo với Chí Thành: “Thầy ông nói: Giới-Định-Tuệ là tiếp người đại thừa, còn tôi nói Giới-Định-Tuệ là tiếp người tối thượng thừa”.

Khi vua Đường mời Ngài Thần Tú vào kinh đô giảng pháp, Ngài đã khiêm nhường tâu với vua: “Nam phương có Ngài Huệ Năng là người mật thọ y pháp của Tổ Hoàng Nhẫn, truyền tâm ấn của Phật, Hoàng thượng thỉnh Ngài hỏi pháp”.

Lời thưa này chính xác Ngài Thần Tú có nhân cách lớn để mọi người tu chân chính ngưỡng mộ.

ĐỐN NGỘ: Thấy tánh ngay (trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật)

Đốn ngộ dành cho bậc đại căn, đại trí

Tiêu biểu: 33 vị tổ của Phật giáo.

TIỆM NGỘ: Dần dần tiếp cận chân lý

Tiệm ngộ dành cho người tiểu căn, tiểu trí

Tiêu biểu: Ngài Thần Tú + quần chúng Phật tử.

D. KẾT LUẬN

Bài kệ của Ngài **Thần Tú** cho thấy người tu chưa vào bên trong tòa nhà Như Lai nhưng đã tiếp cận chân lý, phù hợp với đại đa số quần chúng có căn tính thấp. Người tiểu căn như chúng ta theo con đường **TIỆM NGỘ** nhưng quyết tâm sẽ đến bến bờ giải thoát.

Bài kệ của Ngài **Huệ Năng** cho ta thấy Ngài đã thành Phật khi nghe câu kinh Kim Cang: “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”. Ngài đã **ĐỐN NGỘ**.

Chúng ta không ngạc nhiên khi biết rằng vào thế kỷ thứ VI, vua Lương Võ Đế và triều đình vô cảm trước bài pháp súc tích, uyên bác của Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma^(*) ■

^(*) *Pháp khí: Người có căn khí đạo đức, thọ lấy pháp Phật, truyền bá chánh pháp.*

^(**) *Vị nào cần bản Việt dịch bài giảng Pháp của Sơ Tổ hãy liên hệ ĐT: 0919462898. chúng tôi sẽ gửi tặng.*

Lời Tổ Dạy

*Ăn hạt gạo không quên người cày cấy
Có áo quần ta mặc nhớ nông phu
Trung hiếu nghĩa tứ ân thầy tổ dạy
Đạo hạnh tròn danh thơm mãi ngàn thu*

*Sanh với tử cõi Ta bà quanh quẩn
Bởi nghiệp dày xây mộng ái tình riêng
Mất bốn tánh nguyện chơn từ vạn kiếp
Thiện chẳng hành tội ác lại tăng thêm*

*Khi thức tỉnh bóng chiều nghiêng khuất núi
Cuối cuộc đời mong sám hối quay lưng
Về Tam bảo hương lòng dâng thọ giới
Nhập vườn thiền vào ngõ “Phật Pháp Tăng”*

*Nay lấy giới làm thầy tự tu sửa
Thời gian qua bao dục chướng ngập tràn
Giờ giác ngộ nguyện cải tà quy chánh
Nương bồ đề đậu bến đò sang*

*Phân thiện ác quyết tâm chân lý đạo
Sống vị tha vinh nhục thế vẫn cười
Tâm vô ngã trước vòng đời quuyến rũ
Tam nghiệp trừ kiến tánh diện Như Lai.*

● NGỌC NINH

> GÓC VƯỜN LAM

Trước tiên, xin gửi đến các anh chị huynh trưởng những lời thân phục chân thành, đầy tôn trọng và thành kính nhất. Chúc anh chị luôn luôn mạnh khỏe và tinh tấn trên bước đường tu học, để phụng sự đạo pháp và cống hiến cho dân em, góp phần xây dựng xã hội theo chánh pháp của tình thương và hiểu biết.

Đức Phật thị hiện trong cõi đời, tại xứ Ấn Độ, mà xã hội đương thời rất nhiều rối ren và đối xử phân biệt. Ngài đã từ bỏ Vương quyền, danh lợi cùng vợ đẹp con ngoan, để tìm ra con đường giải thoát khổ đau cho chúng

sanh, trong muôn vàn gian nan, vất vả. Ngài đã không ngại gian khó, đi khắp đất nước Ấn Độ để truyền bá con đường giải thoát cho chúng sanh. Cho đến giây phút cuối cùng trước khi nhập Niết bàn, Ngài đã ân cần phó chúc cho chúng đệ tử Tỳ kheo tiếp nối sứ mạng truyền trao giáo pháp giác ngộ, giải thoát của Như Lai...

Anh chị có đức tin với đức Phật và tổ chức Áo Lam nên đã dấn thân làm người Huynh trưởng, để dìu dắt, hướng dẫn các em trở thành người Phật tử chân chánh, một công dân tốt cho xã hội và người con ngoan hiền hiếu thuận cho gia đình. Thật là

vinh dự và đáng trân trọng! Nghề trưởng mà các anh chị chọn là tự nguyện, không có một ai bắt buộc, áp đặt. Cho nên, các anh chị không ngần ngại vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để đến với tổ chức mà hướng dẫn các em. Thật đáng trân trọng biết bao!

Tổ chức GĐPT là một đoàn thể trong lòng GHPGVN, lấy giáo lý Phật đà làm nền tảng tu học mà xây dựng, phát triển. Trong 49 năm đức Phật Thích Ca tùy duyên hóa độ, đã để lại không biết bao nhiêu bài học mà ngày nay gọi là Kinh điển và Giới luật. Trong đó có những lời dạy và phương pháp, nhằm giúp cho chúng

Những điều tâm huyết gửi đến anh chị áo lam

TÂM THƯƠNG



☞ sanh phát lộ trí tuệ, giải thoát phiền não, sanh tử luân hồi.

Khởi nguồn của tổ chức GDPT trong những giai đoạn hình thành phát triển, là những trang sử hào hùng, là một bản trường ca hùng dũng, là những bài học tiêu biểu sáng ngời cho những thế hệ kế thừa noi theo mà phát huy. Điềm qua tình hình hiện nay, anh em chúng ta cũng đáng tự hào cho tổ chức GDPTVN là đã phát triển khắp nơi, từ vùng miền núi xa xôi đến hải đảo mênh mông và lan tỏa khắp cả các châu lục trên thế giới. Tuy nhiên, qua những thực tiễn gần đây cho thấy, điển hình là những buổi sinh hoạt hội họp và trại trường đã biểu hiện sự suy thoái của một bộ phận anh chị Trưởng trong tư cách, lời nói và việc làm. Nó phản ánh một thực tế cho thấy, nền tảng căn bản tu học trong tổ chức đã và đang bị mai một. Đồng nghĩa với sự thoái hóa đó, có chủ trương “Đổi mới chương trình tu học và sinh hoạt GDPT”, nhưng đã gần 10 năm rồi vấn đề ấy vẫn còn bàn luận trên giấy tờ. Vì sao như thế?

1- Có phải cơ cấu và hệ thống giáo trình của ta chưa ổn định.

2- Có phải đội ngũ anh chị đã già cỗi, không bắt kịp trào lưu tiến bộ của xã hội.

3- Có phải các hoạt động trong sinh hoạt của chúng ta, không phù hợp với hiện tại.

4- Có phải chúng ta đã xa

rời NGŨ MINH PHÁP, hay nói cho đúng hơn là anh chị đã chưa sống đúng với GIỚI - ĐỊNH - HUỆ, chưa thực hiện tốt châm ngôn BI - TRÍ - DŨNG để hoàn thành sứ mệnh mà tổ chức và Giáo hội đã giao phó.

Năm mới Bính Thân,

nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho các anh chị thân tâm thường an lạc, tinh tấn tu học, thống nhất ý chí, hướng dẫn em trên tinh thần hiểu và thương, phát huy Đạo pháp, phụng sự Giáo hội, góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp. Chào tinh tấn■



LỄ CƯỚI CỦA ĐỒNG BÀO M'NÔNG GAR

 Bài, ảnh: TRƯƠNG BI
NNC Dân tộc học

A đồng bào M'Nông Gar từ bao đời nay cư trú chủ yếu ở huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk và một số bon làng thuộc tỉnh Đắk Nông dân số hiện nay có khoảng trên 40.000 người, đời sống canh tác chủ yếu bằng nương rẫy. Trong những năm qua, tuy bị ảnh hưởng về mặt trái của nền kinh tế thị trường và ảnh hưởng của văn hóa đương đại, nhưng đồng bào M'Nông Gar vẫn giữ được những phong tục tập quán giàu bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Hàng năm, vào dịp kết thúc một mùa rẫy là các bon làng của đồng bào M'Nông Gar từng bước bước vào mùa lễ hội gắn với nghi lễ vòng đời người, nhằm tạ ơn các vị thần linh, tổ tiên, ông bà đã phù hộ cho con cháu một mùa rẫy bắp lúa đầy bồ, heo bò đầy sân. Trong các nghi lễ này có lễ cưới được mọi người trong cộng đồng quan

tâm hơn cả. Đồng bào M'Nông Gar, hiện nay không còn tục gái hỏi chồng, theo truyền thống của gia đình mẫu hệ nữa, mà thay vào đó là phong tục “phụ hệ” (trai hỏi vợ). Để có một lễ cưới truyền thống theo phong tục, đôi trai gái phải thực hiện các nghi lễ như sau:

- Lễ đàm hỏi (kep môi):

Trong cuộc sống lao động, sinh hoạt, giao lưu với bạn bè cùng buôn làng, sau khi đã chọn được bạn gái vừa ý, chàng trai liền thưa với cha mẹ để xin phép được xây dựng gia đình. Sau khi được cha mẹ đồng ý, thì nhà trai nhờ ông cậu hoặc nhờ ông mối trong dòng họ mang lễ vật đi đến nhà gái để thực hiện lễ đàm hỏi cho con trai mình. Lễ này thường được thực hiện vào buổi tối (khoảng 20-21 giờ), nếu bị nhà gái từ chối thì nhà trai không phải xấu hổ với buôn làng. Đến nhà gái, nhà

trai đặt lên chiếc nia một tô gạo trắng, một con gà mái nướng chín vàng, một chuỗi cườm đeo cổ, một chiếc váy mới dệt. Ông cậu thay mặt nhà trai đặt vấn đề với nhà gái để hỏi vợ cho cháu trai mình. Nhà gái cử ông cậu ra tiếp lễ và yêu cầu nhà trai đọc gia phả (Rõ yau) của dòng họ nhà trai. Sau đó, nhà gái cử ông cậu đọc gia phả của dòng họ mình. Nếu hai bên không cùng một bà tổ, không cùng một dòng họ thì cho phép đôi trai gái được kết hôn với nhau. Tuy vậy, trước khi nhận lễ của nhà trai, cha mẹ cô gái hỏi con gái mình một lần nữa, nếu cô gái đồng ý thì mới nhận lễ. Rồi cha mẹ cô gái bưng ra một ché rượu lớn để làm lễ nhận lời hứa hôn. Thấy cúng đại diện cho nhà gái lấy cần hút ra một tô rượu cần pha tiết gà trống rồi bôi lên cột nhà chính, thần đá bếp, kho thóc, thần đá cửa nhà... khấn báo với các thần linh, tổ tiên về việc nhà gái đã nhận lời hứa hôn với nhà trai. Sau đó, hai bên cùng nhau uống rượu vui vẻ và chọn ngày làm lễ hỏi.

- Lễ hỏi vợ (Să ur):

Sau lễ đàm hỏi một năm, gia đình nhà trai tiến hành làm lễ hỏi vợ cho con trai mình gọi là lễ Să ur (tiếng M'Nông Gar: Să là hỏi; Ur là vợ; Să ur là hỏi vợ). Trong lễ này, nhà trai chuẩn bị hai ống đựng măng



Nhà trai, nhà gái gặp nhau trong Lễ đàm hỏi

chuối (dưng mpa), một chuỗi cườm (mai), một vòng đồng (kông) và cử một đoàn đi đến nhà gái. Đến nhà gái, nhà trai đặt mọi lễ vật lên một cái nia và xin phép nhà gái được làm lễ hỏi vợ cho con trai mình. Bên nhà gái cử ông cậu tiếp nhận lễ vật và chấp thuận cho nhà trai được làm lễ hỏi vợ. Tiếp đến, bà mối bên nhà trai đeo chuỗi cườm cho cô gái, và đeo vòng bạc vào cổ chàng trai. Với nghi thức này, hai bên nhà trai và nhà gái công nhận đôi trai gái chính thức trở thành vợ chồng. Lúc này nhà gái mang ra một ché rượu lớn và một con gà trống thiến để làm lễ báo với thần linh, tổ tiên, ông bà. Rồi thầy cúng lấy rượu cần pha tiết gà bôi lên trán đôi trai gái nhằm công nhận đôi vợ chồng trẻ là người cùng một nhà, như “chim đã có đôi”, như “ché rượu đã cấm cần”, như “bếp đã có nôi” không thể chia lìa nhau được. Sau nghi lễ này, hai gia đình cùng nhau uống rượu và bàn chuyện lễ cưới cho đôi trai gái.

- Lễ cưới bên nhà gái (nar tām sai):

Sau lễ hỏi khoảng 10 ngày, thì hai bên nhà trai, nhà gái cùng làm lễ cưới cho con mình. Đầu tiên là lễ cưới tại nhà gái. Nhà gái chuẩn bị 100 gùi gạo giã trắng như bông, 100 ché rượu, thui một con bò, ba con heo để cúng thần linh, tổ tiên, ông bà và đãi bà con hai họ cùng bà con gần xa; đồng thời chuẩn bị 50 cái tô, 50 cái chén, 50 chuỗi cườm để

làm quà tặng cha mẹ và bà con dòng họ chú rể.

Lễ vật nhà trai mang qua nhà gái gồm có: sáu ché rượu lớn (yang pro); 50 ống nửa đựng măng chua với da trâu (dưng mpar) trong đó có một ống cao và một ống thấp tượng trưng cho đôi vợ chồng; một chuỗi cườm (mai); một cây xà gạc (wiah); một con dao nhỏ (pêh); một cái cuốc nhỏ (wăng), tất cả đựng trong một cái gùi và được trang trí những tua bông chỉ màu khá rực rỡ. Lễ vật của nhà trai mang qua nhà gái còn có một con heo lớn (dài khoảng 7 gang tay), một con gà trống thiến, 10 gùi gạo để nhà gái làm lễ cúng tổ tiên, ông bà và đãi khách trong ngày cưới.

Vào lễ: Nhà gái thực hiện nghi thức bôi tiết heo pha rượu cần lên các lễ vật của nhà trai mang đến. Tiếp đến là nghi thức trao lễ vật, ông mối nhà trai thưa với nhà gái: hôm nay

nhà trai thực hiện đúng lời giao ước trong lễ hỏi vừa rồi, nay mang lễ vật đến xin cưới con gái của ông bà, chúng tôi có chút lễ mọn xin nhà gái nhận cho. Ông cậu nhà gái đáp lễ: Nhà trai đến đúng thời gian đã quy định, lễ vật đầy đủ theo yêu cầu, họ nhà gái chúng tôi đồng ý nhận lễ của họ nhà trai. Sau nghi thức trao lễ vật, thầy cúng bên nhà gái làm lễ dâng rượu lên tổ tiên, ông bà và thần bảo vệ sức khỏe, hạnh phúc cho đôi trai gái (yang dlăng sãh jăl), thần mẹ sinh, cha dưỡng của đôi trai gái (yang mei bả bap rông), rồi mời cha mẹ chú rể, cô dâu uống rượu. Tiếp đến là nghi thức căn dặn đôi trai gái (ndăp ntăn). Trong nghi thức này, cha mẹ hai bên căn dặn cô dâu, chú rể ăn ở hòa thuận, thương yêu nhau, siêng năng công việc rẫy nương, tôn trọng ông bà, cha mẹ, anh chị em, cô đi chú bác, họ hàng hai bên, ☸



Nhà trai và nhà gái gặp mặt nhau trong lễ cưới.

sống hòa thuận với bon làng. Tiếp đến là nghi thức cụng đầu (tăm ndâm bôk). Trong nghi thức này hai ông cậu của hai bên kể gia phả của dòng họ mình, nêu những gương tốt của tổ tiên, ông bà cho đôi trai gái học tập. Trong lúc đôi trai gái đang nghe kể gia phả say sưa, thì bất ngờ ông mối xô đầu cô dâu, chú rể chạm vào nhau thật mạnh. Đầu của hai người va càng mạnh thì càng tốt (với ý nghĩa tâm đầu, ý hợp). Tiếp đến đôi trai gái thực hiện nghi thức uống rượu và đút cơm cho nhau, trong đó có việc uống chén ột pha rượu, với ý nghĩa dù cuộc sống có gặp nhiều cay đắng, gian lao vất vả, nhưng không thể làm lung lay tình nghĩa thủy chung của họ. Sau nghi thức này là nghi thức mời cơm cha mẹ hai bên (kăp siêm) thể hiện sự báo hiếu của đôi bạn trẻ đối với cha mẹ. Tiếp đến là nghi thức tung gà (rô tô iêr) thể hiện sự xin lỗi của chủ nhà về những gì sơ suất trong đám cưới con mình. Rồi đến nghi thức mời rượu, đây là nghi

thức đãi khách đến mừng đám cưới của nhà gái. Lúc này mọi người vừa uống rượu vừa ăn thịt, ăn cơm, giao lưu vui vẻ, ai cũng đến đeo vào tay cô dâu, chú rể những chiếc vòng đồng với ý nghĩa chúc mừng đôi bạn trẻ sống hạnh phúc. Cuối cùng là nghi thức tiễn nhà trai ra về (yôh brê). Lúc này tiệc cưới đã kết thúc, khách đã ra về. Nhà gái mang ra một con gà, một ché rượu làm lễ tiễn đưa nhà trai ra về. Nhà gái có đôi lời xin lỗi nhà trai về sự sơ suất trong khi tổ chức lễ cưới, mong nhà trai thông cảm. Con heo (lễ vật của nhà trai mang qua), nhà gái xin gửi lại, nhưng nhà trai chỉ nhận một nửa cái đầu heo, rồi vui vẻ xin phép nhà gái ra về.

Sau lễ cưới ở nhà gái được ba ngày là lễ cưới bên nhà trai (rô đơk sắk): các nghi thức lễ cưới bên nhà trai cũng giống như những nghi thức lễ cưới bên nhà gái. Cụ thể như lễ: dâng lễ vật, dâng rượu, mời cơm cha mẹ, đôi vợ chồng trẻ uống chén rượu pha ột - ăn chung mâm cơm, lời căn dặn

của cha mẹ, tung gà, mời rượu, tiễn nhà gái ra về. Trước khi chia tay nhà gái, nhà trai mang ra con heo cúng (của nhà gái mang đến) trao lại cho nhà gái. Nhà gái chỉ nhận một nửa đầu heo (như nhà trai đã nhận hôm trước bên nhà mình). Rồi nhà gái xin phép nhà trai ra về. Còn cô dâu ở lại bên nhà chồng trong vòng 7 ngày. Trong bảy ngày này cô dâu được nhà trai dẫn đi thăm bà con, họ hàng bên nhà trai, đồng thời hòa mình vào cuộc sống gia đình nhà trai, như nấu cơm, giã gạo, làm rượu, dệt vải, lên rẫy, đi rừng kiếm củi, hái măng...

Sau một tuần, cha mẹ cô dâu mang lễ vật (một con gà, một ché rượu) sang nhà trai xin đón đôi trai gái về ở nhà mình. Nhà trai làm con heo đãi nhà gái rồi đưa tiễn đôi vợ chồng trẻ về nhà gái trong tình cảm yêu thương quyến luyến. Qua lễ cưới này chúng ta cảm nhận được rằng: Tuy vai trò mẫu hệ bị phai mờ trong quá trình tìm hiểu và tiến đến hôn nhân của đôi trai gái M'Nông Gar, nhưng cuối cùng đôi trai gái lại về sống bên nhà gái. Như vậy, nó chứng tỏ vai trò mẫu hệ vẫn còn ảnh hưởng trong phong tục tập quán của người M'Nông Gar nói riêng và các tộc người M'Nông nói chung.

Lễ cưới của đồng bào M'Nông Gar là một phong tục đẹp thuộc hệ thống nghi lễ vòng đời người. Đây là một phong tục đầy tính nhân văn, giàu bản sắc văn hóa, cần được gìn giữ, phát huy trong đời sống cộng đồng.



Nghi thức bôi rượu pha tiết heo lên trán đôi trai gái trong lễ cưới.

Không có stress có lẽ con người cũng không thể tồn tại. Thế nhưng, vượt ngưỡng đến một mức nào đó thì con người cũng... không thể tồn tại, bởi chính stress gây ra nhiều thứ bệnh về thể chất và tâm thần, nên rất cần biết cách “xả” stress trong cuộc sống đầy căng thẳng, âu lo hiện nay.

Stress là một phản ứng bảo vệ, khi cơ thể bị một mối đe dọa, mối nguy hiểm xảy đến cho nó. Người ta gọi nó là phản ứng (hay đáp ứng) “chiến đấu hoặc bỏ chạy” (fight or flight response), nghĩa là trong tình huống đó, chỉ có hai cách để chọn lựa: chiến đấu để sinh tồn hoặc bỏ chạy để... sinh tồn!

Lúc đó, cơ thể phải huy động toàn lực để đối phó. Não thùy sẽ ra lệnh tiết các kích thích tố cần thiết, nào adrenaline, nào norepinephrine, cortisol... ồ ạt đổ vào máu. Tim đập nhanh để bơm máu về các cơ bắp lớn, phổi hở hển tăng tốc bơm oxy, đường huyết vọt lên cao, nhằm tăng cường khả năng năng lượng, đồng tử mắt nở to để nhìn cho rõ, tai vểnh lên, mũi phồng ra... Tóm lại, mọi thứ đều phải trong tư thế sẵn sàng. Trong lúc các mạch máu lớn chuyển máu đến các bắp cơ thì

mạch máu nhỏ ngoại biên co thắt lại, để nếu có bị thương thì máu cũng không bị mất nhiều... Vì thế mà Stress cấp tính có những phản ứng mạnh hơn ta tưởng. Một người đang đứng trước chuồng cọp, thấy cọp sống chuồng thì... phân, nước tiểu tóe ra mà không hay, tay chân bủn rủn, ngất xỉu. Nguy cơ qua đi, hiểm họa chấm dứt thì mọi thứ lại trở về trật tự cũ. Tim đập chậm lại, hơi thở điều hòa, bắp cơ buông xả. Nếu sự đe dọa không mãnh liệt nhưng cứ dồn dập, hết lớp này tới lớp khác, đến một lúc vượt quá mức chịu đựng gọi là “mất bù” thì sẽ tạo ra những hiệu ứng âm thầm gây tác hại không lường được lên thể chất và tâm thần của ta.

Thời đại ngày nay, con người ít có dịp chiến đấu một mất một còn trước thú dữ hay trước “hòn tên mũi đạn” như xưa. Nhưng con người ngày nay lại phải thường xuyên đối đầu với những “hòn tên mũi đạn” còn nguy hiểm hơn, kiểu “bề ngoài thơn thớt nói cười / bề trong nham hiểm giết người không dao”. Stress vượt qua ngưỡng lúc nào không hay và dẫn tới vô số bệnh tật mà bác sĩ cũng phải bó tay, đành gán cho những cái tên mơ hồ như “rối loạn chức năng”, “mệt mỏi kinh niên”, “rối loạn thần kinh thực vật”... Đại học Y khoa Harvard ước tính có từ 60% - 90% bệnh nhân (ở Mỹ) tìm đến bác sĩ là do stress.

Stress liên quan đến rất nhiều bệnh lý như nhồi máu cơ tim, tăng huyết áp, tiểu đường, suyễn, đau nhức kinh niên, mất ngủ, dị ứng, nhức đầu, đau thắt lưng, một số bệnh ngoài da, ♪

Xả Stress Không phải uống thuốc

✍ BS ĐỖ HỒNG NGỌC

⚡ ung thư, tai nạn thương tích, tự tử, trầm cảm, giảm miễn dịch v.v... Tóm lại là rất phức tạp. Bác sĩ nếu không quan tâm đúng mức - đau đầu chữa đó - thì chỉ chữa được triệu chứng bên ngoài còn cái gốc sâu thẳm bên trong là stress vẫn không được giải tỏa, bệnh vẫn cứ luẩn quẩn loay quanh, chuyển từ “bệnh” này qua “bệnh” khác, và do đó, chất lượng cuộc sống bị giảm sút rõ rệt. Nhiều khi ta tưởng cholesterol xấu tăng cao trong máu là do thức ăn, nhưng không phải, do stress nhiều hơn! Tiểu đường tưởng do ăn nhiều chất ngọt, thực ra do stress nhiều hơn. Ta thấy đời sống càng căng thẳng, bệnh tiểu đường càng phát triển mạnh!. Ở nước ta mới mấy năm trước, tiểu đường chỉ lai rai, bây giờ thì... “năm sau cao hơn năm trước”, lan tràn cả ở thành thị lẫn nông thôn! Các nghiên cứu trên thế giới cũng cho thấy vào thời kỳ khủng hoảng kinh tế, người làm việc ở những khu vực dễ bị sa thải thì chết vì tim mạch, tai biến mạch máu não cao gấp đôi các khu vực khác...!

Stress thay đổi từ người này sang người khác. Cùng một sự việc, với người này thì nổi điên lên còn với người kia chỉ là một trò cười, với người này là cả một sự sụp đổ, với người kia là một bài học... Cùng là con ông bà “viên ngoại họ Vương”, cùng “sắm sửa bỏ hành chơi xuân, mà Thúy Kiều thì khóc suốt mười, thở than, nằm mộng, làm mười khúc đoạn trường đầy nước mắt trong khi Thúy Vân ngạc nhiên sao chị mình “kỳ cục” vậy! Hẳn là bên trong Thúy Kiều có cái gì đó khác với Thúy Vân, bởi bên ngoài thì cả hai đều “mười phần vẹn mười” cả.

Người dễ bị stress là người thường có tính quá lo lắng, cầu toàn, hay tự chỉ trích, thiếu quyết đoán, hay do dự... Nếu bị thêm sức ép từ bên ngoài thì dễ suy sụp, dễ bị vượt ngưỡng! Nhiều học sinh học giỏi mà thi rớt cho là “học tài thi phận” một phần chính là do stress! Gia đình kỳ vọng nhiều quá, tạo một áp lực vô hình, khiến em không còn là chính mình nữa.

Những dấu hiệu sớm để nhận biết stress là có vấn đề về trí nhớ như hay quên, mất định hướng, thường hoang mang... Về cảm xúc thì dễ dao động, bứt rứt, dễ bị kích động, tâm tính bất thường, hay cáu gắt, lúc nào cũng có cảm giác bị tràn ngập, rất khó tìm được sự thư giãn. Trong lúc nghỉ ngơi mà vẫn cứ lo lắng, thậm chí còn lo lắng nhiều hơn!

Các triệu chứng về thể chất dễ nhận ra như nhức đầu, đau lưng, rối loạn tiêu hóa, buồn nôn, chóng mặt... Đặc biệt, đau cột sống cổ hay cột sống thắt lưng. Cứ tưởng là loãng xương, là gai cột sống, là thoát vị đĩa đệm gì gì đó, thực ra gốc ở stress.

Người bị stress dễ bị bệnh vật, cảm cúm triền miên vì sức đề kháng giảm sút đáng kể, dễ bị mất ngủ, tức ngực, tim đập nhanh và... dễ nổi mụn, nổi chàm trên da. Không có gì ngạc nhiên vì ở trong phôi thai, não và da vốn cùng xuất phát từ một lá mầm ngoại bì (ectoderme). Não mà bất an thì da cũng nhàn nhúm, nổi mụn, nổi chàm, chữa hoài không khỏi, thoa mỹ phẩm đắt tiền cũng vô ích. Não ⚡



☞ mà an vui thì da cũng tươi nhuận, hồng hào, sáng láng.

Người bị stress còn hay có những hành vi bất thường như tự dừng thêm ăn, ăn hoài, lên cân đột ngột; hoặc bỗng nhiên bỏ ăn, sụt ký đột ngột... Có người còn đi qua đi lại, đi tới đi lui, cắn móng tay, nhai nhóp nhép. Các huấn luyện viên bóng đá, ông nào cũng hay đi qua đi lại, đi tới đi lui, nhai nhóp nhép “sinh-gôm” hoặc phì phèo thuốc lá liên tục giữa lúc hai đội bóng vờn nhau trên sân. Họ bị stress. Nhưng đó là một thứ stress cấp, coi căng vậy mà hiền, chóng qua, hết trận đấu là xong, lại bắt tay nhau vui vẻ! Còn cái thứ stress nhai nhóp nhép kiểu “gặm một khối căm hờn trong cũi sắt”... mới là thứ stress nặng, mạn tính, triển miên, sinh đủ thứ chuyện.

Phòng bệnh hơn chữa bệnh.

Nguyên tắc là đừng tự đòi hỏi mình phải luôn hoàn hảo, phải luôn luôn đúng!

Cũng đừng bao giờ so sánh mình với người khác. Con vịt là con vịt mà con gà là... con gà. Con gà mà đại đột so với con vịt thì sẽ chìm ngấm trong nước! Lục súc tranh công không thể nào vui được! Một khi đã so sánh thì dù hơn, dù kém, dù ngang bằng cũng đều khổ!

Nên tránh những kẻ chuyên “phun” nọc độc! Họ rất sung sướng khi “tiêm” được nọc độc cho kẻ khác. Tránh những kẻ nhỏ mọn, đố kỵ, “đâm bị thóc, thọc bị gạo”.

Bói ra ma quét nhà ra rác, mê tín dị đoan... làm ta căng thẳng lo lắng vô lối. Một lời nói, một cử chỉ của thầy thuốc cũng có thể gây stress trầm trọng không ngờ. Bác sĩ

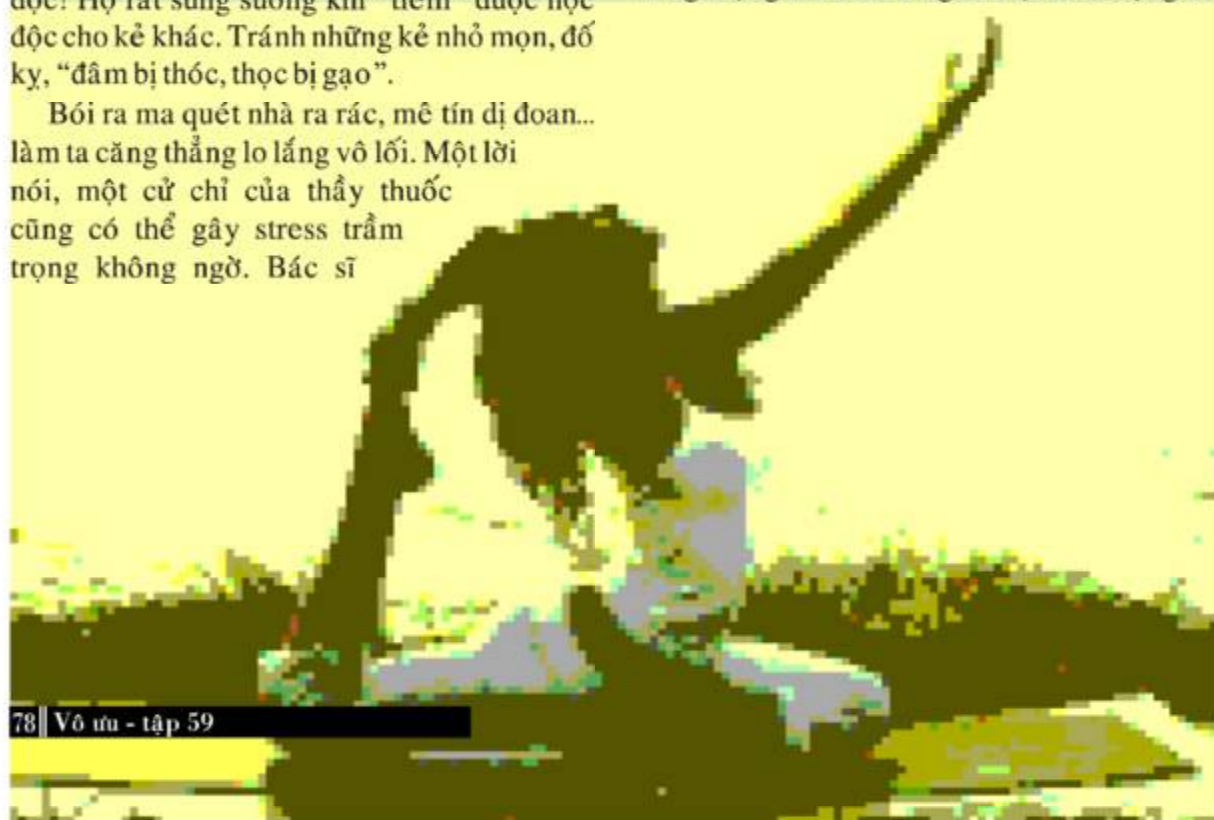
vừa xem phim X quang vừa lắc lắc cái đầu đủ cho bệnh nhân thót tim, nhưng thực ra chỉ vì bác sĩ mỗi cổ do cả đêm thức coi bóng đá. Bác sĩ chỉ cần “phán” một câu mơ hồ như tim hơi lớn, gan hơi yếu, phổi hơi dơ... đủ cho bệnh nhân sống trong hoang mang ám ảnh dài lâu. Lời nói của bác sĩ không chỉ mang thông tin, mà còn truyền cảm xúc, gây stress, bởi người bệnh luôn ở trong một trạng thái tâm lý rất nhạy cảm khi tiếp xúc với thầy thuốc.

Có nhiều cách “xả” stress!

Nguyên tắc chung là phải làm một cái gì đó cho năng lượng bị dồn nén trong stress có chỗ “xì” ra, thoát ra.

Nhậu nhẹt, hút thuốc lá, ma túy... cũng là một cách xả stress, nhưng rõ ràng là có hại, “chạy ô mồ mắc ô mả”!

Nhảy múa, ca hát, viết nhật ký, viết blog... là những cách xả stress tốt. Nói chuyện tào lao (tám) cũng là một cách xả stress... , miễn là đừng có “chuyển lửa” từ người này qua người khác! Thực ra, nói ra được với ai đó, một bạn thân thiết, một người có khả năng lắng nghe, một người sẵn sàng làm “thùng rác” cho mình thì mình sẽ cảm thấy nhẹ gánh! Không có bạn bè để tâm sự thì có thể tâm sự cùng tượng đá. Trãi lòng ra một lúc, tượng đá ☞



“cũng xiêu. “Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau” là vậy! “Chửi chó máng mèo”, “Giận cá chém thớt” cũng được. Đập bể mấy cái ly, cái đĩa... cũng hay! Có điều nên chọn trước một ít ly tách, chén đĩa mẻ, để dành sẵn, khi nào cần thì đập nghe vừa rôm rả vừa đỡ tốn kém!

Ta vẫn thường nói: “Xả xú bấp”, “xả hơi” đó thôi...

Tóm lại, đừng có ngồi đó mà gậm nhấm, suy nghĩ vẩn vơ. Giặt đồ, nấu ăn, rửa chén, lau nhà gì cũng tốt. Chạy bộ, đánh đấm, la hét, khóc lóc... cũng được. Đọc sách, xem phim càng hay, miễn là biết chọn phim, chọn sách!

Thấy người chồng trần trọc mãi không ngủ được, lăn qua lộn lại cả đêm, người vợ hỏi có chuyện gì vậy anh? “Anh mắc nợ anh John hàng xóm một số tiền, hẹn ngày mai trả mà không có một xu dính túi!”. Người chồng đau khổ nói. Lập tức bà vợ tung mền dậy, chạy ra bờ rào gọi với sang nhà hàng xóm: “Anh John ơi, ngày mai chồng tôi chưa có tiền trả cho anh đâu nhé!”. Xong, bà quay vào bảo chồng: “Anh yên tâm ngủ đi, bây giờ là lúc để cho anh John trần trọc”. Cô vợ đã rất thông minh! Cô đã “chuyển lửa” từ chồng mình sang ... chồng hàng xóm. Chắc chắn anh John sẽ trần trọc cho tới sáng, còn ông chồng cô sẽ ngủ ngon! “Chuyển” như vậy vẫn chỉ là ở bên ngoài. Chuyển bên trong hay hơn. Chuyển

xưa kể bà mẹ già có hai cô con gái, một cô bán dù, một cô bán giày vải. Cô bán dù sống nhờ những ngày mưa, cô bán giày làm ăn khá nhờ những ngày nắng ấm. Bà mẹ lo buồn cho cô bán giày suốt những ngày mưa và đau khổ cho cô bán dù ngày nắng ráo. Có người biết chuyện khuyên bà sao không làm ngược lại, mừng cho cô bán dù ngày mưa và mừng cho cô bán giày ngày nắng?

Não ta có một đặc điểm lý thú là không thể cùng lúc nghĩ tới hai việc. Đã nghĩ điều này thì quên điều kia. Và người ta đã “lợi dụng” đặc điểm này để dịch chuyển các điểm tập trung trên vỏ não từ vùng này sang vùng khác. Chẳng hạn đang giận sôi lên thì... xảy ra động đất hay cháy nhà, lập tức vùng “giận sôi” của vỏ não tắt ngấm để nhường chỗ cho vùng sợ hãi. Ta biết giận dữ hay sợ hãi đều tiêu tốn rất nhiều năng lượng. Nó có thể làm ta kiệt sức, suy sụp, thở không ra hơi... Có thể chọn cách nào khác chuyển dịch hay hơn, có lợi cho sức khỏe hơn chăng? Có đó:

Đó là cách thở sâu, thở bụng, đưa hơi xuống huyết... đan điền (dưới rốn chừng 4 cm). Nó giúp làm cho ta tĩnh tâm lại, nó chuyển dịch vùng căng thẳng ở vỏ não qua vùng êm ái của... cái rốn, với điều kiện là phải để tâm quan sát xem cái hơi thở đó nó vào ra lên xuống ra sao.

Khi chú tâm vào hơi thở, lắng nghe hơi thở, quan sát nó, dòm ngó nó, nghiền ngẫm nó... thì ta đã đánh “lạc hướng” cảm xúc ta rồi! Vỏ não khi đã tập trung vào hơi thở thì “quên” tập trung vào các chuyện linh tinh khác.

Cách đơn giản này có khả năng giải stress rất tốt. Tập luyện đúng mức, não thùy sẽ tiết ra một kích thích tố gọi là endorphine, một thứ á-phiện nội sinh, làm cho dịu nhẹ toàn thân, tạo sự sảng khoái, lâng lâng, mà không gây tác dụng phụ ■



Đại lễ cầu siêu Anh hùng liệt sĩ trên các Mặt trận Tây Nguyên

Nhân kỷ niệm 41 năm Giải phóng miền Nam, Thống nhất đất nước (30.4.1975 - 30.4.2016). Được sự nhất trí của Ban Tôn giáo Chính phủ và UBND tỉnh Đắk Lắk; Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp với Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk tổ chức Đại lễ Cầu siêu cho các anh linh Anh hùng Liệt sĩ đã hy sinh trên các Mặt trận Tây Nguyên tại Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đắk Lắk.

Lễ khai mạc vô cùng trọng thể vào sáng ngày 29/4/2016, với sự chứng minh và tham dự của Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch Hội đồng Trị sự và chư Tôn Hòa thượng giáo phẩm trong Ban Thường trực HĐCM, HĐTS và các Ban, ngành, viện Trung ương GHPGVN. Chư Tôn giáo phẩm Ban Trị sự các tỉnh Tây Nguyên. Thượng tọa Thích Châu Quang, Ủy viên HĐTS, Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh và chư Tôn giáo phẩm Ban Trị sự tỉnh, các Huyện Thị cùng toàn thể Tăng Ni trong tỉnh.

Về phía lãnh đạo Đảng, Chính quyền, Mặt trận địa phương, có: Trung tướng Triệu Xuân Hòa, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, Ông Bùi Hữu Dực, Vụ trưởng Vụ Phật giáo BTGCP, Ông Trương Văn Ty, Vụ trưởng Vụ Dân tộc Tôn giáo/BCĐTN, Bà H'Kim Hoa Byă, Thường vụ Tỉnh ủy - Trưởng ban Dân Vận, Bà H'Yim Kđok, PCT. UBND tỉnh, Ông Thanh Hà Niê K'Đăm, TV Tỉnh ủy-Bí thư Thành ủy Buôn Ma Thuột cùng lãnh đạo các Sở, Ban ngành, Đoàn thể của tỉnh, thành phố; Các vị nguyên là lãnh đạo o Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh, Thành phố qua các





thời kỳ. Đại tá CCB Nguyễn Trọng Hàm, 96 tuổi - Trưởng ban Truyền thống Bất tử Anh hùng, Trung tá Nguyễn Văn Vy, Trưởng ban liên lạc Đoàn 3 CCB Chiến dịch Lịch sử VN cùng gần 1.000 CCB, Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình TBLS, gia đình có công với Tổ quốc, các vị lão thành Cách mạng. Đặc biệt có sự hiện diện của Ông Võ Điện Biên và Võ Hoài Nam, con trai của Cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp và hơn 4.000 Phật tử trong tỉnh và các tỉnh phía Bắc đã về tham dự Đại lễ. Các phóng viên thông tấn, báo đài của Trung ương và địa phương đã đến dự và đưa tin sự kiện này.

Đại lễ được diễn ra trong 3 ngày 29, 30/4 và 01/5/2016 (nhằm ngày 23 - 25/3/Bính Thân) với nhiều nghi lễ Phật giáo: tuyên sớ cầu siêu, dâng đàn chẩn tế, tụng kinh, niệm Phật A Di Đà... Với tất cả tâm lực, trí lực và đạo lực của đại chúng Tăng Ni cùng toàn thể Pháp hội đã nhất tâm cầu nguyện anh linh Anh hùng liệt sĩ được siêu sinh về cõi tịnh lạc. Đồng thời cầu nguyện cho Tổ quốc Việt Nam được thái bình, thịnh trị; đồng bào các dân tộc đoàn kết, yêu thương và ấm no hạnh phúc. Ngoài ra, thể hiện lòng “**tri ân và báo ân**” đối với người đã nằm xuống cho Tổ quốc được hòa bình, thống nhất, độc lập tự do hôm nay, các vị lãnh đạo Đảng, Chính quyền, Mặt trận và đồng bào các giới đã dâng hoa, thắp hương và đốt nén tưởng niệm tại mộ phần của 2.159 Liệt sĩ đang an giấc ngàn thu tại Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đắk Lắk, đồng thời cầu nguyện cho 1.498 anh linh Anh hùng Liệt sĩ tại nghĩa trang các Huyện, Thị xã trong tỉnh ■

● Ban TTTT Phật giáo Đắk Lắk

(Thông tin chi tiết đã được đăng tải trên Website www.phatgiaodaklak.org)

LỄ TƯỜNG NIỆM HÚY NHẬT LẦN THỨ I CỐ HÒA THƯỢNG THÍCH GIÁC DŨNG

Sáng ngày 25.2 năm Bính Thân (nhằm ngày 02.4.2016), Tịnh xá Ngọc Quang, TP. Buôn Ma Thuột tổ chức Lễ tưởng niệm húy nhật lần thứ I cố Hòa thượng Thích Giác Dũng, nguyên Ủy viên Thường trực HĐCM GHPGVN, Chứng minh BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk, Trưởng Giáo đoàn III Hệ phái Khất sĩ, Viện chủ Tịnh xá Ngọc Quang.

Trước giờ chính thức diễn ra nghi thức tưởng niệm, chư Tôn đức Tăng Ni Giáo đoàn III đã trì bình khất thực tạo phước lành cho Phật tử Buôn Ma Thuột gieo duyên với Tăng bảo, đồng thời góp phần công đức tưởng niệm cố Hòa thượng.

Trong thời gian này, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh do HT. Thích Giác Thanh, Chứng minh BTS dẫn đầu Tiểu ban Hướng dẫn Phật tử dân tộc ít người do ĐĐ. Thích Minh Đăng, Trưởng Tiểu ban dẫn đầu. Chư Tôn đức Tăng Ni trụ trì các Chùa, Thiền viện, Tịnh xá tại TP. Buôn Ma Thuột và các huyện lân cận đã đến dâng hương tưởng niệm. Quý vị, nguyên là lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo Tây Nguyên cũng đã đến dâng hương tưởng niệm cố Hòa thượng.

Lễ tưởng niệm diễn ra tại giảng đường Minh Đăng Quang - Tịnh xá Ngọc Quang dưới sự chứng minh tham dự của: HT. Thích Giác Tường, Ủy viên Thường trực HĐCM GHPGVN, Chứng minh HPKS. HT. Thích Giác Thanh, Chứng minh BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk, Trị sự Trưởng Giáo đoàn II HPKS. HT. Thích Giác Chí, Ủy viên HĐTS GHPGVN, Phó Trưởng ban Thường trực BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk. HT. Thích Giác Hùng, Chứng minh Giáo đoàn III. HT. Thích Giác Tấn, Chứng minh Giáo đoàn III. HT. Thích Giác Phùng, Phó Trị sự Trưởng GD III. NT. Thích Nữ Hiệp Liên, Phó Phân

ban Đặc trách Ni giới GHPGVN tỉnh Gia Lai, Trưởng ban Quản sự Ni giới Giáo đoàn III cùng sự hiện diện chứng minh của chư Tôn đức Tăng Ni GD III và hàng ngàn Phật tử trong và ngoài tỉnh về dự lễ ■

● **THIỆN HẢI**

LỄ TƯỜNG NIỆM BÁCH NHẬT CỐ THƯỢNG TỌA THÍCH ĐỒNG CHI

Ngày 27.02 năm Bính Thân (nhằm ngày 04.4.2016) Ban Trị sự GHPGVN huyện Krông Bông và môn đồ pháp quyến long trọng tổ chức Lễ tưởng niệm Bách nhật cố Thượng tọa Thích Đồng Chi, nguyên Ủy viên Ban Thường trực Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk, Chứng minh Ban Trị sự GHPGVN huyện Krông Bông, Trụ trì chùa Thạch Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông.

Đến chứng minh và tham dự có TT. Thích Châu Quang, UV HĐTS, Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk. HT. Thích Giác Chí, UV HĐTS, Phó Trưởng ban Thường trực BTS. TT. Thích Giác Tiến, Phó ban Trị sự kiêm CTK. ĐĐ. Thích Giác Ngộ, Phó BTS kiêm UV Kiểm soát BTS PG tỉnh Đắk Lắk, Trưởng BTS GHPGVN huyện Krông Pắc. ĐĐ. Thích Giác Hiệp, Trưởng ban Trị sự GHPGVN huyện Krông Bông kiêm Trưởng BTC, chư Tôn đức Trưởng BTS GHPGVN các huyện Cư M'gar, Krông Năng, Ea Kar, TX. Buôn Hồ. Ni sư Thích Nữ Trúc Tâm, Trưởng Phân ban Ni giới tỉnh Đắk Lắk cùng chư Tôn đức Tăng, chư Tôn đức Ni trụ trì các Tự viện trong và ngoài tỉnh. Chư Tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa đại diện tông phong tại Bình Định, Khánh Hòa, Ban Kinh sư tỉnh Bình Định, đông đảo Phật tử các đạo tràng trong huyện đã về tham dự và góp lời hộ niệm ■

● **NAM TRẦN**

LỄ CÔNG NHẬN CHÍNH THỨC NIỆM PHẬT ĐƯỜNG MÊ LINH VÀ RA MẮT BAN HỘ TỰ NK 2016 - 2021

Ngày 12.4.2016 (nhằm ngày 06.3 Bính Thân) tại Niệm Phật đường Mê Linh (Thôn Mê Linh 2, xã Buôn Triết, huyện Lăk tỉnh Đắk Lắk), được sự ủy nhiệm của Thường trực BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk, Ủy viên đặc trách PG huyện Lăk đã tổ chức lễ công bố quyết định Công nhận chính thức Niệm Phật đường Mê Linh và ra mắt Ban Hộ tự trong niềm hoan hỷ của Phật tử.

Quang lâm chứng minh có TT. Thích Châu Quang, UV HĐTS, Trưởng BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk. HT. Thích Giác Chí, UV HĐTS, Phó Thường trực BTS GHPGVN tỉnh. TT. Thích Giác Tiến, Phó BTS kiêm Chánh Thư ký. ĐĐ. Thích Hải Định, UV Kiểm soát BTS tỉnh. ĐĐ. Thích Nhuận Độ, UV đặc trách PG huyện Lăk, Trưởng ban Tổ chức lễ. ĐĐ. Thích Minh Giáo, Trưởng BTS PG huyện Ea Kar. Cư sĩ Thiện Thông Tạ Nam Trân, Trưởng ban TT&TT PG tỉnh, cùng chư Tôn đức Tăng Ni Thường trực BTS và các Tự viện.

Về phía chính quyền có bà H'Zúp Buôn Krông, Phó phòng Nội vụ huyện Lăk. Ông Y Miết MLô, Phó Trưởng CA huyện. Ông Nguyễn Đăng Trọng, CT UBND xã Buôn Triết, đại diện các thôn buôn trong xã và trên 500 Phật tử Kinh, Dân tộc trong huyện nhà tham dự.

Thay mặt UBND huyện, Ông Nguyễn Đăng Trọng, CT UBND xã Buôn Triết đọc quyết định số 49/QĐ-UB ngày 14.01.2016 của UBND huyện Lăk, v/v công nhận chính thức NPĐ Mê Linh và tặng hoa chúc mừng.

TT. Thích Giác Tiến công bố quyết định số 39/QĐ-BTS ngày 31.3.2016, công nhận chính thức NPĐ Mê Linh là đơn vị Phật giáo cơ sở trực thuộc sự quản lý của GHPGVN tỉnh

Đắk Lắk và QĐ số 40/QĐ ngày 31.3.2016, chuẩn y nhân sự Ban Hộ tự NPĐ Mê Linh NK 2016 - 2021, gồm 7 thành viên do Cư sĩ Nguyễn Văn Ninh, Pháp danh Thiện Hòa làm Chánh Đại diện ■

● NAM TRÂN

LỄ BỔ NHIỆM TRỤ TRÌ CHÙA TỪ TÂM

Chùa Từ Tâm, tọa lạc tại thôn Kim Châu, xã Dray B'hăng, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Sơ khởi từ cái am thờ Thổ Công, Vào năm 1985, một số Phật tử tại thôn Kim Châu có niềm khát khao, ước mong có một ngôi chùa để tu tập và làm chỗ dựa tinh thần. Năm 1987 cố Hòa thượng Thích Quang Huy, Trưởng BTS PG tỉnh đã đặt tên cho năm ngôi chùa tại huyện, trong đó có Niệm Phật đường Từ Tâm. Tháng 9 năm 2014 được sự chấp thuận của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh, lãnh đạo chính quyền địa phương chính thức công nhận là chùa Từ Tâm.

Về chứng minh và tham dự có: HT. Thích Giác Thanh, Chứng minh Ban Trị sự. TT. Thích Châu Quang, UV HĐTS, Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk. HT. Thích Giác Chí, UV HĐTS, Phó Trưởng ban Thường trực BTS. TT. Thích Giác Tiến, Phó Ban Trị sự kiêm CTK. ĐĐ. Thích Giác Hiệp, Trưởng BTS Phật giáo huyện Krông Bông, Ni sư Thích Nữ Trúc Tâm, Trưởng Phân ban Ni giới tỉnh Đắk Lắk.

Về phía chính quyền có: Ông Nguyễn Tấn Chức, Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Xuân Thành, Phó phòng Nội vụ huyện Cư Kuin. Ông Bùi Thế Đông, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Ông Ngô Tấn Lễ, Chủ tịch UBND xã Hòa Hiệp. Ông Vũ Duy Tấn, Bí thư Đảng ủy xã Hòa Hiệp. Ông Nguyễn Trọng Nhiên, Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã Dray B'hăng. Đạo hữu Tạ Nam Trân, Phó TK,

☞ kiêm Trưởng ban Thông tin & Truyền thông. Về phía Tôn giáo bạn có Linh mục Quản xứ Ea Kmar. Ni sư Thích Nữ Như Minh, BQT chùa Dược Sư, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh cùng toàn thể chư Huynh đệ Tông phong chùa Dược Sư và đông đảo các Phật tử trong và ngoài tỉnh cũng có mặt trong buổi lễ. ■

● MINH NGHIÊM

HỘI NGHỊ HUYNH TRƯỞNG GDPT HUYỆN KRÔNG BÔNG NK 2016 - 2021

Ngày 10.4.2016 (nhằm ngày 04.3 Bính Thân) tại giảng đường chùa Phước Lâm, GDPT huyện Krông Bông tổ chức hội nghị Huynh trưởng GDPT toàn huyện.

Quang lâm chứng minh Hội nghị có ĐĐ. Thích Nguyên Thân, Chánh Thư ký BTS kiêm Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử huyện Krông Bông.

Về phía Ban Hướng dẫn Phân ban, có Huynh trưởng cấp Dũng Nguyên Mãn Phan Văn Hội, Ủy viên BHD PBGDPT TW, Trưởng BHD phân ban tỉnh Đắk Lắk và các thành viên. Huynh trưởng cấp Tấn Chánh Minh Nguyễn Văn Khá, Ủy viên đại diện GDPT huyện Cư Kuin, Lắk. Huynh trưởng cấp Tín Vạn Tịnh Nguyễn Văn Thanh, Trưởng BDH GDPT huyện và các thành viên. Quý đạo hữu Trưởng, Phó ban Hộ tự, Quý bác Gia trưởng của các đơn vị Phật giáo trong huyện và gần 100 Huynh trưởng đại biểu trong toàn huyện.

Thay mặt Ban Điều hành, Huynh trưởng Vạn Tịnh Nguyễn Văn Thanh đọc Báo cáo tổng kết tu học NK 2012 - 2016... và tuyên bố mãn nhiệm kỳ. Hội nghị tiến hành giới thiệu tân Ban Điều hành mới gồm 07 Huynh trưởng do Huynh trưởng Chánh Vạn Đặng Ngọc Sơn được đề cử

làm Trưởng ban điều hành GDPT huyện Krông Bông nhiệm kỳ 2016 - 2021. Toàn thể Huynh trưởng Hội nghị nhất trí tín nhiệm, Ban Trị sự PG huyện và BHD phân ban GDPT tỉnh chuẩn y.

Thay mặt Phân ban, Huynh trưởng cấp Dũng Nguyên Mãn Phan Văn Hội tặng hoa chúc mừng tân Ban Điều hành. Trong lời đạo từ chứng minh của ĐĐ. Thích Nguyên Thân đã tán thán tinh thần cố gắng, hy sinh và nỗ lực không mệt mỏi của Huynh trưởng, Đoàn sinh để GDPT huyện vững mạnh như ngày nay, đồng thời phải phát huy hơn nữa những thành tựu đã đạt được, tiếp tục giữ vững ổn định và phát triển mạnh mẽ trong nhiệm kỳ tới để đóng góp nhiều hơn nữa vào sự hưng thịnh của GDPT và Giáo hội huyện nhà. ■

● ĐÔNG TRIỀU

LỄ ĐỘNG THỔ ĐẶT ĐÁ TRÙNG TU CHÙA PHÁP BẢO - THỊ TRẤN QUẢNG PHÚ, HUYỆN CƯ M'GAR

Sáng ngày 30.3.2016 (nhằm ngày 22.02 Bính Thân) chùa Pháp Bảo tọa lạc tại thôn 4, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar tỉnh Đắk Lắk đã diễn ra lễ động thổ khởi công xây dựng chánh điện chùa Pháp Bảo.

Chứng minh và tham dự có HT. Thích Thiện Trí, Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk, Trưởng Tiểu ban DTINTƯ. HT. Thích Giác Thanh, Chứng minh BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk. TT. Thích Châu Quang, Ủy viên HĐTS, Trưởng BTS PG tỉnh. HT. Thích Giác Chí, Ủy viên HĐTS, Phó Thường trực HĐTS. TT. Thích Giác Tiến, Phó BTS kiêm CTK. ĐĐ. Thích Trí Minh, Phó BTS kiêm Trưởng Ban Hoằng pháp. ĐĐ. Thích Minh Đăng, Trưởng ban Văn hóa PG tỉnh, Trưởng BTS PG huyện Cư M'gar. Ni sư Thích Nữ Chúc ☞

✧ Tâm, Trưởng Phân ban Ni giới tỉnh cùng chư Tôn đức giáo phẩm Thường trực BTS tỉnh, BTS PG các quận huyện và chư Tăng Ni các tu viện trong và ngoài tỉnh, Chư Huỳnh đệ tông phong tu viện Phước Hoa - Long Thành, Đồng Nai.

Về phía chính quyền có ông Trương Văn Ty, Vụ trưởng Vụ Dân tộc Tôn giáo, Ban Chỉ đạo Tây Nguyên. Ông Lê Giang Nam, Phó CT UBMTTQ VN huyện Cư M'gar. Ông Nguyễn Đức Hạnh, HUV. Ông Lê Minh Hòa, Phó phòng Nội vụ. Ông Nguyễn Tấn Cường, PCT UBND thị trấn Quảng Phú. Ông Nguyễn Ngọc Khánh, Phó Bí thư Chi bộ TDP 4 và đồng đạo các nhà hảo tâm, các mạnh thường quân và Phật tử gần xa, nhân dân địa phương ■

● ĐÔNG TRIỀU

CHƯ TÔN ĐỨC TĂNG NI TP. BUÔN MA THUẬT HỢP TRIỂN KHAI TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO VÀ ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL. 2560 - DL 2016

Ngày 28.3.2016 (nhằm ngày 20.02 Bính Thân), tại hội trường chùa Sắc tứ Khải Đoan, họp toàn thể chư Tôn đức Tăng Ni trụ trì và Cư sĩ Ban Hộ tự của 45 đơn vị Chùa, Thiền viện, Tịnh xá, Tịnh thất và NPĐ trong thành phố Buôn Ma Thuột, dưới sự chủ tọa của chư Tôn giáo phẩm Thường trực Ban Trị sự Phật giáo tỉnh: TT. Thích Châu Quang, Trưởng ban Trị sự. HT. Thích Giác Chí, Phó Trưởng ban Thường trực. TT. Thích Giác Tiến, Phó Trưởng ban kiêm CTK. ĐĐ. Thích Trí Minh, Phó Trưởng ban kiêm Trưởng ban Hoàng pháp.

Hội nghị triển khai Thông tư 292/TT-HĐTS ngày 01.8.2015 của HĐTS GHPGVN và TT số 24/TT-BTS ngày 03.3.2016 của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk, v/v hướng dẫn tổ chức Đại hội Đại biểu Phật giáo cấp Huyện, Thị xã và Thành phố trực thuộc tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021. Thông bạch số

025/2016/TB-HĐTS và TB 060/2016/TB-HĐTS ngày 07.3.2016 của HĐTS GHPGVN, v/v hướng dẫn tổ chức Đại lễ Phật đản và An cư kiết hạ PL.2560 - DL. 2016 ■

● ĐÔNG TRIỀU

LỄ CÔNG NHẬN CHÍNH THỨC NIỆM PHẬT ĐƯỜNG TỪ ÂN HUYỆN CƯ KUIN VÀ RA MẮT BAN ĐẠI DIỆN NK 2012 - 2016

Sáng ngày 10.3.2016 (nhằm ngày 02.02 năm Bính Thân) được sự chấp thuận của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh và chính quyền các cấp, Niệm Phật đường (NPĐ) Từ Ân tọa lạc tại xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin đã long trọng tổ chức lễ đón nhận Quyết định công nhận chính thức NPĐ và ra mắt Ban Đại diện NK. 2016 - 2021.

Đến chứng minh và tham dự có HT. Thích Giác Chí, Ủy viên HĐTS, Phó Trưởng ban Thường trực BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk. TT. Thích Giác Tiến, Phó Trưởng BTS kiêm CTK. ĐĐ. Thích Hải Định, Ủy viên kiểm soát BTS. ĐĐ. Thích Tâm Từ, Trưởng BTS PG huyện Cư Kuin cùng chư Tôn đức Tăng Ni trụ trì các Chùa, Tịnh xá, Tịnh thất, NPĐ trong tỉnh. Quý đại biểu chính quyền các ban ngành huyện Cư Kuin và xã Ea Tiêu đã đến dự và tặng hoa, quả chúc mừng, và hơn 500 Phật tử về tham dự lễ.

TT. Thích Giác Tiến, Phó ban Trị sự kiêm Chánh Thư ký đọc Quyết định công nhận NPĐ Từ Ân là đơn vị Phật giáo cơ sở trực thuộc của GHPGVN tỉnh Đắk Lắk, và chuẩn y nhân sự Ban Đại diện NPĐ Từ Ân NK. 2012 - 2016. HT. Thích Giác Chí, UV HĐTS thay mặt Ban Trị sự GHPGVN tỉnh trao quyết định công nhận NPĐ Từ Ân ■

● NGUYỄN LONG

Các Phật sự này đã được thông tin chi tiết trên website: phatgiaodaklak.org

Lời Ban Biên soạn



Ban Biên soạn đã nhận được thư, bài, thơ, nhạc, ảnh của quý Tác giả, CTV và độc giả sau đây:

* **Nhận bài qua Hộp thư:** Nguyễn Ngọc Thi (Krông Búk), NS. Hằng Vang (TP. Buôn Ma Thuột). Nguyễn Thoại (Tuy Hòa), Huỳnh Ngọc Thành (TP. Đà Nẵng), Ngân Thương (TP. Huế), Lương Văn Loan (Đắk Nông), Đỗ Văn Hữu (Khánh Hòa), Mai Thanh Sơn (TP. Biên Hòa).

* **Nhận bài qua Email:** Trí Bửu, Thích Thông Huệ, Thích Tâm Như, Hồng Vinh (TP. Nha Trang), Chơn Hương, Phước Thắng, Phan Thành Minh, Phạm Đạt Nhân (Lâm Đồng), Ngân Thương, Đăng Nguyên, Đào Phước Giao, Hoàng Hạ Miên, Phan Văn Thịnh (TT-Huế), TK Vi Tiểu, Trường Khánh (TP. Đà Nẵng), Phan Ngọc Thảo, Xuân Trà, Dương Đình Chí (TP. Quảng Ngãi), Mang Viên Long, Minh Nguyên, Nguyễn Văn Thái, Phạm Tuấn Vũ, Trương Ngọc Anh, Lê Thị Xuyên (Bình Định), Dạ Lữ Kiều, Lê Sa Đà, Tiến Thảo, NS. Nguyễn Phương (TP. BMT), Hạnh Phương (Đồng Nai), Phan Thành Lanh (TX. Buôn Hồ), Trương Bi, Phan Minh Đức, Diệu Thế, Minh Mẫn, Nguyễn Hoàng Duy, Lê Phương Châu, BS Đỗ Hồng Ngọc (TP.HCM), Tâm Nhiên (Kiên Giang), Y Nguyên (Phú Yên), Huỳnh Phong Lưu (An Giang), Đặng Văn Ninh (Khánh Hòa), Tuệ Khương (TP. Vũng Tàu), Nguyễn Miên Thượng (TP.Hội An), Võ Văn Tường (USA), Tâm Thường (H.Krông Bông).

Chân thành cảm ơn sự cộng tác và mong tiếp tục nhận được những sáng tác mới của Quý vị.

BAN BIÊN SOẠN

Thông báo VÔ ƯU đóng tập

Hiện tại Vô Ưu đóng tập có **tập 4** (từ 31 - 40) giá 240.000đ và **tập 5** (từ 41 - 50) giá 260.000đ (bao gồm cước gửi bảo đảm qua đường Bưu điện). Quý độc giả có nhu cầu xin liên hệ: **Cư sĩ Tạ Nam Trân, Trưởng ban Thông tin Truyền thông GHPGVN tỉnh Đắk Lắk, Hộp thư 29 Bưu điện Trung tâm TP. Buôn Ma Thuột -ĐT (0500) 3.858 649 - ĐD. 0903 519 530.**

MỜI VIẾT BÀI CHO VÔ ƯU TẬP 60

VU LAN PL.2560 - DL.2016

Kính mời Chư Tôn đức Tăng Ni - Học giả - Thiện Tri thức - Văn nghệ sĩ - Cộng tác viên và Bạn đọc viết bài cho Vô Ưu tập 60, với chủ đề **“TỨ TRỌNG ÂN”**. Cùng các chuyên mục thường xuyên: Phật pháp, Văn hóa Phật giáo, Lịch sử Danh Tăng - Tự viện, Phật hóa gia đình, Góc Vườn Lam, Sức khỏe đời sống, Món chay, Thông tin Phật sự... và sáng tác, văn, thơ, nhạc, ảnh nghệ thuật v.v...

Hạn chót nhận bài ngày **30/6/2016**.

Lưu ý: Bài viết dài khoảng 2.000 từ, thơ tối đa 16 câu, chưa công bố trên các ấn phẩm khác, vi tính hoặc viết tay rõ ràng trên 1 mặt giấy A4 (nếu là gửi qua đường Bưu điện), **Gửi bài qua Email**, xin xem chi tiết trên thông báo Vô Ưu tập 52. Bài giới thiệu về Danh Tăng - Tự viện phải có ảnh kèm theo. Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số phone để tiện liên hệ. **Bài vở gửi về: Email - noisanvouu@gmail.com hoặc Hộp thư 29 Bưu điện Trung tâm TP. Buôn Ma Thuột.**

BAN BIÊN SOẠN

PHƯƠNG DANH CHƯ TÔN ĐỨC VÀ ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN PHÁT HÀNH VÔ ƯU 58

1. Chư Tôn đức Tăng Ni

- HT Thích Thiện Đạo (Chùa Phi Lai - TP. Biên Hòa)	100 cuốn
- HT Thích Giác Tần (TX Ngọc Duyên - Bình Định)	50
- TT Thích Châu Quang (Chùa Khải Đoan - TP. Buôn Ma Thuột)	100
- TT Thích Thông Huệ (Thiền Tự TL Viên Giác - TP. Nha Trang)	210
- TT Thích Không Trú (Chùa Viên Giác - TP. Đà Lạt)	100
- TT Thích Viên Thanh (TV Vạn Hạnh - TP. Đà Lạt)	30
- ĐĐ Thích Huyền Lan (TV Phước Hoa - Long Thành - Đồng Nai)	200
- ĐĐ Thích Chơn Chánh (Chùa Tân Sơn - Ninh Thuận)	250
- TT Thích Giác Hạnh (TX Ngọc Vạn - Khánh Hòa)	250
- ĐĐ Thích Giác Tri (TX Ngọc Hòa - Bình Định)	50

2. Đơn vị, cá nhân ngoài tỉnh

- Thư quán chùa Từ Đàm (TP. Huế)	20 cuốn
- Phòng phát hành Khai Tâm (TP. Đà Nẵng)	30
- Thư quán chùa Pháp Hóa (TP. Quảng Ngãi)	20
- CTV Bùi Công Toa (TP. Huế)	30
- CTV Phan Thị Hiệp (TP. Quảng Ngãi)	80
- CTV Mang Viên Long (Thị trấn Bình Định)	20
- CTV Huỳnh Phong Lưu (Chợ Mới - An Giang)	50
- CTV Hồ Đắc Thiếu Anh (TP. Hồ Chí Minh)	10
- PT Đỗ Văn Hữu (Diên Khánh - Khánh Hòa)	08
- PT Lê Thị Kim Thông (Phong Điền - TT. Huế)	08
- Huỳnh Ngọc Thành (TP. Đà Nẵng)	10
- Phan Bá Sĩ (TP. Buôn Ma Thuột)	20

3. Các đơn vị huyện, thị xã trong tỉnh

- Ban Trị sự GHPGVN (Krông Pắc)	200 cuốn
- Ban Trị sự GHPGVN (thị xã Buôn Hồ - H. Krông Búk)	500
- Ban Trị sự GHPGVN (Cư M'gar)	200
- Ban Trị sự GHPGVN (Krông Năng)	200
- Ban Trị sự GHPGVN (Ea H'Leo)	50
- Ban Trị sự GHPGVN (Ea Kar)	100
- Tịnh xá Ngọc Bửu (Ea Kar)	30
- Tịnh xá Ngọc Chánh (Ea H'Leo)	50
- Ban Trị sự GHPGVN (Krông Ana)	100
- Ban Trị sự GHPGVN (Krông Bông)	150
- Chùa Quảng Trạch (Lắk)	30
- Chùa Liên Sơn (Lắk)	20
- Chùa An Bình (Buôn Đôn)	20
- Chùa Từ Hiếu (Buôn Đôn)	20
- Tịnh xá Hoài Nhơn (Buôn Đôn)	30
- Chùa Diệu Pháp (Ea Súp)	70

4. Các đơn vị TP. Buôn Ma Thuột

- Tịnh xá Ngọc Quang	100 cuốn
- Tịnh xá Ngọc Thạnh	20
- Tịnh xá Ngọc Ban	50
- Tịnh xá Ngọc Thành	50
- Tịnh xá Ngọc Phương	50
- Tịnh xá Ngọc Nguyên	30
- Tịnh xá Ngọc Hương	20
- Chùa Phổ Minh	10
- Chùa Hoa Lâm	50
- Chùa Bồ Đề	50
- Chùa Lâm Tì Ni	30
- Chùa Thọ Thành	50
- TV Trúc Lâm Vạn Đức	50
- Chùa Dược Sư	30
- Chùa Khánh Vân	30
- Chùa Phổ Hiền	30
- Chùa Hồng Phước	30
- Chùa Vương Xá	30
- Chùa A Dục	20
- Chùa Hưng Quang	20
- Chùa Phổ Tịnh	20
- Chùa Thiên An	20
- Chùa Liên Hoa	20
- Chùa Tây Thiên	20
- Chùa Liên Trì	40
- Chùa Nam Thiên	40
- Chùa Kỳ Viên	10
- TT. Hương Thiền	20
- NPĐ Quan Thế Âm (Ea Kao)	30

Thành kính tri ân chư Tôn đức Tăng Ni, quý Đơn vị và Cá nhân đã nhiệt tình ủng hộ phát hành Vô Ưu. Hiện tại cũng còn một số đơn vị tại thành phố Buôn Ma Thuột và các Huyện, Thị chưa quan tâm đến công tác hoằng pháp này. Kính mong chư Tôn đức và quý Đơn vị trong tỉnh phát tâm ủng hộ Vô Ưu nhiệt tình hơn nữa, để Phật pháp và đạo đức Phật giáo được lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên ■

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỈNH ĐẮK LẮK

VÔ ƯU

TẬP 59

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm nội dung

Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập

NGUYỄN TƯ TƯỜNG MINH

Biên tập:

NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG

Sửa bản in:

HỒNG ANH

VŨ VINH THƯƠNG

Trình bày:

HOÀNG PHÚC

Bìa:

HOÀNG PHÚC

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT: 38225340 - 38296764 - 38247225

Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn

Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP.HCM

ĐT: 39 433 868

Thực hiện liên kết:

TẠ NAM TRẦN

117 Phan Bội Châu, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

In lần thứ nhất. Số lượng 3.000 cuốn, khổ 19x27 cm.

Tại Công ty TNHH một thành viên In Đắk Lắk,

số 45 Nguyễn Tất Thành - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk.

XNĐKXB số: 48-2016/CXBIPH/56-302/THTPHCM ngày 07-01-2016.

QĐXB số: 488/QĐ-THTPHCM-2016 ngày 28-4-2016

ISBN: 978-604-58-4757-2 - In xong và nộp lưu chiểu tháng 5-2016.